



## **TÀI LIỆU ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026** **TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**

1. Chương trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2026;
2. Quy chế làm việc của Đại hội;
3. Báo cáo kết quả SXKD năm 2025, phương hướng nhiệm vụ năm 2026;
4. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị;
5. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát;
6. Quy chế bầu cử Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2025-2030;
7. Tờ trình bầu bổ sung thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2025-2030;
8. Tờ trình đề cử thành viên độc lập HĐQT nhiệm kỳ 2025-2030;
9. Tờ trình phê duyệt báo cáo tài chính và PPLN năm 2025;
10. Tờ trình chi trả thù lao cho Thành viên HĐQT, Ban KS;
11. Tờ trình việc lựa chọn Công ty kiểm toán BCTC năm 2026;
12. Tờ trình các hợp đồng giao dịch với người có liên quan;
13. Tờ trình sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh và sửa đổi điều lệ;
14. Dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2026.

**CHƯƠNG TRÌNH ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**  
**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV – CTCP**

| TT | Thời gian       | Nội dung  | Người thực hiện              |
|----|-----------------|---|------------------------------|
| 1  | 07h30' - 08h00' | Đón tiếp đại biểu và cổ đông. Cổ đông đăng ký tham dự đại hội với Ban kiểm tra tư cách cổ đông và nhận thẻ biểu quyết | Ban kiểm tra tư cách cổ đông |
| 2  | 08h00' - 08h20' | - Chào cờ, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu  | Bà Nguyễn Hồng Hạnh          |
|    |                 | - Giới thiệu Chủ tọa lên điều hành Đại hội  | Bà Nguyễn Hồng Hạnh          |
|    |                 | - Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông  | Ông Nguyễn Văn Tào           |
|    |                 | - Chủ tọa Đại hội cử Ban Thư ký Đại hội và cử người của Ban tổ chức Đại hội cùng điều hành ĐH.                        | Ông Lê Quang Bình            |
|    |                 | ❶ Thông qua Chương trình Đại hội  | Ông Lê Quang Bình            |
|    |                 | ❷ Thông qua Quy chế làm việc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026  | Ông Vũ Minh Tân              |
| 3  | 08h20' - 08h50' | ❸ Báo cáo thực hiện kế hoạch SXKD năm 2025, phương hướng nhiệm vụ năm 2026 Tổng công ty                               | Ông Trịnh Hồng Ngân          |
| 4  | 08h50' - 09h15' | ❹ Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2025, phương hướng nhiệm vụ năm 2026   | Ông Đặng Văn Tùng            |
| 5  | 09h15' - 09h40' | ❺ Báo cáo của BKS năm 2025, phương hướng năm 2026; Báo cáo thẩm định BCTC năm 2025                                    | Bà Lê Thị Thu Hiền           |
| 6  | 09h40' - 10h00' | Bầu cử bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2025-2030   | Ông Lê Quang Bình            |
| 7  | 10h00' - 10h15' | ❻ Tờ trình phê duyệt Báo cáo tài chính năm 2025 và phân phối lợi nhuận năm 2025 Tổng công ty                          | Ông Vũ Minh Tân              |
| 8  | 10h15' - 10h30' | ❼ Tờ trình chi trả thù lao năm 2025 và kế hoạch chi trả năm 2026 cho Thành viên HĐQT, BKS                             | Ông Vũ Minh Tân              |
| 9  | 10h30' - 10h45' | ❽ Tờ trình lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của Tổng công ty                   | Bà Lê Thị Thu Hiền           |
| 10 | 10h45' - 10h55' | ❾ Tờ trình về các hợp đồng giao dịch của Tổng công ty với doanh nghiệp và người có liên quan năm 2026.                | Ông Trịnh Hồng Ngân          |
| 11 | 10h55' - 11h15' | Thông qua một số nội dung khác thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ   | Ông Trịnh Hồng Ngân          |
| 12 | 11h15' - 11h30' | Trình bày dự thảo Biên bản và Nghị quyết Đại hội, biểu quyết thông qua  | Ban Thư ký đại hội           |
|    | 11h30'          | Bế mạc Đại hội  | Ông Lê Quang Bình            |

\* Lưu ý: Cổ đông tiến hành thảo luận và biểu quyết thông qua từng nội dung của Đại hội.

**BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI**

Số: 01/2026/QC-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 07 tháng 5 năm 2026

## **QUY CHẾ LÀM VIỆC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 14, thông qua ngày 17/6/2020;*

*Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV- CTCP (sửa đổi) ban hành theo quyết định số 302/QĐ-HĐQT ngày 16/10/2025 của Hội đồng quản trị Tổng công ty.*

Nhằm mục đích đảm bảo cho Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 được diễn ra theo đúng quy định và thành công tốt đẹp, Hội đồng quản trị Tổng công ty xây dựng Quy chế làm việc và Thể lệ biểu quyết của Đại hội với các quy định như sau:

### **CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Nguyên tắc làm việc của Đại hội:**

1. Đảm bảo nguyên tắc làm việc công khai, công bằng, dân chủ.
2. Tất cả vì quyền lợi của cổ đông Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP

#### **Điều 2. Điều kiện tham dự Đại hội:**

Cổ đông Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP có tên trong danh sách chốt quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam có quyền trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

#### **Điều 3. Điều kiện để Đại hội được tiến hành:**

1. Khi có số cổ đông dự họp đại diện trên **50%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP.
2. Trường hợp khi triệu tập Đại hội lần thứ nhất không đủ số lượng đại biểu cần thiết thì Đại hội tiếp theo được thực hiện theo Mục 2, Mục 3, Điều 19 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty. Cụ thể như sau:
  - Trường hợp ĐHĐCĐ lần thứ nhất không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội,

người triệu tập họp hủy cuộc họp. ĐHĐCĐ phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức ĐHĐCĐ lần thứ nhất. ĐHĐCĐ triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất từ 33% tổng số phiếu biểu quyết.

- Trường hợp ĐHĐCĐ lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp, ĐHĐCĐ lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành cuộc họp lần hai, và trong trường hợp này cuộc họp được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà ĐHĐCĐ lần thứ nhất dự kiến phê chuẩn.

#### **Điều 4. Trật tự của Đại hội:**

1. Tất cả các cổ đông đến tham dự Đại hội có trang phục lịch sự, xuất trình giấy tờ tùy thân, giấy mời họp và giấy tờ khác liên quan đến việc xác minh tư cách đại biểu dự họp tại bàn tiếp đón; không đưa người ngoài vào hội trường khi chưa được Ban tổ chức đồng ý.
2. Cổ đông khi tham dự ngồi đúng vị trí, khu vực do Ban tổ chức Đại hội quy định.
3. Không hút thuốc lá, không làm việc riêng, không sử dụng điện thoại di động trong phòng họp trong thời gian diễn ra Đại hội. Đại hội làm việc liên tục không giải lao.

#### **Điều 5. Quyền của cổ đông khi tham gia Đại hội:**

1. Được biểu quyết tất cả các vấn đề của Đại hội theo Điều lệ Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP và theo quy định của pháp luật.
2. Các cổ đông thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.
3. Những cổ đông không có điều kiện đi dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Tổng công ty có thể ủy quyền (bằng giấy ủy quyền theo mẫu quy định). Giấy ủy quyền phải gửi về Ban tổ chức đại hội ít nhất là **01 ngày** trước ngày tổ chức Đại hội.
4. Ban tổ chức Đại hội sẽ gửi giấy thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Tổng công ty cho các cổ đông tham dự Đại hội.
5. Các cổ đông khi đến dự Đại hội phải mang theo Giấy mời họp và giấy tờ tùy thân như: căn cước công dân (CCCD) hoặc hộ chiếu để trình cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông và được nhận một Thẻ biểu quyết có ghi rõ họ và tên, mã số cổ đông và số cổ phần mà cổ đông đại diện và các phiếu biểu quyết. Mỗi cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông đại diện tương ứng với một phiếu biểu quyết (ví dụ: Thẻ biểu quyết của đại biểu cổ đông được ghi là 300.000 cổ phần, tức là cổ đông đó có 300.000 phiếu biểu quyết).
6. Cổ đông tiến hành **thảo luận và biểu quyết thông qua từng nội dung** của Đại hội bằng phương pháp giơ Thẻ biểu quyết hoặc phiếu biểu quyết. Mỗi một nội dung biểu quyết Chủ tọa phải hỏi ý kiến cổ đông 03 lần:

- Những người tán thành.
  - Những người không tán thành.
  - Không có ý kiến.
7. Cổ đông đến dự Đại hội muộn có quyền được đăng ký vào dự ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội nhưng không có quyền tham gia và biểu quyết về những nội dung đã được Đại hội thông qua trước đó khi cổ đông chưa có mặt (hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng)

**Điều 6. Nghĩa vụ của các cổ đông khi tham dự Đại hội:**

1. Tuân thủ các quy định tại quy chế này.
2. Tôn trọng quyền điều hành của Chủ tọa Đại hội và tôn trọng kết quả biểu quyết của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.
3. Tự chịu chi phí đi lại, ăn ở để tham dự Đại hội.

**Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông:**

1. Ban kiểm tra tư cách cổ đông do Hội đồng quản trị Tổng công ty thành lập, có trách nhiệm:
  - Lập danh sách cổ đông tham dự Đại hội và niêm yết tại nơi diễn ra Đại hội.
  - Thu và kiểm tra các giấy ủy quyền tham dự Đại hội.
  - Kiểm tra cổ đông đi dự có đầy đủ và đúng thành phần.
  - Lập Báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông để đọc trước Đại hội.
  - Phát thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết cho các cổ đông trước khi vào hội trường.
2. Ban kiểm tra tư cách cổ đông có nghĩa vụ tuyệt đối trung thực, cẩn trọng khi thực hiện nhiệm vụ và phải chịu trách nhiệm về kết quả công việc của mình.

**Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa và Thư ký Đại hội:**

1. Chủ tọa Đại hội:
  - Theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty, Chủ tọa Đại hội là Chủ tịch HĐQT Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP.
  - Chủ tọa Đại hội có quyền và nghĩa vụ sau đây:
    - a) Điều khiển Đại hội thực hiện chương trình làm việc một cách hợp lệ, có trật tự.
    - b) Quyết định các vấn đề trình tự, thủ tục của Đại hội hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội.
    - c) Có quyền trì hoãn Đại hội đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do Chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của Đại hội nếu nhận thấy rằng:
      - + Hành vi của những người có mặt cản trở hoặc có khả năng cản trở diễn biến có trật tự của Đại hội.
      - + Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.

2. Thư ký Đại hội do Chủ tọa chỉ định hoặc giới thiệu để Đại hội thông qua. Thư ký có nhiệm vụ giúp việc Chủ tọa điều hành Đại hội, ghi chép và đọc Biên bản, Nghị quyết Đại hội.

## CHƯƠNG II TRÌNH TỰ VÀ NỘI DUNG ĐẠI HỘI

### **Điều 9. Trình tự tiến hành Đại hội:**

Đại hội diễn ra theo trình tự và bao gồm các nội dung sau đây:

1. Chào cờ, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu.
2. Báo cáo kết quả thẩm tra tư cách cổ đông.
3. Giới thiệu Chủ tọa Đại hội, thông qua danh sách Đoàn thư ký Đại hội.
4. Thông qua chương trình nghị sự của Đại hội.
5. Chủ tọa điều hành Đại hội, biểu quyết các nội dung Đại hội.
6. Thông qua Nghị quyết Đại hội và bế mạc Đại hội.

### **Điều 10. Biên bản cuộc họp Đại hội cổ đông:**

Tất cả các nội dung tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 phải được Thư ký Đại hội ghi vào Biên bản Đại hội của Tổng công ty. Biên bản Đại hội được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội và được lưu giữ tại Tổng công ty.

### **Điều 11. Hiệu lực thi hành:**

Quy chế này có hiệu lực thi hành đối với tất cả cổ đông tham dự Đại hội và Ban tổ chức Đại hội kể từ thời điểm Đại hội thông qua.

#### **Nơi nhận:**

- Các cổ đông;
- Thành viên HĐQT, BKS (e-copy);
- Tổng GD, Phòng TCNS (e-copy);
- CPV đăng trên website (e-copy);
- Lưu: VT, HĐQT. (H.02)



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



  
**Lê Quang Bình**

Số: 1361 /BC-CMV

Hà Nội, ngày 06 tháng 5 năm 2026

**BÁO CÁO TẠI ĐHCĐ THƯỜNG NIÊN  
VỀ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025  
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2026**

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Quyết định số 302/QĐ-HĐQT ngày 16/10/2025 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động (sửa đổi) của Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP.

Thực hiện chức trách nhiệm vụ HĐQT giao, Tổng giám đốc Tổng công ty xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và phương hướng nhiệm vụ 2026 như sau:

**PHẦN THỨ NHẤT  
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2025**

Năm 2025, tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường, cạnh tranh chiến lược gay gắt; xung đột leo thang ở Ukraina... kinh tế, thương mại phục hồi chậm, thiếu vững chắc; thiên tai, biến đổi khí hậu, an ninh năng lượng, lương thực, an ninh mạng diễn biến phức tạp. Trong nước vừa phải linh hoạt, hiệu quả trước những biến động bên ngoài như chính sách thuế của Hoa Kỳ, vừa phải khắc phục hậu quả bão lũ tại nhiều địa phương, tình hình kinh tế trong nước đối mặt với rất nhiều khó khăn, thách thức. Đối với Tổng công ty, việc thay đổi chính sách pháp luật, đặc biệt là Luật Địa chất và Khoáng sản mới, nên việc cấp giấy phép thăm dò khoáng sản còn chậm; cơn bão số 11 (Matmo) gây ngập lụt trên diện rộng tại tỉnh Thái Nguyên đã ảnh hưởng đến sản xuất của Tổng công ty; Công tác đền bù giải phóng mặt bằng khó khăn do từ ngày 01/7/2025 chuyển sang chính quyền địa phương 2 cấp và địa phương thiếu quỹ đất tái định cư nên diện sản xuất than chặt hẹp... Trước tình hình đó, Hội đồng quản trị và Bộ máy điều hành Tổng công ty với sự chỉ đạo thống nhất trong toàn hệ thống chính trị, sự nỗ lực phấn đấu của tập thể cán bộ và người lao động, Tổng công ty đã tích cực triển khai các giải pháp linh hoạt trong sản xuất kinh doanh, đoàn kết nhất trí khắc phục mọi khó khăn; thực hành tiết kiệm chi phí, đảm bảo ổn định việc làm và thu nhập cho người lao động. Kết quả sản xuất kinh doanh đạt được, cụ thể như sau:

**1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025**

| TT | Chỉ tiêu                     | ĐVT                 | NQ ĐHCĐ năm 2025 | Thực hiện năm 2025 | Tỷ lệ (%) |
|----|------------------------------|---------------------|------------------|--------------------|-----------|
| 1  | Các chỉ tiêu hiện vật        |                     |                  |                    |           |
|    | - Than nguyên khai           | 1000 Tấn            | 930              | 785,4              | 84,45     |
|    | - Bóc đất đá                 | 1000 m <sup>3</sup> | 10.766           | 8 478,4            | 78,75     |
|    | - Than sạch tự sản xuất      | 1000 Tấn            | 1.070            | 1 093,4            | 102,19    |
|    | - Than tiêu thụ              | 1000 Tấn            | 1.257            | 1 237              | 98,41     |
| 2  | Vốn điều lệ                  | Triệu đồng          | 1.050.000        | 1.050.000          | 100,00    |
| 3  | Tổng doanh thu               | "                   | 2.400.771        | 2550.970           | 106,25    |
| 4  | Lợi nhuận trước thuế         | "                   | 282.293          | 250.567            | 88,76     |
| 5  | Nộp thuế TNDN                | "                   | 56.198           | 45.740             | 81,39     |
| 6  | Lợi nhuận sau thuế           | "                   | 226.695          | 204.827            | 90,35     |
| 7  | Tỷ lệ trả cổ tức/Vốn điều lệ | %                   | ≥ 9%             | DK 10,5 %          | 116,67    |
| 8  | Đầu tư xây dựng              | Triệu đồng          | 187.899          | 310.461            | 165,23    |

Lợi nhuận trước thuế giảm 31,73 tỷ đồng so với nghị quyết ĐHCĐ, nguyên nhân chính là do than tiêu thụ chỉ đạt 98,41% so với nghị quyết ĐHCĐ và TKV điều chỉnh giảm giá than tự sản xuất với giá trị là 116 tỷ đồng.

Do sản xuất than ảnh hưởng của các yếu tố khách quan nên Tổng công ty được Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam (TKV) điều chỉnh kế hoạch theo Công văn số 7326/TKV-KH ngày 19/12/2025, các chỉ tiêu sản xuất than thực hiện đều đạt và vượt kế hoạch điều chỉnh, cụ thể:

- + Than nguyên khai : 785.429 tấn/KHĐC 780.000 tấn, bằng 100,7%;
- + Doanh thu: 2.550.970 tr.đồng/2.075.300 tr.đồng, bằng 122,9%;
- + Lợi nhuận trước thuế: 250.567 tr.đồng/242.293 tr.đồng bằng 103,4%.

## 2. Các giải pháp và công việc trọng tâm đã thực hiện trong năm 2025:

### 2.1. Công tác tổ chức điều hành sản xuất, quản lý kỹ thuật, chế biến và tiêu thụ:

#### 2.1.1. Sản xuất và tiêu thụ than:

Than tiêu thụ đạt 98,41% Nghị quyết ĐHCĐ, cụ thể như sau:

- Than giao cho NMNĐ Na Dương là 405.430 tấn/NQ 500.000 tấn bằng 81,1% NQ;
- Than giao cho NMNĐ Cao Ngạn: 465.297 tấn/NQ 444.000 tấn bằng 104,8% NQ;
- Than giao cho các đơn vị sản xuất xi măng của Tổng công ty là 285.823 tấn/NQ 300.000 bằng 95,1% NQ;
- Than tiêu thụ cho hộ khác 80.468 tấn/NQ 13.000 tấn, bằng 619%.

Nguyên nhân than tiêu thụ không đạt: Tiêu thụ cho NMNĐ Na Dương giảm và Mỏ than Núi Hồng dừng khai thác than từ 01/7/2025 do hết trữ lượng theo giấy phép khai thác và dự án mở rộng chậm tiến độ nên thiếu 73.289 tấn TNK do vậy phải mua 51.236 tấn than cám 5a.3 để pha trộn với than cám 7a NH cấp cho NMNĐ Cao Ngạn.

#### 2.1.2. Sản xuất và tiêu thụ xi măng:

Năm 2025, ngành xi măng vẫn chịu ảnh hưởng của tình hình thế giới, thị trường bất động sản có dấu hiệu phục hồi nhưng nguồn cung xi măng vẫn vượt xa so với cầu; giá nguyên,

nhiên liệu cho đầu vào cho sản xuất cao ... Trong điều kiện thị trường cạnh tranh gay gắt, các đơn vị sản xuất xi măng của Tổng công ty đã nỗ lực vượt bậc trong công tác tiêu thụ. Kết quả năm 2025, sản lượng tiêu thụ xi măng của Tổng công ty đạt 113,2% kế hoạch năm và bằng 108,13% so với cùng kỳ năm 2024, lợi nhuận đạt 130,4% kế hoạch năm.

### **2.1.3. Công tác cơ điện.**

Thực hiện bảo dưỡng sửa chữa thiết bị theo định ngạch, chất lượng bảo dưỡng sửa chữa đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của thiết bị, trong năm không có sự cố lớn xảy ra, đồng thời tăng cường các biện pháp quản lý máy móc thiết bị, sử dụng tiết kiệm nguyên, nhiên vật liệu trong sản xuất.

Toàn Tổng công ty đã thực hiện sửa chữa trung đại tu (TĐT) với 27 thiết bị/KH 27 thiết bị đạt 100% kế hoạch với giá trị thực hiện: 73 tỷ đồng/KH 79,1 tỷ đồng. Chất lượng, tiến độ TĐT thiết bị cơ bản đáp ứng yêu cầu.

### **2.1.4. Công tác áp dụng cơ giới hóa (CGH), tự động hóa (TĐH), tin học hóa (THH), chuyển đổi số (CĐS):**

Công tác CGH, TĐH, THH và CĐS được Tổng công ty quan tâm, triển khai đồng bộ các nhiệm vụ chuyển đổi số, gồm đào tạo nhận thức và ứng dụng AI cho lãnh đạo, người lao động; hoàn thành xây dựng Đề án và kế hoạch Chuyển đổi số giai đoạn 2025–2030. Hệ thống tổ chức được kiện toàn với Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số từ Tổng công ty đến các đơn vị. Nhiều ứng dụng số được đưa vào vận hành như phần mềm Bravo, chữ ký số, kho dữ liệu tập trung, kết nối trạm cân, camera, drone, phần mềm quản lý sản xuất, bảo trì và quan trắc khí thải.

## **2.2. Công tác tái cơ cấu và công tác tổ chức nhân sự.**

### **2.2.1 Công tác tái cơ cấu:**

Theo Đề án cơ cấu lại đến năm 2025 đã được Tập đoàn thông qua tại Quyết định số 1423/QĐ-TKV ngày 07/8/2024, Tổng công ty sẽ thực hiện thoái hết 51% vốn điều lệ tại Công ty cổ phần Khách sạn Thái Nguyên; 29% vốn điều lệ tại Công ty cổ phần thiết bị khai thác mỏ; 1,5% vốn điều lệ tại Công ty cổ phần Đầu tư công nghiệp Hà Nội; 10,8% vốn điều lệ tại Công ty cổ phần than điện Nông Sơn -TKV.

- Hiện nay, Tổng công ty đang trong quá trình triển khai thực hiện công tác thoái vốn tại Công ty cổ phần than điện Nông Sơn – TKV và Công ty cổ phần Khách sạn Thái Nguyên-VVMI.

### **2.2.2. Công tác quản lý lao động và phát triển nguồn nhân lực:**

- Tổng công ty tuyển dụng lao động theo kế hoạch đã được TKV thông qua. Lao động tuyển mới chủ yếu thay thế lao động nghỉ hưu và chấm dứt hợp đồng lao động. Chất lượng và ngành nghề đào tạo của lao động tuyển mới cơ bản đảm bảo yêu cầu, đáp ứng kịp thời cho sản xuất, không tuyển dụng lao động chưa qua đào tạo vào làm việc tại các đơn vị.

- Tổng số lao động của toàn Tổng công ty tại thời điểm 31/12/2025 là: 3.155 người giảm so với 01/01/2025 là: 113 người.

- Công tác quản lý lao động tiền lương thực hiện theo đúng hướng dẫn của Tổng công ty và TKV, đảm bảo việc làm, thu nhập và đời sống cho người lao động.

## **2.3. Công tác bảo vệ môi trường, an toàn - vệ sinh lao động, an ninh:**

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp bảo vệ môi trường đã cam kết trong ĐTM được duyệt, vận hành tốt các công trình bảo vệ môi trường không để xảy ra sự cố môi trường. Tổng chi phí cho công tác môi trường trong hoạt động sản xuất than năm 2025 là 65,6 tỷ đồng.

- Thực hiện đúng, đủ các quy định của pháp luật, quy chế, nội quy, quy trình, biện pháp kỹ thuật, biện pháp ATLĐ-VSLĐ-PCCN, cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động. Năm 2025, Tổng công ty không để xảy ra TNLĐ nghiêm trọng, sự cố loại I theo phân loại sự cố của TKV.

- Chủ động trong công tác phòng chống thiên tai nên trận lụt lịch sử trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên do cơn bão số 11 gây ra đã giảm tối đa thiệt hại do mưa, lũ.

- Tổng công ty và các công ty con, đơn vị trực thuộc đã phối hợp chặt chẽ với cấp ủy, chính quyền địa phương và cơ quan chức năng thực hiện tốt việc đảm bảo an ninh trật tự, bảo vệ tài sản, tài nguyên, ranh giới mỏ; thực hiện tốt chính sách quân sự quốc phòng tại doanh nghiệp.

#### **2.4. Công tác đầu tư xây dựng:**

Tổng công ty đã triển khai các hạng mục đầu tư xây dựng năm 2025 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, kết quả thực hiện như sau:

- Giá trị thực hiện là 310,46 tỷ đồng/187,9 tỷ đồng, bằng 165,23% NQ.

- Các dự án đầu tư được triển khai theo đảm bảo tiến độ, đáp ứng yêu cầu sản xuất nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Giấy phép khai thác dự án Mở rộng nâng công suất mỏ Na Dương được Tổng công ty triển khai đáp ứng yêu cầu về tiến độ theo chỉ đạo của TKV.

- Công tác bồi thường giải phóng mặt bằng tuy chưa đảm bảo tiến độ nhưng đáp ứng được diện sản xuất.

#### **2.5. Công tác quản trị chi phí giá thành, tài chính:**

- Công tác xây dựng kế hoạch, khoán quản trị chi phí thực hiện phù hợp với tình hình thực tế. Tổng công ty đã ban hành các giải pháp chủ yếu chỉ đạo và điều hành kế hoạch phối hợp kinh doanh, các giải pháp về kỹ thuật, công nghệ, tiết giảm chi phí, tăng năng suất lao động.

- Thực hiện kiểm soát chặt chẽ chi phí khoán đối với các đơn vị, các giải pháp tiết kiệm chi phí, kiểm soát chặt chẽ chi phí từ đầu vào đến đầu ra ở tất cả các công đoạn sản xuất kinh doanh. Tổng công ty đã ban hành quyết định 1318/QĐ-CMV ngày 21/5/2025 về việc ban hành chương trình thực hành tiết kiệm chống lãng phí.

- Thực hiện mua sắm vật tư đúng quy định, đảm bảo chất lượng với giá cả cạnh tranh, kiểm soát chặt chẽ việc mua sắm, sử dụng và tồn kho vật tư ở tất cả các đơn vị. Giá trị tồn kho vật tư toàn Tổng công ty tại thời điểm 31/12/2025 đạt 2,47%/6% quy định của TKV.

- Công tác tiêu thụ than thực hiện tốt các quy định của TKV. Phối hợp kịp thời với Công ty cổ phần kinh doanh than Miền Bắc đảm bảo đủ nguồn than cám 5a.3 để pha trộn với than sản xuất của Tổng công ty đảm bảo số lượng, chất lượng đáp ứng theo nhu cầu của các nhà máy nhiệt điện Cao Ngạn, Na Dương.

- Đảm bảo cân đối tài chính toàn Tổng công ty. Điều hành, sử dụng linh hoạt các dòng tiền, thanh toán công nợ phải trả nhà cung cấp đúng theo điều khoản của hợp đồng, trả trước các khoản vay trung hạn đến hạn trả và cân đối trả hết các khoản vay có lãi suất cao. Quản lý tốt công tác đầu tư xây dựng cơ bản, quyết toán vốn kịp thời các dự án hoàn thành.

*Năm 2025, Bộ máy điều hành Tổng công ty đã nỗ lực thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý, điều hành và nêu cao vai trò trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông. Toàn thể cán bộ, công nhân viên đoàn kết nhất trí để vượt qua những khó khăn, sản xuất kinh doanh có hiệu quả.*

**PHẦN THỨ HAI**  
**MỤC TIÊU NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP CHỈ ĐẠO,**  
**ĐIỀU HÀNH KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2026**

**Đặc điểm tình hình chung.**

Tình hình kinh tế thế giới và trong nước vẫn đang đối mặt với rất nhiều khó khăn, thách thức, biến động địa chính trị toàn cầu còn phức tạp; Xung đột quân sự tại khu vực Trung Đông khởi phát từ ngày 28/02/2026 đã và đang làm gia tăng ảnh hưởng tiêu cực tới vận tải, giao thương quốc tế và chuỗi cung ứng hàng hóa toàn cầu, đặc biệt là nguồn cung dầu mỏ và năng lượng làm giá dầu thế giới và trong nước tăng cao. Trong khi đó công tác đền bù giải phóng mặt bằng, cấp giấy phép khai thác gặp khó khăn, các dự án mở rộng nâng công suất mỏ đi vào hoạt động tạo cơ hội bứt phá cho sản xuất than nhưng vẫn còn nhiều thách thức; thị trường tiêu thụ xi măng cạnh tranh khốc liệt sẽ ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh.

**1. Mục tiêu điều hành kế hoạch năm 2026 của Tổng công ty là:**

*Điều hành sản xuất linh hoạt, ứng phó kịp thời với các biến động của thực tế sản xuất và nhu cầu thị trường; áp dụng khoa học công nghệ tiên tiến, đẩy mạnh áp dụng CGH, TĐH và CDS; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, phát huy truyền thống “Kỷ luật và Đồng tâm” từng bước thực hiện đổi mới, sáng tạo, khai thác tối đa chuỗi giá trị gia tăng trên nền sản xuất than – vật liệu xây dựng quyết tâm vượt khó, thích ứng linh hoạt, ổn định sản xuất kinh doanh, phấn đấu hoàn thành toàn diện các mục tiêu:*

**ĐOÀN KẾT - AN TOÀN - ĐỔI MỚI - PHÁT TRIỂN**

**2. Các chỉ tiêu chủ yếu về SXKD.**

| <b>TT</b> | <b>Tên chỉ tiêu</b>          | <b>ĐVT</b> | <b>KH năm 2026</b> |
|-----------|------------------------------|------------|--------------------|
| 1         | Các chỉ tiêu hiện vật        |            |                    |
|           | - Than nguyên khai           | 1000 Tấn   | 1.350              |
|           | - Bóc đất đá                 | 1000 m3    | 17.360             |
|           | - Than sạch tự sản xuất      | 1000 Tấn   | 1.559              |
|           | - Than tiêu thụ              | 1000 Tấn   | 1.664              |
| 2         | Vốn điều lệ                  | Triệu đồng | 1.050.000          |
| 3         | Tổng doanh thu               | "          | 2.680.956          |
| 4         | Lợi nhuận trước thuế         | "          | 153.887            |
| 5         | Nộp thuế TNDN                | "          | 30.777             |
| 6         | Lợi nhuận sau thuế           | "          | 123.110            |
| 7         | Tỷ lệ trả cổ tức/Vốn điều lệ | %          | ≥ 8%               |
| 8         | Đầu tư xây dựng              | Triệu đồng | 381.026            |

**3. Các giải pháp thực hiện:**

**3.1 Đẩy mạnh sản xuất, tiêu thụ, nâng cao hiệu quả trong sản xuất kinh doanh:**

- Đảm bảo khối lượng, chất lượng than cấp cho Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn, Na Dương và các đơn vị xi măng của Tổng công ty

- Thực hiện tốt các chỉ tiêu công nghệ chủ yếu như: độ tro than nguyên khai, hệ số bóc đất đá, cung độ vận chuyển, tỷ lệ thu hồi than sạch, tỷ lệ tổn thất tài nguyên và các chỉ tiêu công nghệ khác của sản xuất than đã được TKV thông qua.

- Tiếp tục ứng dụng cơ giới hóa, tự động hóa, tin học hóa vào sản xuất kinh doanh, nâng cao mức độ an toàn, cải thiện môi trường, điều kiện làm việc, nâng cao năng lực vận tải, năng suất lao động, giảm giá thành.

- Bám sát Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các sở ngành tỉnh Thái Nguyên để khẩn trương hoàn thiện các thủ tục pháp lý đưa Dự án Mở rộng nâng công suất mỏ Núi Hồng vào sản xuất; Hoàn thiện hồ sơ và trình các cấp có thẩm quyền xin điều chỉnh giấy phép khai thác Dự án khai thác lộ thiên mỏ than Khánh Hòa (điều chỉnh).

- Triển khai các thủ tục pháp lý để được bán đá thải mỏ Khánh Hòa phục vụ làm vật liệu san lấp; đá thải mỏ Na Dương cho nhu cầu sản xuất gạch để nâng cao chuỗi giá trị sản xuất than.

- Hoàn thiện dự án xây dựng xường sàng công suất 1,2 triệu tấn/năm phục vụ cấp than cho NMTĐ Na Dương I và Na Dương II.

- Theo dõi sạt lở bờ trụ khu III mỏ Na Dương để kịp thời có biện pháp đảm bảo an toàn cho sản xuất và lập biện pháp xử lý sạt lở khi có kết quả Báo cáo đánh giá ổn định bờ trụ mỏ Na Dương do Viện Khoa học Công nghệ mỏ lập.

### **3.2. Công tác thăm dò, khảo sát và bảo vệ môi trường:**

- Thực hiện các công trình khảo sát, thăm dò phục vụ sản xuất đảm bảo tiến độ. Phối hợp với đơn vị tư vấn thực hiện Đề án thăm dò khu mỏ Núi Hồng sau khi được cấp phép.

- Rà soát, thực hiện đồng bộ các thủ tục hồ sơ pháp lý môi trường đảm bảo theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường, hoàn thiện thủ tục để được cấp phép môi trường đối với các dự án khai thác khoáng sản.

- Triển khai thực hiện thi công Dự án đầu tư xây dựng trạm xử lý nước thải mỏ than Núi Hồng công suất 350m<sup>3</sup>/giờ.

- Tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Công ty Môi trường TKV để công tác xử lý nước thải khai trường mỏ đáp ứng yêu cầu sản xuất than, đồng thời chất lượng nước thải sau xử lý đảm bảo theo đúng quy định.

- Phối hợp với đơn vị tư vấn trình Bộ Nông nghiệp & Môi trường phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM), phương án cải tạo phục hồi môi trường (CPM) cho Dự án mở rộng nâng công suất mỏ Núi Hồng.

### **3.3. Công tác đầu tư xây dựng và đền bù giải phóng mặt bằng:**

#### **\* Công tác đầu tư xây dựng:**

- Thực hiện đầu tư đảm bảo tiến độ các dự án Mở rộng nâng công suất mỏ Núi Hồng, Dự án khai thác lộ thiên mỏ Khánh Hòa (điều chỉnh) và đầu tư duy trì để kịp thời phục vụ sản xuất.

- Đối với dự án Mở rộng nâng công suất mỏ Núi Hồng do thiết bị chủ yếu được đầu tư mới theo dự án với thời gian gấp rút do vậy phải tập trung nguồn lực, có các giải pháp đẩy nhanh tiến độ đầu tư.

- Triển khai quyết liệt đầu tư hệ thống phát điện sử dụng nhiệt khí thải đối với Xi măng Tân Quang và Xi măng Quán Triều; Dự án đầu tư dây hệ thống đóng bao xi măng 110 tấn/h, chuẩn bị dự án Cải tạo dây chuyền sản xuất xi măng tại Công ty xi măng La Hiên.

**\* Về công tác bồi thường giải phóng mặt bằng:**

Tích cực phối hợp với các địa phương, triển khai quyết liệt công tác đền bù giải phóng mặt bằng đáp ứng yêu cầu của sản xuất tại các đơn vị sản xuất than, cụ thể như sau:

- Tập trung công tác đền bù để mở rộng khai trường khu III, nắn suối Toòng Gianh để mở rộng bãi thải Vách tại mỏ Na Dương.

- Tăng cường công tác đền bù GPMB để mở rộng khai trường, bãi thải Nam, bãi thải Tây và nắn suối phía Bắc khai trường tại mỏ Khánh Hòa, trong đó trọng tâm là phối hợp với chính quyền địa phương trong việc bố trí tái định cư cho các hộ dân bị thu hồi đất ở.

- Khẩn trương đền bù giải phóng mặt bằng, thủ tục thuê đất theo dự án Mở rộng nâng công suất mỏ Núi Hồng để phục vụ sản xuất, mặt bằng sản công nghiệp và trạm xử lý nước thải.

**3.4. Công tác tự động hóa, tin học hóa, chuyển đổi số.**

**\* Công tác tự động hóa, tin học hóa:**

Tiếp tục triển khai thực hiện hoàn thành các công trình TĐH, THH tại các đơn vị xi măng và than theo kế hoạch.

**\* Công tác chuyển đổi số:**

Thực hiện Đề án, kế hoạch chuyển đổi số giai đoạn 2025-2030 của Tổng công ty, trong đó tập trung triển khai các nhóm nhiệm vụ trọng tâm năm 2026 như sau:

- Xây dựng hệ thống báo cáo thông minh (BI) và kho dữ liệu dùng chung (Datalake/Data Warehouse) đồng bộ với hệ thống báo cáo của TKV.

- Xây dựng hệ thống HRM - Quản trị nhân sự trong toàn Tổng công ty, bao gồm: Hồ sơ nhân sự điện tử, chấm công, tiền lương, đánh giá KPIs, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực.

- Xây dựng hệ thống lệnh sản xuất và giao ca trực tuyến tại 03 Công ty sản xuất xi măng, bảo đảm giao việc trực tuyến, theo dõi tiến độ, kiểm soát năng suất và kết nối dữ liệu với các hệ thống quản trị sản xuất.

- Xây dựng hệ thống quản lý sản xuất và khai thác mỏ, phục vụ công tác lập kế hoạch, điều độ sản xuất, quản lý trữ lượng, giám sát thiết bị và hiện trường khai thác tại các đơn vị mỏ.

- Xây dựng hệ thống bảo trì - bảo dưỡng thiết bị (CMMS), chuẩn hóa danh mục tài sản, chu kỳ bảo dưỡng, định mức vật tư sửa chữa; đảm bảo kết nối dữ liệu với hệ thống sản xuất và kho vật tư.

- Xây dựng hệ thống quản lý dự án đầu tư nhằm theo dõi tiến độ, chi phí, hồ sơ pháp lý, khối lượng thực hiện và công tác quyết toán các dự án đầu tư xây dựng cơ bản trong toàn Tổng công ty.

**3.5. Quản lý công tác Vật tư - Thương mại:**

- Thực hiện nghiêm túc các quy định của Nhà nước, của TKV và của Tổng công ty về quản lý vật tư, gắn trách nhiệm trực tiếp của Thủ trưởng đơn vị, tập thể, cá nhân đối với việc thực hiện công tác vật tư.

- Vật tư tồn kho cân đối ở mức hợp lý, hạn chế tối đa vật tư chậm luân chuyển; phân loại thu hồi vật tư có thể tái sử dụng.

### **3.6. Tổ chức, nhân sự:**

\* **Công tác tái cơ cấu:** Đẩy nhanh thực hiện Đề án cơ cấu lại Tổng công ty giai đoạn 2026-2030.

#### **\* Quản lý lao động và tiền lương:**

- Thực hiện mục tiêu “Doanh nghiệp ít người - trả lương cao” theo tinh thần Nghị quyết số 49 – NQ/ĐU ngày 24/7/2018 của Đảng ủy Tổng công ty về việc tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chiến lược nguồn nhân lực giai đoạn 2018 – 2020, tầm nhìn đến 2030.

- Tiếp tục sắp xếp lao động, đưa tỷ trọng lao động giữa các khối quản lý, phục vụ, phụ trợ và công nghệ về cơ cấu hợp lý. Theo đó, giảm lao động phục vụ phụ trợ, tăng lao động công nghệ. Tiếp tục đổi mới cơ cấu và chất lượng lao động bằng cách đào tạo cập nhật kiến thức mới, đào tạo nâng cao chuyên môn nghiệp vụ; tuyển dụng kỹ sư, cử nhân các chuyên ngành phục vụ cơ giới hóa, tự động hóa, quản trị doanh nghiệp hiện đại.

- Công ty than Núi Hồng, Na Dương thực hiện tuyển dụng, đào tạo đảm bảo lao động có trình độ, kỹ năng nghề đáp ứng nhu cầu cho dự án Mở rộng nâng công suất mỏ.

#### **\* Đào tạo và chế độ với người lao động:**

- Tăng cường đào tạo, giáo dục ý thức, tác phong công nghiệp, lòng yêu nghề, gắn bó lâu dài với doanh nghiệp bằng kỷ luật lao động và đãi ngộ vật chất, tinh thần trên cơ sở phát huy truyền thống văn hóa của người thợ mỏ.

- Làm tốt công tác quy hoạch để lựa chọn cán bộ có năng lực tham gia học tập các chương trình đào tạo phù hợp mục đích sử dụng, tạo cơ hội cho cán bộ thăng tiến, phát triển.

- Ưu tiên đào tạo, bồi dưỡng tập trung đối với các chương trình đào tạo chức danh, các chuyên đề trọng điểm.

- Duy trì, thực hiện tốt chế độ phúc lợi và chăm sóc sức khỏe, cải thiện điều kiện làm việc, ăn, ở, đi lại cho người lao động.

### **3.7. Quản trị doanh nghiệp:**

- Tiếp tục rà soát, sửa đổi bổ sung hoàn thiện các quy chế, quy định quản lý nội bộ phù hợp với pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty.

- Xây dựng các giải pháp tiết kiệm chi phí, kiểm soát chặt chẽ chi phí từ đầu vào đến đầu ra ở tất cả các công đoạn sản xuất kinh doanh. Các đơn vị tự chịu trách nhiệm về công tác khoán, quản trị chi phí và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị mình theo pháp luật hiện hành và Quy chế quản trị chi phí kinh doanh của Tổng công ty.

- Thực hiện nghiêm sự phối hợp ưu tiên sử dụng các sản phẩm và dịch vụ của nhau để giúp nhau cùng phát triển, đạt hiệu quả chung cao nhất theo cơ chế thị trường và không làm tổn hại đến lợi ích của các bên tham gia.

- Thực hiện nghiêm túc quy chế kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật và tuân thủ các quy định của chủ sở hữu, ban hành theo quyết định số 1520/QĐ-TKV ngày 22/8/2024. Phòng Quản lý vốn-Kiểm soát nội bộ, Ban kiểm soát các công ty thực hiện chức trách nhiệm vụ, kiểm soát thường xuyên hoạt động của đơn vị để đưa ra cảnh báo kịp thời.

- Đẩy mạnh công tác pháp chế doanh nghiệp, quản trị rủi ro, công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật đến người lao động nhằm tăng cường ý thức thực thi pháp luật và đảm bảo các hoạt động SXKD theo đúng quy định của pháp luật.

- Tăng cường công tác quản trị tài chính và quản trị rủi ro trong kinh doanh nhất là công tác quản lý nợ phải thu khách hàng ở các đơn vị sản xuất xi măng và kinh doanh thương mại.

- Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các công ty con tổ chức thực hiện theo đúng điều lệ của đơn vị. Tổng công ty thông báo các chỉ tiêu chính: doanh thu, tiền lương bình quân, lợi nhuận, tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu và tỷ lệ phần trăm (%) trả cổ tức các cổ đông.

### **3.8. Tăng cường hợp tác, phối hợp với các cơ quan tại địa phương:**

Đảm bảo sự phát triển hài hòa trên địa bàn; tiếp tục chủ động phối hợp tốt với cấp ủy, chính quyền địa phương để tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty tại địa phương, trong đó đặc biệt là công tác đền bù giải phóng mặt bằng tạo diện khai thác và đổ thải, quản lý tài nguyên, ranh giới mỏ.

Do ảnh hưởng chiến sự Trung Đông làm giá cả đầu vào biến động, ảnh hưởng đến hiệu quả SXKD, đặc biệt giá dầu Diesel tăng mạnh (Các chỉ tiêu SXKD trình tại đại hội đã được TKV thông qua tại thời điểm giá dầu Diesel là 17.280 đồng/lít, Diesel chiếm 19,17% giá thành sản xuất than). Để chủ động ứng phó với tác động của cuộc xung đột quân sự tại Trung Đông, Tổng công ty xây dựng kịch bản kế hoạch các chỉ tiêu sản xuất theo giá nhiên liệu. Đề nghị ĐHĐCĐ Tổng công ty ủy quyền cho HĐQT điều chỉnh các chỉ tiêu công nghệ phù hợp với tình hình thực tế.

Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025, phương hướng hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2026 của Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2026.

Rất mong được sự tham gia góp ý của Quý vị cổ đông.

Trân trọng!

#### **Nơi nhận:**

- Các cổ đông;
- Thành viên HĐQT, Ban KS (e-copy);
- Tổng GD, các Phó TGD (e-copy);
- Các đơn vị, các phòng Tcty (e-copy);
- Lưu: VT, Thư ký TCT, KTKH (T.03)





Số: 15 1 /BC – HĐQT

Hà Nội, ngày 07 tháng 5 năm 2026

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
TẠI ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**

**Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026  
Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV- CTCP (sửa đổi) ban hành theo quyết định số 302/QĐ-HĐQT ngày 16/10/2025 của Hội đồng quản trị Tổng công ty.

- Căn cứ Quy chế hoạt động của HĐQT Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV- CTCP theo quyết định số 108/QĐ-HĐQT ngày 22/4/2021 của Hội đồng quản trị Tổng công ty.

**\* Cơ cấu Hội đồng quản trị Tổng công ty năm 2025 gồm 5 thành viên:**

| TT | Thành viên HĐQT     | Chức vụ                       | Ghi chú        |
|----|---------------------|-------------------------------|----------------|
| 1  | Ông Lê Quang Bình   | Chủ tịch Hội đồng quản trị    |                |
| 2  | Ông Trịnh Hồng Ngân | Thành viên HĐQT- TGĐ          |                |
| 3  | Ông Đặng Văn Tùng   | Thành viên HĐQT chuyên trách  |                |
| 4  | Ông Vũ Minh Tân     | Thành viên HĐQT –chuyên trách | Từ 16/10/2025  |
| 5  | Ông Phạm Văn Lỗ     | Thành viên độc lập HĐQT       | Đến 15/10/2025 |

Từ 15/10/2025 đến kỳ ĐHĐCĐ thường niên 2026: 04 Thành viên

**\* Về cơ cấu vốn góp:**

Vốn điều lệ: 1 050 000 000 000 đồng

Vốn góp của Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt nam: 98,19%

Vốn góp của các cổ đông khác: 1,81%

Tổng công ty là công ty đại chúng niêm yết trên sàn giao dịch HNX.

*Hội đồng quản trị (HĐQT) Tổng công ty xin báo cáo ĐHĐCĐ kết quả hoạt động của HĐQT năm 2025, phương hướng hoạt động năm 2026 như sau:*

**I. Kết quả hoạt động năm 2025.**

**1. Về tình hình chung :**

Năm 2025 Tổng công ty thực hiện nhiệm vụ SXKD trong điều kiện có nhiều khó khăn:

\*Về khai thác than :

- Thời tiết mưa bão đã gây ảnh hưởng lớn đến sản xuất của các đơn vị sản xuất than và xi măng của Tổng công ty tại Tỉnh Thái Nguyên. Việc tăng cường huy động thủy điện của EVN đã làm giảm đáng kể nhu cầu tiêu thụ than cho phát điện, dẫn đến sản lượng than khai thác và tiêu thụ không đạt kế hoạch.

- Dự án Mở rộng nâng công suất mỏ Núi Hồng chậm tiến độ do phần diện tích mở rộng chưa có trong quy hoạch đất phục vụ cho khai thác khoáng sản nên việc xin chấp thuận chủ trương đầu tư, phê duyệt ĐTM, cấp giấy phép khai thác gặp rất nhiều khó khăn, kéo dài đã ảnh hưởng trực tiếp đến việc làm và thu nhập của người lao động.

- Công tác đền bù, GPMB gặp nhiều vướng mắc do thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất kéo dài và địa phương thiếu quỹ đất tái định cư nên diện khai thác, đổ thải chật hẹp, khai trường gần khu dân cư làm cho quy mô bãi nổ mìn nhỏ.

\* Về sản xuất và tiêu thụ xi măng: Thị trường xi măng năm 2025 vẫn tình trạng mất cân đối cung - cầu, giá nguyên, nhiên liệu cho đầu vào cho sản xuất xi măng vẫn ở mức cao, tiêu thụ nội địa còn yếu, thị trường nhà ở, bất động sản phục hồi chậm, giá cả cạnh tranh gay gắt v,v.....

Dưới sự chỉ đạo thống nhất trong hệ thống chính trị Tổng công ty, sự chỉ đạo của Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam, sự giúp đỡ của chính quyền các địa phương nơi các đơn vị của Tổng công ty đóng trên địa bàn. Tập thể người lao động Tổng công ty đã đoàn kết, khắc phục mọi khó khăn, tiết kiệm chi phí, ổn định sản xuất kinh doanh. Tổng công ty đã hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2025, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động .

+ Về khai thác và tiêu thụ than: Khai thác than đảm bảo an toàn, đáp ứng đủ nhu cầu than cho các nhà máy điện, nhà máy xi măng và cung cấp cho thị trường.

+ Về sản xuất, tiêu thụ xi măng: Các công ty xi măng của Tổng công ty đã tăng cường công tác quản lý và vận hành thiết bị, nâng cao được năng suất; bám sát thị trường tiêu thụ, làm tốt công tác tiếp thị thị trường, linh hoạt trong việc quyết định giá bán. Thực hiện các giải pháp trong quản lý, điều hành để giảm chi phí và tăng hiệu quả trong SXKD. Năm 2025 sản lượng tiêu thụ xi măng toàn Tổng công ty vượt kế hoạch.

+ Các công ty sản xuất, kinh doanh khác: Đã có nhiều giải pháp thực hiện tiết kiệm chi phí nguyên, nhiên vật liệu, điện năng, chi phí quản lý v,v... nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ, tăng năng suất lao động và đảm bảo được hiệu quả SXKD.

**2. Kết quả thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ năm 2025:**

| TT | Chỉ tiêu                | ĐVT                 | NQ ĐHCĐ năm 2025 | Thực hiện năm 2025 | Tỷ lệ (%) |
|----|-------------------------|---------------------|------------------|--------------------|-----------|
| 1  | Các chỉ tiêu hiện vật   |                     |                  |                    |           |
|    | - Than nguyên khai      | 1000 Tấn            | 930              | 785,429            | 84,45     |
|    | - Bóc đất đá            | 1000 m <sup>3</sup> | 10.766           | 8 478,396          | 78,75     |
|    | - Than sạch tự sản xuất | 1000 Tấn            | 1.070            | 1 093,447          | 102,19    |
|    | - Than tiêu thụ         | 1000 Tấn            | 1.257            | 1 236,990          | 98,41     |
| 2  | Vốn điều lệ             | Triệu đồng          | 1.050.000        | 1.050.000          | 100,00    |
| 3  | Tổng doanh thu          | "                   | 2.400.771        | 2.550.969          | 106,26    |

| TT | Chỉ tiêu                     | ĐVT        | NQ ĐHCĐ năm 2025 | Thực hiện năm 2025 | Tỷ lệ (%) |
|----|------------------------------|------------|------------------|--------------------|-----------|
| 4  | Lợi nhuận trước thuế         | "          | 282.293          | 250.567            | 88,76     |
| 5  | Nộp thuế TNDN                | "          | 56.198           | 45.740             | 81,39     |
| 6  | Lợi nhuận sau thuế           | "          | 226.695          | 204.827            | 90,35     |
| 8  | Tỷ lệ trả cổ tức/Vốn điều lệ | %          | ≥ 9              | Dự kiến 10,5       | 116,67    |
| 9  | Đầu tư xây dựng              | Triệu đồng | 187.899          | 310.461            | 165,23    |

Trong năm được sự ủy quyền của ĐHCĐ thường niên năm 2025, Hội đồng quản trị Tổng công ty đã điều chỉnh một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh gồm: khối lượng than nguyên khai khai thác; than tiêu thụ; khối lượng đất đá bóc v.v... để phù hợp với tình hình thực tế SXKD của Tổng công ty.

### **3.1. Việc chấp hành pháp luật và Điều lệ tổ chức, hoạt động của Tổng công ty:**

- HĐQT thực hiện chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ Tổng công ty, ban hành và triển khai thực hiện các nghị quyết tuân thủ theo đúng quy định.

- Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 đúng theo quy định.

- Quyết định và thực hiện các quyền và lợi ích hợp pháp của Tổng công ty và các cổ đông.

- Tổ chức các cuộc họp HĐQT định kỳ, bám sát nội dung Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, cơ chế điều hành phối hợp SXKD của TKV; tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp. Tiến hành các cuộc họp đột xuất để giải quyết các vấn đề liên quan đến quản lý điều hành của Tổng công ty theo đúng thẩm quyền của HĐQT.

- Hội đồng quản trị giao kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 và các quý trong năm, có các giải pháp để Tổng công ty vượt qua khó khăn, hoàn thành kế hoạch SXKD.

- Thực hiện việc giám sát hoạt động của Ban giám đốc điều hành trong việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT. Kiện toàn công tác tổ chức, công tác cán bộ từ Tổng công ty đến các đơn vị, bổ nhiệm các nhân sự thuộc thẩm quyền.

- Ban hành các nghị quyết chỉ đạo người đại diện của Tổng công ty tại các Công ty con là Chủ tịch HĐQT, Giám đốc Công ty trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ. Tăng cường giám sát quản lý phần vốn của Tổng công ty tại các doanh nghiệp có vốn đầu tư của Tổng công ty thông qua người đại diện của Tổng công ty tại các doanh nghiệp.

- Có các giải pháp để tháo gỡ khó khăn cho các công ty con gặp khó khăn trong thực hiện nhiệm vụ SXKD.

### **3.2. Tổng kết các cuộc họp của HĐQT và Ban hành các văn bản quản lý:**

Trong năm 2025 Hội đồng quản trị Tổng công ty đã tổ chức 48 phiên họp trực tiếp; đã ban hành 250 nghị quyết, quyết định về các vấn đề chiến lược, các quyết định quan trọng liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư của Tổng công ty thuộc phạm vi thẩm quyền của HĐQT. Các phiên họp đều có sự tham dự họp và đóng góp ý kiến của Ban Kiểm soát, Ban giám đốc Tổng công ty.

Các cuộc họp của HĐQT đã thực hiện theo đúng Điều lệ; thành phần tham dự họp HĐQT được tham dự đầy đủ; tài liệu cung cấp cho các thành viên HĐQT được cung cấp đầy đủ và đúng thời gian quy định; các thành viên HĐQT đã thực hiện đầy đủ quyền hạn của mình trong việc biểu quyết thông qua các vấn đề trong nghị quyết cuộc họp.

### **3.3. Công tác tái cơ cấu Tổng công ty:**

- Theo Đề án cơ cấu lại giai đoạn năm 2021-2025 đã được Tập đoàn thông qua tại Quyết định số 1423/QĐ-TKV ngày 7/8/2024, Tổng công ty sẽ thực hiện thoái hết 51% vốn điều lệ tại Công ty cổ phần Khách sạn Thái Nguyên; 29% vốn điều lệ tại Công ty cổ phần thiết bị khai thác mỏ; 1,5% vốn điều lệ tại Công ty cổ phần Đầu tư công nghiệp Hà Nội; 10,8% vốn điều lệ tại Công ty cổ phần than điện Nông Sơn -TKV.

- Năm 2025 Tổng công ty đang trong quá trình triển khai thực hiện công tác thoái vốn tại Công ty cổ phần than điện Nông Sơn – TKV và Công ty cổ phần Khách sạn Thái Nguyên-VVMI.

### **3.4. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban điều hành Tổng công ty:**

- Hội đồng quản trị thống nhất với báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 của Ban điều hành Tổng công ty.

- Ban điều hành Tổng công ty đã chấp hành các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các nghị quyết, quyết định của HĐQT; tuân thủ các quy định của pháp luật và các quy định của Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam.

- Đã có các giải pháp linh hoạt trong tổ chức điều hành sản xuất kinh doanh, kịp thời xử lý vướng mắc khó khăn trong quá trình sản xuất, tiết kiệm chi phí, ổn định việc làm và thu nhập cho người lao động

- Ban điều hành thực hiện nghiêm túc các quy định công bố thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và của UBCKNN.

- Đã tăng cường công tác kiểm soát hoạt động của các Công ty con, phối hợp trong công tác điều hành sản xuất và thị trường tiêu thụ sản phẩm nhằm nâng cao hiệu quả vốn đầu tư.

- Có biện pháp giảm các chỉ tiêu hàng tồn kho, tăng cường đôn đốc thu hồi công nợ để tăng vòng quay vốn lưu động, giảm dư vay ngắn hạn, giảm lãi vay trong giá thành, đạt các chỉ tiêu tài chính được TKV giao.

- Các phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng đã thực hiện tốt các nhiệm vụ được Tổng giám đốc phân công, ủy quyền; cùng với Tổng giám đốc quản lý, điều hành Tổng công ty thực hiện các chỉ tiêu SXKD. Các Thành viên trong Bộ máy điều hành đoàn kết, có sự phối hợp tốt trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

- Đối với các cán bộ quản lý trong Tổng công ty không phát hiện các dấu hiệu vi phạm quy chế, quy định của Tổng công ty và các quy định của nhà nước

- Các Phó Tổng giám đốc được cử làm Người đại diện phần vốn của Tổng công ty là Chủ tịch HĐQT, là Thành viên HĐQT tại các công ty con và công liên kết đã lãnh đạo và tham gia với các đơn vị hoàn thành nhiệm vụ SXKD 2025 bảo toàn và phát triển vốn.

**\* Đánh giá công tác quản lý điều hành năm 2025:** Mặc dù gặp nhiều khó khăn Tổng công ty đã thực hiện sản xuất kinh doanh có lãi; Bảo đảm an toàn về

vốn và tài sản, hoàn thành nghĩa vụ ngân sách với Nhà nước, ổn định việc làm và thu nhập cho người lao động.

**Tồn tại:**

- Do nhu cầu tiêu thụ của các nhà máy Nhiệt điện giảm sâu, dẫn đến than nguyên khai, đất bóc, than tiêu thụ không đạt kế hoạch.

- Giá than giảm so với kế hoạch làm giảm giá trị than tiêu thụ dẫn đến lợi nhuận sản xuất than không đạt kế hoạch.

- Giấy phép khai thác dự án Mở rộng nâng công suất mỏ Núi Hồng chậm tiến độ do phần diện tích mở rộng dự án chưa có trong quy hoạch đất phục vụ khai thác khoáng sản.

- Trong năm 2025 đề xảy ra 05 vụ tai nạn lao động nặng và 01 vụ mất ANTT.

**3.5. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của các Thành viên HĐQT:**

- Các Thành viên Hội đồng quản trị đều tham gia đầy đủ các cuộc họp. Nội dung tại các cuộc họp đã được các thành viên nhất trí thông qua với tỷ lệ 100%.

- Các Thành viên Hội đồng quản trị thực hiện đầy đủ các nội dung công việc được phân công tại quyết định số: 304/QĐ-HĐQT ngày 22 tháng 10 năm 2025, theo Quy chế làm việc của Hội đồng quản trị, Luật doanh nghiệp và các quy định hiện hành của pháp luật, các quy định của TKV và của Tổng công ty.

**3.5.1. Chủ tịch HĐQT Lê Quang Bình:**

- Là người đại diện phần vốn của TKV tại Tổng công ty đã chỉ đạo chung việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị được quy định trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP

- Chỉ đạo giám sát việc triển khai các nghị quyết, quyết định của HĐQT bao gồm: Chiến lược phát triển; Cân đối các nguồn lực; Công tác tổ chức cán bộ; Các quy chế quản lý nội bộ; Công tác tiêu thụ sản phẩm, công tác quản lý mua bán vật tư, công tác đầu tư xây dựng, công tác sản xuất xi măng v,v...

- Chỉ đạo triển khai đề án tái cơ cấu lại Tổng công ty giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định của Tập đoàn Công nghiệp than Khoáng sản Việt nam số 1423/QĐ-TKV ngày 07/8/2024.

- Chỉ đạo Người đại diện của Tổng công ty là Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT, Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên tại các Công ty có vốn đầu tư của Tổng công ty đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh năm 2025.

- Chỉ đạo bộ phận Kiểm soát nội bộ thực hiện đúng quy chế, quy trình kiểm toán nội bộ đã ban hành.

- Thực hiện tốt các nhiệm vụ khác do Hội đồng quản trị phân công.

**3.5.2. Thành viên HĐQT Trịnh Hồng Ngân:**

- Đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của Thành viên Hội đồng quản trị được quy định trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP.

- Là người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP, thực hiện các quyền, nghĩa vụ của Tổng giám đốc đã được quy định trong Điều lệ tổ chức và hoạt động Tổng công ty, Quy chế làm việc của Hội đồng quản trị, Luật doanh nghiệp và các quy định hiện hành của Pháp luật, của Tập đoàn TKV và các quy định của Tổng công ty.

- Thực hiện tốt các nhiệm vụ điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ-Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV- CTCP và kế hoạch phối hợp sản xuất kinh doanh giữa Tổng công ty với các Công ty con trong Tổng công ty theo các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

- Thực hiện tốt các nhiệm vụ khác do Hội đồng quản trị phân công.

### **3.5.3. Thành viên HĐQT chuyên trách Đặng Văn Tùng:**

- Đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của Thành viên Hội đồng quản trị được quy định trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP.

- Hoàn thành tốt công tác giám sát, quản lý: Công tác kiểm soát nội bộ, tài chính-kế toán, kế hoạch sản xuất kinh doanh, công tác kinh doanh thương mại, dịch vụ v,v.....

- Chỉ đạo giám sát việc triển khai nghị quyết, quyết định của HĐQT tại các Công ty, các Chi nhánh, các đơn vị liên doanh, liên kết. Theo dõi giám sát hoạt động SXKD của 03 công ty xi măng của Tổng công ty; Giám sát theo nghị định 87/NĐ-CP năm 2015 của Chính phủ và quyết định số 44/QĐ-HĐQT ngày 15/3/2017 đối với Công ty CP Xi măng Quán Triều-VVMI .

- Đóng góp hoàn thiện các Quy chế quản trị Tổng công ty, cùng HĐQT quản lý và giám sát hoạt động điều hành SXKD, góp phần trong việc thực hiện hoàn thành kế hoạch năm 2025.

- Thực hiện tốt các nhiệm vụ khác do Hội đồng quản trị phân công.

### **3.5.4. Thành viên HĐQT Vũ Minh Tân:**

- Đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của Thành viên Hội đồng quản trị được quy định trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP.

- Chủ trì giám sát, quản lý: Công tác đền bù giải phóng mặt bằng; Công tác khoán quản trị chi phí; Theo dõi phần vốn tại các công ty cổ phần, công ty liên doanh, liên kết; đã chỉ đạo giám sát việc triển khai, thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT tại các Công ty : Công ty than Khánh Hòa, Công ty than Na Dương, Công ty Than Núi Hồng, Công ty CP Cơ khí và thiết bị áp lực-VVMI; Công ty CP phần Sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị-VVMI; Công ty CP Cơ khí mỏ Việt Bắc -VVMI; Trung tâm Điều dưỡng ngành Than-VVMI; Công ty CP Thiết bị khai thác mỏ; Công ty CP Than-Điện Nông Sơn-TKV; Hợp tác kinh doanh tòa nhà Coalimex tại 33 Tràng Thi-Hà Nội.

- Hoàn thành nhiệm vụ là Người đại diện tại phần vốn của Tổng công ty -tại Công ty CP Thiết bị khai thác mỏ; Công ty CP Than - Điện Nông Sơn-TKV; Chủ tịch HĐQT tại Công ty CP Xi măng La Hiên-VVMI.

- Thực hiện tốt các nhiệm vụ khác do Hội đồng quản trị phân công.

### **3.5.5. Thành viên độc lập HĐQT Phạm Văn Lỗ:**

- Với vai trò của Thành viên độc lập Hội đồng quản trị là bảo vệ quyền lợi của các cổ đông, thực hiện việc kiểm soát hoạt động của Bộ máy quản lý và điều hành doanh nghiệp, ông Phạm Văn Lỗ đã thực hiện đầy đủ các các quyền và nghĩa vụ của Thành viên Hội đồng quản trị được quy định trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV – CTCP.

- Chỉ đạo giám sát việc triển khai nghị quyết, quyết định của HĐQT tại các Chi nhánh Tổng công ty: Công ty than Khánh Hòa-VVMI, Công ty than Na Dương- VVMI, Công ty than Núi Hồng – VVMI và Công ty CP Vật liệu xây dựng và kinh doanh tổng hợp-VVMI.

- Theo dõi việc điều chỉnh Dự án khai thác lộ thiên Công ty than Khánh Hòa và Dự án mở rộng nâng công suất Công ty than Núi Hồng.

- Thực hiện tốt các nhiệm vụ khác do Hội đồng quản trị phân công.

**Do điều kiện sức khỏe yếu Ông Phạm Văn Lỗ thôi tham gia HĐQT từ ngày 15/10/2025.**

**\* Đánh giá chung:**

Năm 2025 các Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP đều hoàn thành nhiệm vụ được giao. Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Bộ máy điều hành Tổng công ty thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

**3.5.6. Thù lao và các lợi ích của Hội đồng quản trị năm 2025:**

| TT | Họ và tên       | Chức danh                    | Tổng số tiền thù lao (đồng) | Tổng số tiền phụ cấp (đồng) | Tổng số tiền lương (đồng) |
|----|-----------------|------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|---------------------------|
| 1  | Lê Quang Bình   | Chủ tịch HĐQT                | 74.400.000                  |                             |                           |
| 2  | Trịnh Hồng Ngân | Thành viên HĐQT              | 64.800.000                  |                             |                           |
| 3  | Đặng Văn Tùng   | Thành viên HĐQT chuyên trách |                             |                             | 648.000.000               |
| 4  | Vũ Minh Tân     | Thành viên HĐQT chuyên trách | 56.700.000                  |                             | 81.000.000                |
| 5  | Phạm Văn Lỗ     | Thành viên độc lập HĐQT      |                             | 260.100.000                 |                           |

**3.6. Báo cáo về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với Thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của Thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó Thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch:**

Giao dịch giữa Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP với Công ty Cổ Phần Địa chất Việt Bắc – TKV (có cùng Chủ tịch HĐQT Lê Quang Bình) gồm 03 hợp đồng:

1. Hợp đồng lập phương án kỹ thuật, thi công và dự toán: Khoan thăm dò phục vụ đánh giá ổn định khu III bờ trụ vỉa 4 mỏ than Na Dương số 217/HĐ-KTKH ngày 21/1/2025 với giá trị HĐ là 67.488.768 đồng

2. Hợp đồng tư vấn khảo sát xây dựng phục vụ lập BCKTKT dự án Đầu tư hệ thống xử lý nước thải mỏ than NH số 2070/HĐ-KTKH ngày 01/8/2025 với giá trị HĐ là 206.688.698 đồng

3. Hợp đồng thi công khoan thăm dò phục vụ đánh giá ổn định khu III bờ trụ via 4 mỏ than Na Dương số 2472/HĐ-KTKH ngày 22/9/2025 với giá trị Hợp đồng là 2.924.196.853 đồng

Quá trình thực hiện các hợp đồng theo đúng các quy định của pháp luật.

### III. Phương hướng hoạt động của HĐQT năm 2026:

Tổng Công ty thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2026 trong điều kiện vẫn còn nhiều khó khăn, giá cả nguyên, nhiên vật liệu đầu vào tăng cao, khó khăn về khai thác than, khai thác đá, đổ thải, đền bù GPMB, cạnh tranh về thị trường tiêu thụ xi măng v.v... Diện đổ thải, diện khai thác của Công ty than Khánh Hòa chật hẹp. Tiêu thụ than cho Tổng công ty điện lực và thị trường dự báo không thuận lợi, chất lượng than Na Dương có độ tro ( $A_k$ ) cao.

#### Hội đồng quản trị Tổng công ty tập trung chỉ đạo:

1. Tổ chức sản xuất kinh doanh ổn định, đảm bảo an toàn trong quá trình sản xuất cho người và thiết bị. Sản xuất than và xi măng theo kế hoạch và đáp ứng nhu cầu thị trường,

2. Chỉ đạo Bộ máy điều hành thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2026 và các lĩnh vực trong hoạt động sản xuất kinh doanh đúng theo các quy định của pháp luật và điều lệ tổ chức hoạt động Tổng công ty. Bộ máy điều hành căn cứ vào kế hoạch SXKD năm 2026, chủ động giải quyết khó khăn, vướng mắc trong thực hiện kế hoạch, với các chỉ tiêu chủ yếu:

#### \* Các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026:

| TT | Tên chỉ tiêu                 | ĐVT            | Kế hoạch năm 2026 |
|----|------------------------------|----------------|-------------------|
| 1  | Các chỉ tiêu hiện vật        |                |                   |
|    | - Than nguyên khai           | Tấn            | 1.350.000         |
|    | - Bóc đất đá                 | m <sup>3</sup> | 17.360.000        |
|    | - Than sạch tự sản xuất      | Tấn            | 1.559.000         |
|    | - Than tiêu thụ              | Tấn            | 1.664.000         |
| 2  | Vốn điều lệ                  | Triệu đồng     | 1.050.000         |
| 3  | Tổng doanh thu               | "              | 2.680.956         |
| 4  | Lợi nhuận trước thuế         | "              | 153.887           |
| 5  | Nộp thuế TNDN                | "              | 30.777            |
| 6  | Lợi nhuận sau thuế           | "              | 123.110           |
| 8  | Tỷ lệ trả cổ tức/Vốn điều lệ | %              | ≥ 8               |
| 9  | Đầu tư xây dựng              | Triệu đồng     | 381.026           |

### 3. Về ban hành các nghị quyết, quyết định trong việc chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty:

- Ban hành các các nghị quyết, quy chế, quyết định trong tất cả các lĩnh vực phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

- Chỉ đạo và giám sát Bộ máy điều hành theo các Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

- Do tình hình chiến sự xảy ra tại Trung Đông dẫn đến giá cả nguyên, nhiên vật liệu đầu vào tăng cao; tiêu thụ cho Tổng công ty Điện lực TKV và thị trường dự báo không thuận lợi. Hội đồng quản trị đề nghị ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 ủy quyền cho HĐQT điều chỉnh một số chỉ tiêu phát sinh trong kế hoạch SXKD, kế hoạch ĐTXD thuộc thẩm quyền của Đại hội, sau khi có ý kiến của Tập đoàn Công nghiệp than Khoáng sản Việt nam, nhưng phải đảm bảo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2026 không lỗ và báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên kỳ tiếp theo.

#### **4. Công tác khoán, quản trị chi phí :**

- Tiếp tục hoàn thiện tổ chức, cơ chế quản lý, các định mức chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật. Tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ ngân sách với nhà nước, đảm bảo quyền lợi các cổ đông, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động.

- Tăng cường triển khai áp dụng công nghệ mới, cơ giới hóa, tin học hóa, tự động hóa trong tất cả các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Phối hợp với Ban kiểm soát Tổng công ty và Ban kiểm soát tại các Công ty con để giám sát hoạt động của các Công ty con, đơn vị trực thuộc.

#### **5. Công tác tái cơ cấu Tổng công ty:**

Triển khai đề án tái cơ cấu lại Tổng công ty giai đoạn 2025-2030 sau khi được Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam thông qua, chỉ đạo các công ty con, đơn vị trực thuộc thực hiện tái cơ cấu nội bộ để tăng năng suất lao động, tăng năng lực cạnh tranh.

#### **6. Công tác cán bộ :**

- Căn cứ vào quy hoạch cán bộ giai đoạn 2025-2030, tập trung đào tạo bồi dưỡng cho các cán bộ trong diện quy hoạch và phát hiện những cán bộ có năng lực để tiếp tục bổ sung vào quy hoạch, đảm bảo tính kế thừa, đủ số lượng chất lượng nguồn nhân lực cho sự phát triển của Tổng công ty.

- Có cơ chế tuyển dụng lao động chất lượng cao vào làm việc tại Tổng công ty. Tăng cường công tác đào tạo, luân chuyển cán bộ nhằm nâng cao chất lượng nhân sự và chuẩn bị nguồn nhân sự đáp ứng yêu cầu quản lý.

- Chú trọng đến công tác tổ chức bộ máy quản lý tinh giảm gọn nhẹ, tái cấu trúc lao động toàn Tổng công ty theo hướng tăng năng suất lao động.

#### **7. Công tác đầu tư phát triển.**

- Thực hiện đầu tư đảm bảo tiến độ các dự án Mở rộng nâng công suất mỏ Núi Hồng, Dự án khai thác lộ thiên mỏ Khánh Hòa (điều chỉnh), dự án Mở rộng nâng công suất mỏ than Na Dương và đầu tư duy trì để kịp thời phục vụ sản xuất.

- Thực hiện đầu tư duy trì các mỏ than và đầu tư chiều sâu các nhà máy xi măng, cơ khí v.v.... theo kế hoạch năm 2026 và các năm tiếp theo để đáp ứng yêu cầu của sản xuất, phát huy hiệu quả vốn đã đầu tư.

- Triển khai đầu tư hệ thống phát điện sử dụng nhiệt khí thải đối với Xi măng Tân Quang và Xi măng Quán Triều; Dự án đầu tư dây hệ thống đóng bao xi măng

110 tấn/h, chuẩn bị dự án Cải tạo dây chuyền sản xuất xi măng tại Công ty xi măng La Hiên.

- Thực hiện các phương án đền bù GPMB tại các Mỏ than Na Dương, Núi Hồng, Khánh Hòa đúng tiến độ, đúng các quy định của Nhà nước.

- Thực hiện Đề án, kế hoạch chuyển đổi số giai đoạn 2025-2030 của Tổng công ty.

#### **8. Công tác kiểm toán nội bộ:**

- Chỉ đạo bộ phận kiểm toán nội bộ thực hiện theo quy chế kiểm toán nội bộ của Tổng công ty, nhằm đánh giá và nâng cao hiệu quả của các quy trình quản trị rủi ro, quy trình kiểm soát và quản trị để Tổng công ty đạt được mục tiêu trong SXKD.

#### **9. Công tác Bảo vệ môi trường–An toàn-VSLĐ :**

- Chỉ đạo thực hiện công tác môi trường trong toàn Tổng công ty theo đúng quy định, thực hiện nghiêm túc các giải pháp bảo vệ môi trường đã cam kết trong ĐTM được duyệt. Vận hành tốt các công trình bảo vệ môi trường, quản lý chất thải nguy hại, vệ sinh môi trường mặt bằng sản xuất, mặt bằng sân công nghiệp v,v....Chỉ đạo các công ty xi măng đầu tư thiết bị hoạt động ổn định để kiểm soát được các chỉ tiêu, thông số quy định về đảm bảo môi trường.

- Công tác An toàn-VSLĐ: Thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật, các quy chế, nội quy, quy trình các biện pháp kỹ thuật ATLĐ-VSLĐ-PCCN. Tăng cường áp dụng tin học hóa, tự động hóa vào sản xuất, đầu tư các thiết bị tiên tiến nâng cao mức độ an toàn, cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động.

#### ***Kính thưa các quý vị cổ đông, các quý vị Đại biểu !***

*Với những kết quả đạt được trong năm 2025, Hội đồng quản trị Tổng công ty sẽ tập trung chỉ đạo thực hiện kế hoạch SXKD theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua, đưa ra các giải pháp phù hợp để hoàn thành các chỉ tiêu SXKD năm 2026.*

Rất mong được sự tham gia góp ý của Quý vị cổ đông.

Xin trân trọng cảm ơn !

#### ***Nơi nhận:***

- Các cổ đông;
- Thành viên HĐQT, Ban KS (egov);
- Tổng GD, các Phó TGD (egov);
- Các đơn vị, các phòng TCT (egov);
- Lưu: VT, Thư ký TCT, HĐQT (T.03)



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**  
**TỔNG CÔNG TY**  
**CÔNG NGHIỆP MỎ**  
**VIỆT BẮC**  
**TKV - CTCP**  
**Q. THANH XUÂN - T. HÀ NỘI**  
**M.S.D.N: 010010001**  
**01.01.2011**



**Lê Quang Bình**

Hà Nội, ngày 06 tháng 05 năm 2026

Số: 019/BC-BKS

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT**  
**Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026**

***Căn cứ lập báo cáo:***

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 ngày 23/4/2025 của Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP;

Trên cơ sở kết quả kiểm tra, giám sát Ban Kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông các nội dung chính sau:

**I. Cơ cấu nhân sự và hoạt động của Ban Kiểm soát**

**1. Cơ cấu, thành phần Ban Kiểm soát:**

Ban Kiểm soát gồm có 03 thành viên, cụ thể như sau:

- |                        |                                 |
|------------------------|---------------------------------|
| ① Bà: Lê Thị Thu Hiền  | Trưởng ban                      |
| ② Bà: Nguyễn Thị Lịch  | Thành viên                      |
| ③ Ông: Nguyễn Anh Tuấn | Thành viên (đến ngày 23/4/2025) |
| ④ Ông: Nguyễn Văn Tảo  | Thành viên (từ ngày 24/4/2025)  |

**2. Hoạt động của Ban Kiểm soát**

**2.1 Tổng kết các cuộc họp của Ban Kiểm soát**

Trong năm 2025, Ban Kiểm soát đã tổ chức 10 cuộc họp định kỳ và đột xuất để xem xét, thảo luận và quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền.

Nội dung họp tập trung vào:

- Xây dựng và triển khai kế hoạch công tác;
- Phân công nhiệm vụ theo lĩnh vực;
- Theo dõi tình hình sản xuất kinh doanh và tài chính;
- Đánh giá việc tuân thủ pháp luật, Điều lệ và quy chế nội bộ;
- Xem xét các báo cáo kiểm tra, giám sát chuyên đề.

Việc tham dự họp của các thành viên đảm bảo theo quy định, phù hợp với thời

gian đảm nhiệm chức vụ. Các nội dung đưa ra tại các cuộc họp đều được thảo luận dân chủ, minh bạch, thống nhất cao và được thông qua với tỷ lệ biểu quyết đạt 100%.

## **2.2 Các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát**

Trên cơ sở kết quả kiểm tra, giám sát, Ban Kiểm soát đã tổng hợp, ban hành các kết luận và kiến nghị đối với những nội dung cần chấn chỉnh, hoàn thiện. Các ý kiến của Ban Kiểm soát được chuyển tải đầy đủ, kịp thời đến Hội đồng quản trị và Ban điều hành thông qua các báo cáo chính thức, phát biểu tại các phiên họp Hội đồng quản trị, Ban điều hành đồng thời thực hiện kiến nghị, khuyến nghị trực tiếp đối với từng nội dung cụ thể.

## **3. Kết quả thực hiện một số nhiệm vụ cụ thể**

Năm 2025, Ban Kiểm soát triển khai hoạt động bám sát Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (thường niên, bất thường); tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy chế quản lý nội bộ. Công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện có trọng tâm, tập trung vào các lĩnh vực quản trị, điều hành và sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

### **3.1 Giám sát việc chấp hành Điều lệ, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông**

Ban Kiểm soát thực hiện theo dõi, giám sát việc tổ chức triển khai các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông tại Tổng công ty. Thông qua việc tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các phiên giao ban của Ban điều hành, Ban Kiểm soát kịp thời nắm bắt tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác quản lý, điều hành.

Trên cơ sở đó, Ban Kiểm soát đánh giá mức độ tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; đồng thời ghi nhận, phản ánh và kiến nghị đối với những nội dung cần điều chỉnh, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong công tác quản trị và điều hành.

### **3.2 Tham gia hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách quản lý**

Trong phạm vi chức năng, Ban Kiểm soát tham gia ý kiến đối với việc xây dựng, rà soát, sửa đổi và bổ sung các quy chế, quy định nội bộ của Tổng công ty nhằm đảm bảo tính phù hợp với quy định pháp luật và yêu cầu quản trị thực tiễn.

Trong năm 2025, trên cơ sở ý kiến tham gia của các bộ phận liên quan, Hội đồng quản trị đã thực hiện sửa đổi, bổ sung Điều lệ và 07 quy chế, định mức; Tổng Giám đốc ban hành 13 quy định quản lý. Việc hoàn thiện hệ thống văn bản đã góp phần chuẩn hóa quy trình quản lý, tăng cường tính đồng bộ và nâng cao hiệu quả điều hành trong toàn Tổng công ty.

### **3.3 Thực hiện kiểm tra, giám sát chuyên đề**

Ban Kiểm soát triển khai kiểm tra, giám sát theo kế hoạch và phối hợp thực hiện một số chuyên đề tại các đơn vị trực thuộc, công ty con; kiểm soát việc quản lý, sử dụng vốn tại cơ quan Tổng công ty và giám sát hoạt động của Người đại diện phần vốn.

Nhìn chung, các đơn vị cơ bản chấp hành quy định; tuy nhiên vẫn còn một số nội dung cần tiếp tục hoàn thiện. Ban Kiểm soát đã có ý kiến cụ thể trong các biên bản làm việc và báo cáo gửi Hội đồng quản trị, Ban điều hành để xem xét, chỉ đạo, góp phần nâng cao tính tuân thủ và hiệu quả thực hiện.

### **3.4 Kiểm tra công tác tài chính, kế toán và thẩm định báo cáo tài chính**

Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, trung thực trong công tác quản lý, điều hành; tổ chức kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Đồng thời, thẩm định báo cáo tài chính giữa niên độ và năm, đảm bảo số liệu trình Đại hội đồng cổ đông đúng quy định. Bên cạnh đó, xem xét việc quản lý, sử dụng các nguồn lực (tài sản, vật tư, vốn, lao động,...) nhằm kịp thời kiến nghị nâng cao hiệu quả.

### **3.5 Giám sát tuân thủ và công bố thông tin**

Ban Kiểm soát theo dõi các đối tượng liên quan của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng giám đốc; giám sát việc chấp hành quy định về công bố thông tin. Đồng thời, xem xét thư quản lý của đơn vị kiểm toán độc lập và ý kiến phản hồi của Ban điều hành để có cơ sở đánh giá, kiến nghị hoàn thiện công tác quản lý.

### **3.6 Thực hiện chế độ báo cáo**

Ban Kiểm soát thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất theo quy định, đảm bảo kịp thời, đúng nội dung và yêu cầu quản lý.

#### **❖ Đánh giá chung:**

Ban Kiểm soát đã chủ động, bám sát chức năng, nhiệm vụ; triển khai hoạt động kiểm tra, giám sát có trọng tâm, trọng điểm. Các kiến nghị sau giám sát cơ bản được tiếp thu, chỉ đạo xử lý kịp thời, góp phần tăng cường kỷ luật, kỷ cương và nâng cao hiệu quả quản trị, điều hành trong toàn Tổng công ty.

## **4. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát**

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và Kế hoạch hoạt động năm 2025 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Ban Kiểm soát thực hiện tự đánh giá kết quả hoạt động như sau:

### **4.1 Đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát**

Trong năm 2025, Ban Kiểm soát đã thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ theo quy định; duy trì nguyên tắc làm việc tập thể, gắn với trách nhiệm cá nhân của từng thành viên theo lĩnh vực được phân công. Hoạt động kiểm tra, giám sát được triển khai tương đối toàn diện, đảm bảo tính độc lập, khách quan; các ý kiến đánh giá tập trung vào tính trung thực của báo cáo tài chính và mức độ tuân thủ trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

Ban Kiểm soát duy trì việc trao đổi, phối hợp với Hội đồng quản trị và Ban điều hành; kịp thời có ý kiến, kiến nghị đối với các vấn đề tồn tại, hạn chế hoặc các nội dung tiềm ẩn rủi ro, góp phần nâng cao hiệu quả quản trị và kiểm soát nội bộ.

## 4.2 Đánh giá kết quả hoạt động của các thành viên BKS

### ① Bà: Lê Thị Thu Hiền - Trưởng ban

Thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định; phát huy vai trò đầu mối trong tổ chức, điều hành hoạt động của Ban Kiểm soát. Chủ động xây dựng kế hoạch, phân công nhiệm vụ và theo dõi tiến độ thực hiện; định hướng công tác kiểm tra, giám sát có trọng tâm, bám sát yêu cầu quản trị của Tổng công ty và quy định của Tập đoàn.

Duy trì phối hợp với Hội đồng quản trị và Ban điều hành; tham gia các cuộc họp (khi được mời) để kịp thời nắm bắt tình hình và có ý kiến phù hợp, góp phần nâng cao chất lượng tham mưu và hiệu quả hoạt động chung.

Thể hiện rõ vai trò điều phối, dẫn dắt; góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Kiểm soát.

**Đánh giá:** Trong năm hoàn thành tốt và giữ vai trò nòng cốt trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao.

### ② Bà: Nguyễn Thị Lịch - Thành viên

Thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định; tham gia các hoạt động kiểm tra, giám sát theo phân công với tinh thần trách nhiệm. Trên cơ sở kinh nghiệm công tác và vai trò tại Tập đoàn, đã có những ý kiến trao đổi, đóng góp thiết thực, sát với yêu cầu chuyên môn và định hướng quản lý, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Kiểm soát.

Đồng thời, thực hiện tốt việc phối hợp, trao đổi thông tin giữa Ban Kiểm soát với các đơn vị liên quan, góp phần đảm bảo sự thống nhất trong triển khai nhiệm vụ theo yêu cầu quản lý của Tập đoàn và Tổng công ty.

**Đánh giá:** Trong năm luôn hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ.

### ③ Ông: Nguyễn Anh Tuấn - Thành viên (đến ngày 23/4/2025)

Trong thời gian đảm nhiệm, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định; tham gia các nội dung kiểm tra, giám sát theo phân công với tinh thần trách nhiệm. Các nhiệm vụ được giao đều được triển khai nghiêm túc, đảm bảo yêu cầu.

**Đánh giá:** Trong thời gian đương nhiệm, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

### ④ Ông: Nguyễn Văn Tảo - Thành viên (từ ngày 24/4/2025)

Thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định kể từ thời điểm tham gia; chủ động tiếp cận công việc và tham gia các hoạt động của Ban Kiểm soát theo phân công. Việc nắm bắt các nội dung công việc được thực hiện kịp thời, cơ bản đáp ứng yêu cầu và từng bước nâng cao hiệu quả thực hiện.

**Đánh giá:** Trong thời gian đảm nhiệm, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

## II. Tiền lương, thù lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát

### 1. Về tiền lương, thù lao của Ban Kiểm soát:

Trong năm 2025, Ban Kiểm soát được hưởng tiền lương, thù lao, tiền thưởng

và các chế độ, quyền lợi khác theo quy chế tiền lương, thù lao và chế độ đãi ngộ của Tổng công ty, được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thông qua, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

Trong đó, tiền lương của thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách được xác định trong quỹ tiền lương của người quản lý, gắn với mức độ hoàn thành nhiệm vụ và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Thù lao của Ban Kiểm soát được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Cụ thể như sau:

ĐVT: VN đồng

| S TT | Họ và tên       | Chức vụ    | Lương       | Thù lao    | Ghi chú      |
|------|-----------------|------------|-------------|------------|--------------|
| 1    | Lê Thị Thu Hiền | Trưởng BKS | 672.000.000 |            | Chuyên trách |
| 2    | Nguyễn Thị Lịch | TV BKS     |             | 60.000.000 | Kiểm nhiệm   |
| 3    | Nguyễn Anh Tuấn | TV BKS     |             | 18.833.333 | Kiểm nhiệm   |
| 4    | Nguyễn Văn Tảo  | TV BKS     |             | 41.166.667 | Kiểm nhiệm   |

## 2. Về chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát:

Các chi phí phục vụ hoạt động của Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ, quy chế tài chính và các quy chế nội bộ của Tổng công ty.

Việc quản lý, sử dụng và hạch toán được thực hiện đúng mục đích, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả và tuân thủ quy định hiện hành.

## III. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty.

### 1. Kết quả thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ

| T T | Chỉ tiêu                      | ĐVT            | Nghị quyết ĐHCĐ 2025 | Thực hiện Năm 2025 | Tỷ lệ TH/KH (%) |
|-----|-------------------------------|----------------|----------------------|--------------------|-----------------|
| a   | b                             | c              | 1                    | 2                  | 3=2/1           |
| 1   | Các chỉ tiêu hiện vật         |                |                      |                    |                 |
| -   | Than nguyên khai              | Tấn            | 930.000              | 785.429            | 84,45           |
| -   | Bóc đất đá                    | m <sup>3</sup> | 10.766.000           | 8.478.396          | 78,75           |
| -   | Than sạch sản xuất            | Tấn            | 1.070.000            | 1.093.447          | 102,19          |
| -   | Than tiêu thụ                 | Tấn            | 1.257.000            | 1.236.990          | 98,41           |
| 2   | Vốn điều lệ                   | Tr.đ           | 1.050.000            | 1.050.000          | 100,00          |
| 3   | Tổng doanh thu                | Tr.đ           | 2.400.771            | 2.550.970          | 106,26          |
| 4   | Lợi nhuận trước thuế          | Tr.đ           | 282.293              | 250.567            | 88,76           |
| 5   | Nộp thuế TNDN                 | Tr.đ           | 56.198               | 45.740             | 81,39           |
| 6   | Lợi nhuận sau thuế            | Tr.đ           | 226.695              | 204.827            | 90,35           |
| 7   | Tỷ lệ trả cổ tức/ Vốn điều lệ | %              | ≥9                   | Dự kiến 10,5       | 116,67          |

| T<br>T | Chỉ tiêu        | ĐVT  | Nghị quyết<br>ĐHCD 2025 | Thực hiện<br>Năm 2025 | Tỷ lệ<br>TH/KH (%) |
|--------|-----------------|------|-------------------------|-----------------------|--------------------|
| a      | b               | c    | 1                       | 2                     | 3=2/1              |
| 8      | Đầu tư xây dựng | Tr.đ | 187.899                 | 310.461               | 165,23             |

**\* Nhận xét, đánh giá:**

Trên cơ sở xem xét, thẩm định và kết quả kiểm tra, giám sát, Ban Kiểm soát thống nhất đánh giá:

Năm 2025, Tổng công ty đã chủ động triển khai các giải pháp sản xuất kinh doanh, cơ bản hoàn thành nhiều chỉ tiêu quan trọng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Một số chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch như: sản lượng than sạch, tổng doanh thu, tỷ lệ cổ tức và đầu tư xây dựng; công tác điều hành duy trì ổn định sản xuất, việc làm và thu nhập cho người lao động.

Tuy nhiên, vẫn còn một số chỉ tiêu chưa đạt kế hoạch, như: than nguyên khai, bóc đất đá và lợi nhuận. Nguyên nhân chủ yếu do tiến độ cấp phép Dự án mở rộng, nâng công suất mỏ Núi Hồng còn chậm; đồng thời phát sinh chi phí do ảnh hưởng của thời tiết, mưa bão kéo dài.

Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc đã cơ bản thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ; tuân thủ quy định pháp luật, Điều lệ và các quy chế nội bộ; triển khai các mục tiêu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Ban Kiểm soát cơ bản thống nhất với các báo cáo trình Đại hội đồng cổ đông, đồng thời thực hiện đánh giá độc lập trong phạm vi chức năng giám sát. Trong năm, không ghi nhận vi phạm nghiêm trọng; chưa phát hiện dấu hiệu lạm dụng chức vụ, quyền hạn hoặc sử dụng tài sản, thông tin vì mục đích cá nhân; không phát sinh kiến nghị của cổ đông.

Trên cơ sở giám sát, Ban Kiểm soát không phát hiện dấu hiệu bất thường trọng yếu ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng công ty; các hoạt động cơ bản tuân thủ quy định pháp luật, Điều lệ và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. Tuy nhiên, cần tiếp tục kiểm soát các yếu tố ảnh hưởng đến sản lượng, chi phí và hiệu quả hoạt động trong thời gian tới.

## 2. Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính của Tổng công ty

### 2.1 Tình hình tài sản, nguồn vốn năm 2025

*ĐVT: Triệu đồng*

| TÀI SẢN  | Mã số      | Công ty mẹ     |                | Hợp nhất         |                  |
|--|------------|----------------|----------------|------------------|------------------|
|  |            | Đầu năm        | Cuối năm       | Đầu năm          | Cuối năm         |
| <b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN<br/>(100=110+120+130+140+150)</b> | <b>100</b> | <b>738.964</b> | <b>685.244</b> | <b>1.290.553</b> | <b>1.345.900</b> |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền                    | 110        | 135.468        | 97.264         | 327.949          | 197.112          |
| II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn                  | 120        | 30.000         | 60.000         | 100.500          | 311.000          |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn                         | 130        | 337.523        | 191.551        | 481.577          | 359.501          |

| TÀI SẢN   | Mã số      | Công ty mẹ       |                  | Hợp nhất         |                  |
|---|------------|------------------|------------------|------------------|------------------|
|   |            | Đầu năm          | Cuối năm         | Đầu năm          | Cuối năm         |
| IV. Hàng tồn kho  | 140        | 223.888          | 310.993          | 363.699          | 444.656          |
| V. Tài sản ngắn hạn khác                                | 150        | 12.084           | 25.437           | 16.828           | 33.630           |
| <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN<br/>(200=210+220+240+250+260)</b> | <b>200</b> | <b>1.359.339</b> | <b>1.559.126</b> | <b>1.873.754</b> | <b>1.910.933</b> |
| I. Các khoản phải thu dài hạn                           | 210        | 118.593          | 140.182          | 146.384          | 158.330          |
| II. Tài sản cố định                                     | 220        | 242.494          | 450.393          | 1.169.792        | 1.210.808        |
| 1. Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình                    | 221        | 237.860          | 446.142          | 1.165.158        | 1.206.557        |
| 2. Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình                     | 227        | 4.634            | 4.251            | 4.634            | 4.251            |
| III. Giá trị còn lại của BĐS đầu tư                     | 230        | 80.986           | 77.187           | 80.986           | 77.187           |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn                             | 240        | 16.228           | 22.348           | 17.237           | 33.923           |
| V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn                   | 250        | 510.412          | 510.615          | 17.471           | 17.674           |
| VI. Tài sản dài hạn khác                                | 260        | 390.627          | 358.402          | 441.884          | 413.012          |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>                  | <b>270</b> | <b>2.098.303</b> | <b>2.244.370</b> | <b>3.164.307</b> | <b>3.256.833</b> |

| NGUỒN VỐN                                | Mã số      | Công ty mẹ       |                  | Hợp nhất         |                  |
|--|------------|------------------|------------------|------------------|------------------|
|  |            | Đầu năm          | Cuối năm         | Đầu năm          | Cuối năm         |
| <b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>      | <b>300</b> | <b>489.742</b>   | <b>568.633</b>   | <b>1.091.616</b> | <b>1.104.762</b> |
| I. Nợ ngắn hạn                           | 310        | 406.808          | 330.769          | 944.476          | 843.882          |
| II. Nợ dài hạn                           | 330        | 82.934           | 237.864          | 147.140          | 260.880          |
| <b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)</b>   | <b>400</b> | <b>1.608.561</b> | <b>1.675.737</b> | <b>2.072.690</b> | <b>2.152.071</b> |
| I. Vốn chủ sở hữu                        | 410        | 1.608.561        | 1.675.737        | 2.072.690        | 2.152.071        |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu                | 411        | 1.050.000        | 1.050.000        | 1.050.000        | 1.050.000        |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần                  | 412        | -                | -                | 239              | 239              |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu               | 414        | -                | -                | 20.259           | 20.259           |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản       | 416        | -                | -                | (13.978)         | (13.978)         |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển                 | 418        | 294.999          | 360.734          | 340.255          | 405.989          |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối    | 421        | 263.561          | 265.003          | 322.269          | 330.247          |
| - LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước  | 421a       | 44.446           | 60.177           | 97.194           | 60.177           |
| - LNST chưa phân phối kỳ này             | 421b       | 219.116          | 204.827          | 225.076          | 270.071          |
| 13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát      | 429        | -                | -                | 353.647          | 359.315          |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác           | 430        | -                | -                | -                | -                |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b> | <b>440</b> | <b>2.098.303</b> | <b>2.244.370</b> | <b>3.164.307</b> | <b>3.256.833</b> |

**\* Nhận xét:**

Tại thời điểm cuối năm 2025, quy mô tài sản và nguồn vốn của Tổng công ty có xu hướng tăng nhẹ so với đầu năm, trong đó tài sản dài hạn tăng là yếu tố chính. Cơ cấu tài sản có sự điều chỉnh theo hướng tăng hàng tồn kho và đầu tư, đồng thời giảm tiền và các khoản phải thu, phản ánh sự tập trung nguồn lực cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Về nguồn vốn, nợ phải trả tăng, chủ yếu ở nợ dài hạn; trong khi nợ ngắn hạn giảm, góp phần giảm áp lực thanh toán trong kỳ. Vốn chủ sở hữu tiếp tục được duy trì và tăng nhẹ, đảm bảo nền tảng tài chính ổn định.

Nhìn chung, tình hình tài chính của Tổng công ty cơ bản ổn định, cơ cấu nguồn vốn và tài sản có sự điều chỉnh phù hợp; tuy nhiên, cần tiếp tục theo dõi hiệu quả sử dụng vốn và quản lý tồn kho nhằm nâng cao chất lượng tài chính trong thời gian tới.

## 2.2 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty

*ĐVT: Triệu đồng*

| Chỉ tiêu   | Mã số | Công ty mẹ |           | Hợp nhất  |           |
|--|-------|------------|-----------|-----------|-----------|
|  |       | Năm 2025   | Năm 2024  | Năm 2025  | Năm 2024  |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ        | 1     | 2.550.970  | 2.690.919 | 5.509.668 | 5.273.038 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                  | 2     | 0          | 0         | 5.406     | 5.070     |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và CC dịch vụ     | 10    | 2.550.970  | 2.690.919 | 5.504.263 | 5.267.968 |
| 4. Giá vốn hàng bán                              | 11    | 2.073.437  | 2.260.184 | 4.659.506 | 4.510.763 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng cung cấp DV         | 20    | 477.532    | 430.735   | 844.756   | 757.205   |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                 | 21    | 54.429     | 55.872    | 21.700    | 13.912    |
| 7. Chi phí tài chính                             | 22    | 9.939      | 3.334     | 36.451    | 28.536    |
| Trong đó: Lãi vay phải trả                       | 23    | 10.141     | 2.457     | 21.259    | 17.936    |
| 8. Chi phí bán hàng                              | 25    | 36.917     | 34.261    | 108.696   | 100.953   |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp                  | 26    | 240.499    | 229.074   | 376.959   | 349.858   |
| 10. LN thuần từ HĐ KD(30=20+(21-22)+24-(25+26))  | 30    | 244.606    | 219.938   | 344.351   | 291.770   |
| 11. Thu nhập khác                                | 31    | 8.045      | 50.745    | 9.694     | 51.082    |
| 12. Chi phí khác                                 | 32    | 2.085      | 5.557     | 3.492     | 5.976     |
| 13. Lợi nhuận khác (40=31-32)                    |       | 5.960      | 45.188    | 6.202     | 45.106    |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40) | 50    | 250.567    | 265.126   | 350.553   | 336.876   |
| 15. Chi phí thuế thu nhập DN hiện hành           | 51    | 41.413     | 58.908    | 69.419    | 82.748    |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại  | 52    | 4.327      | (12.898)  | 4.327     | (12.898)  |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp     | 60    | 204.827    | 219.116   | 276.807   | 267.026   |
| 18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ    | 61    |            |           | 227.348   | 225.076   |
| 19. LN sau thuế của cổ đông không kiểm soát      | 62    |            |           | 49.459    | 41.950    |
| 20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đ/1cp)             | 70    |            |           | 1.879     | 1.833     |
| 21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đ/1cp)           | 71    |            |           |           |           |

### \* Nhận xét:

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 của Tổng công ty nhìn chung duy trì ổn định, với doanh thu hợp nhất tăng so với năm trước; lợi nhuận gộp và lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh đều có cải thiện.

Tuy nhiên, lợi nhuận trước thuế của Công ty mẹ có giảm so với năm trước, chủ yếu do biến động về doanh thu và cơ cấu chi phí trong kỳ; đồng thời, nguồn thu từ hoạt động khác giảm cũng ảnh hưởng đến kết quả chung.

Nhìn chung, hoạt động sản xuất kinh doanh vẫn được duy trì ổn định; trong thời gian tới, Tổng công ty cần tiếp tục rà soát, tối ưu chi phí và nâng cao hiệu quả hoạt động để cải thiện khả năng sinh lời.

### 2.3 Đánh giá một số chỉ tiêu tài chính

| TT       | Chỉ tiêu                               | ĐVT | Công ty mẹ |          | Hợp nhất |          |
|----------|--|-----|------------|----------|----------|----------|
|          |  |     | Năm 2024   | Năm 2025 | Năm 2024 | Năm 2025 |
| <b>1</b> | <b>Hệ số về khả năng thanh toán</b>    |     |            |          |          |          |
|          | - Khả năng thanh toán tổng quát        | Lần | 4,28       | 3,95     | 2,90     | 2,95     |
|          | - Khả năng thanh toán nợ đến hạn       | Lần | 1,82       | 2,07     | 1,37     | 1,59     |
|          | - Khả năng thanh toán nhanh            | Lần | 1,24       | 1,06     | 0,97     | 1,04     |
| <b>2</b> | <b>Hệ số phản ánh cơ cấu nguồn vốn</b> |     |            |          |          |          |
|          | - Hệ số nợ phải trả/Tổng nguồn vốn     | Lần | 0,23       | 0,25     | 0,34     | 0,34     |
|          | - Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu     | Lần | 0,26       | 0,30     | 0,48     | 0,47     |
| <b>3</b> | <b>Hệ số phản ánh cơ cấu tài sản</b>   |     |            |          |          |          |
|          | - Hệ số đầu tư ngắn hạn                | Lần | 0,35       | 0,31     | 0,41     | 0,41     |
|          | - Hệ số đầu tư dài hạn                 | Lần | 0,65       | 0,69     | 0,59     | 0,59     |
| <b>4</b> | <b>Chỉ số về hiệu quả sử dụng vốn</b>  |     |            |          |          |          |
|          | - Tỷ suất LNST/Vốn CSH (ROE)           | %   | 16,23      | 14,69    | 15,24    | 19,23    |
|          | - Tỷ suất LN sau thuế/Tổng TS (ROA)    | %   | 10,88      | 9,43     | 8,51     | 8,62     |
|          | - Tỷ suất LN sau thuế/doanh thu        | %   | 8,14       | 8,03     | 5,07     | 5,03     |
|          | - Tỷ suất lợi nhuận gộp/ doanh thu     | %   | 16,01      | 18,72    | 14,37    | 15,35    |

#### \* Nhận xét:

Các chỉ tiêu tài chính năm 2025 của Tổng công ty nhìn chung duy trì ở mức tương đối ổn định. Khả năng thanh toán được đảm bảo, trong đó khả năng thanh toán nợ đến hạn có cải thiện; cơ cấu nguồn vốn tiếp tục được duy trì ở mức an toàn với tỷ lệ nợ hợp lý.

Cơ cấu tài sản có xu hướng tăng tỷ trọng đầu tư dài hạn, phù hợp với định hướng phát triển. Các chỉ tiêu hiệu quả như ROE, ROA của Công ty mẹ có giảm nhẹ so với năm trước, trong khi khối hợp nhất cơ bản ổn định và có cải thiện ở một số chỉ tiêu.

Đồng thời, biên lợi nhuận gộp được cải thiện cho thấy hiệu quả trong công tác kiểm soát chi phí sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, cần tiếp tục theo dõi biến động doanh thu và chi phí để nâng cao chất lượng và tính bền vững của các chỉ tiêu sinh lời.

Nhìn chung, tình hình tài chính của Tổng công ty cơ bản ổn định; trong thời gian tới, cần tiếp tục nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, kiểm soát chi phí và tối ưu cơ cấu tài sản – nguồn vốn nhằm cải thiện bền vững các chỉ tiêu sinh lời.

## 2.4 Cơ cấu sở hữu cổ phần tại ngày 31/12/2025

Vốn điều lệ của Tổng công ty là 1.050 tỷ đồng tương ứng với 105.000.000 cổ phần. Trong đó:

- + Tập đoàn CN Than Khoáng sản Việt Nam: 103.104.100cp bằng 98,19%
- + Các cổ đông khác: 1.895.900cp bằng 1,81%

### **Nhận xét:**

Cơ cấu cổ đông của Tổng công ty có mức độ tập trung cao, trong đó cổ đông lớn là Tập đoàn nắm quyền chi phối, đảm bảo định hướng chiến lược và sự ổn định trong công tác quản trị, điều hành. Tỷ lệ sở hữu của các cổ đông khác ở mức thấp nhưng vẫn góp phần đa dạng hóa cơ cấu cổ đông và nâng cao tính minh bạch trong hoạt động của Tổng công ty.

### **3. Ý kiến thẩm định của Ban kiểm soát:**

Trên cơ sở thẩm định Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty, Ban Kiểm soát thống nhất xác nhận số liệu Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO.

Theo đánh giá của Ban Kiểm soát, Báo cáo tài chính năm 2025 của Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc:

- ✓ Đã phản ánh trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tại thời điểm 31/12/2025, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan;
- ✓ Công tác tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty mẹ được thực hiện theo mô hình tập trung, phù hợp với đặc điểm tổ chức sản xuất và quản lý; hệ thống chứng từ, sổ sách kế toán được lập và ghi chép đầy đủ, tuân thủ quy định hiện hành;
- ✓ Công tác quản lý, sử dụng vốn và tài sản cơ bản hiệu quả; nguồn vốn được bảo toàn, các chỉ tiêu an toàn tài chính được duy trì ở mức hợp lý, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của Tổng công ty.

*Trên cơ sở kết quả thẩm định, Ban Kiểm soát không ghi nhận sai sót trọng yếu có thể ảnh hưởng đến tính trung thực, hợp lý của Báo cáo tài chính năm 2025; các số liệu cơ bản đảm bảo độ tin cậy và phù hợp với quy định hiện hành. Ban Kiểm soát thống nhất trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.*

**IV. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch:**

Trong năm 2025, Tổng công ty phát sinh 03 hợp đồng giao dịch với Công ty CP Địa chất Việt Bắc – TKV, là doanh nghiệp có liên quan thông qua Chủ tịch Hội đồng quản trị. Các giao dịch này được thực hiện trên cơ sở nhu cầu sản xuất kinh doanh, có đầy đủ hồ sơ, trình tự phê duyệt theo quy định.

Qua rà soát, Ban Kiểm soát nhận thấy các giao dịch được ký kết và triển khai đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ và quy chế quản trị nội bộ của Tổng công ty; không ghi nhận dấu hiệu bất thường, xung đột lợi ích hoặc ảnh hưởng bất lợi đến quyền và lợi ích hợp pháp của Tổng công ty và cổ đông.

#### **V. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của Tổng công ty.**

Qua công tác kiểm tra, giám sát năm 2025, Ban Kiểm soát nhận thấy Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc đã thực hiện chức trách, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; hoạt động điều hành cơ bản tuân thủ quy định và đảm bảo duy trì ổn định sản xuất kinh doanh trong bối cảnh còn nhiều khó khăn. Đồng thời, công tác phối hợp giữa các bộ phận trong điều hành từng bước được cải thiện, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

##### **1. Về hoạt động của Hội đồng quản trị**

HĐQT đã thực hiện tốt vai trò định hướng, quản trị và giám sát hoạt động của Tổng công ty, tập trung vào các nội dung trọng tâm:

+ Tổ chức họp định kỳ, ban hành nghị quyết, quyết định đảm bảo đúng thẩm quyền, phù hợp quy định pháp luật và bám sát Nghị quyết ĐHĐCĐ; nội dung chỉ đạo tập trung vào điều hành sản xuất kinh doanh, đầu tư và quản trị doanh nghiệp;

+ Kịp thời rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy chế nội bộ, góp phần hoàn thiện khung quản trị, nâng cao tính minh bạch và hiệu quả quản lý;

+ Tăng cường giám sát hoạt động của Ban điều hành và công tác quản lý phần vốn tại các đơn vị thành viên;

+ Chỉ đạo thực hiện chi trả cổ tức theo đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ.

Trong bối cảnh năm 2025 chịu tác động của thời tiết bất lợi, thị trường tiêu thụ (đặc biệt là than và xi măng) gặp khó khăn, cùng với các vướng mắc trong công tác đầu tư, giải phóng mặt bằng, HĐQT đã kịp thời chỉ đạo, điều chỉnh giải pháp điều hành phù hợp, góp phần duy trì ổn định hoạt động của Tổng công ty.

##### **2. Về công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc**

Ban Tổng giám đốc đã chủ động, linh hoạt trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ, tập trung triển khai các giải pháp nhằm duy trì sản xuất kinh doanh trong điều kiện thị trường và môi trường sản xuất còn nhiều khó khăn:

+ Điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh cơ bản ổn định; sử dụng vốn, tài sản đúng mục đích, tuân thủ quy định pháp luật;

+ Chủ động tham mưu, đề xuất các giải pháp với HĐQT; ban hành các văn bản quản lý thuộc thẩm quyền, đảm bảo phục vụ công tác điều hành;

+ Thực hiện các chế độ, chính sách đối với người lao động theo quy định; đảm bảo việc làm, thu nhập và ổn định nội bộ;

+ Thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước, đảm bảo quyền lợi của cổ đông; duy trì an ninh, trật tự và tuân thủ các quy định nội bộ;

+ Tổ chức triển khai các nghị quyết, quyết định của HĐQT cơ bản kịp thời; nỗ lực hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch trong điều kiện còn nhiều yếu tố bất lợi.

### ***Đánh giá chung***

Năm 2025, trong bối cảnh nhiều khó khăn khách quan (thời tiết bất lợi, thị trường tiêu thụ suy giảm, chi phí phát sinh tăng), HĐQT và Ban Tổng giám đốc đã có nhiều nỗ lực trong công tác quản trị, điều hành, góp phần duy trì ổn định hoạt động của Tổng công ty.

Tuy nhiên, vẫn cần tiếp tục nâng cao chất lượng công tác dự báo, điều hành sản xuất, quản lý chi phí và hiệu quả đầu tư nhằm cải thiện kết quả hoạt động trong thời gian tới.

### **VI. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông.**

- Mọi quan hệ công tác giữa Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc được duy trì chặt chẽ, trên nguyên tắc tuân thủ pháp luật, Điều lệ và các quy chế nội bộ; đảm bảo hài hòa lợi ích của Tổng công ty và cổ đông;

- Trong năm 2025, Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các đơn vị chức năng đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban Kiểm soát tiếp cận thông tin, tài liệu phục vụ công tác kiểm tra, giám sát;

- Công tác tiếp nhận, xử lý thông tin từ cổ đông được thực hiện kịp thời; quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông được đảm bảo theo quy định; các ý kiến, kiến nghị của cổ đông được giải đáp đầy đủ, đúng quy định;

- Việc công bố thông tin được thực hiện theo quy định hiện hành; Ban Kiểm soát thường xuyên theo dõi, giám sát nhằm đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và kịp thời của thông tin cung cấp tới cổ đông;

- Ban Kiểm soát đã phối hợp với Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc trong công tác kiểm tra, giám sát tại các đơn vị; qua đó kịp thời kiến nghị xử lý các tồn tại, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật.

### **VII. Đề nghị/ kiến nghị của Ban Kiểm soát**

Trên cơ sở kết quả giám sát năm 2025, Ban Kiểm soát nhận thấy Hội đồng quản trị và Ban điều hành đã có nhiều nỗ lực trong việc duy trì ổn định hoạt động sản

xuất kinh doanh, đảm bảo việc làm, thu nhập cho người lao động và chi trả cổ tức cho các cổ đông.

Tuy nhiên, trong bối cảnh tình hình kinh tế - xã hội năm 2026 dự báo còn nhiều khó khăn, thách thức và những biến động lớn; một số chỉ tiêu sản xuất và hiệu quả kinh doanh năm trước chưa đạt kế hoạch; chi phí phát sinh còn chịu ảnh hưởng đáng kể từ các yếu tố khách quan, qua đó tác động đến hiệu quả sử dụng vốn tại một số thời điểm.

Trên cơ sở đó, để tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động trong thời gian tới, Ban Kiểm soát đề nghị lưu ý một số nội dung trọng tâm như sau:

***Thứ nhất, về điều hành sản xuất và kiểm soát chi phí:***

Đề nghị Tổng công ty tiếp tục chủ động các giải pháp tháo gỡ khó khăn trong sản xuất, đặc biệt là các vướng mắc liên quan đến thủ tục cấp phép, đẩy nhanh tiến độ các dự án trọng điểm, trong đó có Dự án mở rộng, nâng công suất mỏ Núi Hồng nhằm đảm bảo sản lượng kế hoạch và ổn định việc làm cho Người lao động.

Tiếp tục rà soát, tối ưu tổ chức sản xuất, đặc biệt trong lĩnh vực khai thác than và bóc đất đá; xây dựng phương án điều hành linh hoạt phù hợp với điều kiện địa chất, thời tiết. Đồng thời, tăng cường kiểm soát chi phí theo từng khâu, từng đơn vị; phân tích, đánh giá nguyên nhân các khoản chi phí tăng cao (xử lý môi trường, thuê ngoài, sửa chữa...), kịp thời có giải pháp tiết giảm và nâng cao hiệu quả sản xuất.

***Thứ hai, về quản trị tài chính và hiệu quả sử dụng vốn:***

Tiếp tục theo dõi chặt chẽ cơ cấu tài sản, nguồn vốn; kiểm soát hợp lý quy mô hàng tồn kho gắn với nhu cầu sản xuất và tiêu thụ. Tăng cường phân tích các chỉ tiêu hiệu quả (ROE, ROA, biên lợi nhuận) để có giải pháp điều hành phù hợp; chủ động cân đối nguồn vốn, kiểm soát nghĩa vụ nợ, đảm bảo an toàn tài chính.

***Thứ ba, về quản lý công nợ và dòng tiền:***

Thường xuyên rà soát, phân loại công nợ phải thu theo từng nhóm khách hàng; xây dựng lộ trình thu hồi cụ thể đối với các khoản nợ tồn đọng, quá hạn. Đồng thời, hoàn thiện cơ chế bán hàng, điều khoản thanh toán theo hướng kiểm soát chặt chẽ dòng tiền và phù hợp với tình hình thực tế; hạn chế phát sinh công nợ khó đòi mới.

***Thứ tư, về quản lý vốn tại các đơn vị thành viên:***

Tiếp tục rà soát, đánh giá hiệu quả hoạt động và hiệu quả sử dụng vốn tại các công ty con, công ty liên kết; tăng cường giám sát người đại diện phần vốn, gắn trách nhiệm với kết quả sản xuất kinh doanh và bảo toàn, phát triển vốn.

***Thứ năm, về công tác kế hoạch, dự báo và quản trị rủi ro:***

Nâng cao hơn nữa chất lượng công tác lập kế hoạch sản xuất kinh doanh theo hướng sát thực tế, có tính đến các yếu tố biến động của thị trường và điều kiện sản xuất. Đồng thời, tăng cường nhận diện, đánh giá và kiểm soát các rủi ro trọng yếu; tiếp tục rà soát, hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định nội bộ nhằm đảm bảo tính đồng bộ, minh bạch và hiệu quả trong quản trị.

Ban Kiểm soát đề nghị Hội đồng quản trị và Ban điều hành thường xuyên quan tâm chỉ đạo, tổ chức triển khai các giải pháp nêu trên. Trên cơ sở đó, Ban Kiểm soát nhận định rằng, nếu các giải pháp được triển khai đồng bộ, hiệu quả, sẽ góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động, khắc phục các tồn tại, hạn chế và tạo nền tảng cho sự phát triển ổn định, bền vững của Tổng công ty trong thời gian tới.

### **VIII. Kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2026**

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 của Tổng công ty, Ban Kiểm soát xây dựng kế hoạch hoạt động như sau:

#### **1. Nhiệm vụ thường xuyên**

- Tổ chức các cuộc họp của Ban Kiểm soát theo quy định; Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc liên quan đến phạm vi giám sát;
- Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ (quý, năm) và báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026;
- Đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt;
- Thẩm định phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2025;
- Giám sát việc ban hành và tổ chức thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban điều hành.

#### **2. Kiểm tra, giám sát theo chuyên đề**

- Triển khai đầy đủ các nội dung của kế hoạch công tác năm 2026 theo chương trình được xây dựng từ đầu năm;
- Trên cơ sở tình hình thực tế, định kỳ tháng/quý ban hành các nội dung kiểm tra, giám sát chuyên đề, tập trung vào các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro nhằm đảm bảo thực hiện đầy đủ kế hoạch đề ra.

#### **3. Nhiệm vụ khác**

- Thực hiện các nhiệm vụ theo Quy chế người đại diện của TKV, Điều lệ và các quy định nội bộ của Tổng công ty;
- Tham gia các đoàn kiểm tra, giám sát của Tổng công ty, TKV và cơ quan quản lý Nhà nước khi có yêu cầu.

#### **❖ Định hướng trọng tâm năm 2026:**

Tập trung giám sát các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro như quản lý chi phí sản xuất, công nợ phải thu, hiệu quả đầu tư và dòng tiền; đồng thời theo dõi việc thực hiện các chỉ tiêu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và đảm bảo an toàn tài chính của Tổng công ty.

Bên cạnh đó, chú trọng giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ và quy chế nội bộ; nâng cao chất lượng công tác phân tích, cảnh báo rủi ro, góp phần

hỗ trợ công tác quản trị, điều hành theo hướng chủ động, minh bạch và hiệu quả hơn trong thời gian tới.

Trên đây là Báo cáo tình hình hoạt động năm 2025, phương hướng hoạt động năm 2026 và kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2025 của Ban Kiểm soát, kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét, thông qua.

Ban Kiểm soát xin trân trọng cảm ơn!

**Nơi nhận:**

- Các cổ đông;
- HĐQT, BKS (e-copy);
- TGD, các P.TGD (e-copy);
- Đăng tải Website Tổng công ty;
- Lưu: VT, Thư ký TCT, BKS (H.03).



**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**



**Lê Thị Thu Hiền**

Số: 02/2026/QC-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 07 tháng 5 năm 2026

## **QUY CHẾ BẦU CỬ THÀNH VIÊN HĐQT, BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2025–2030**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 14, thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV- CTCP (sửa đổi) ban hành theo quyết định số 302/QĐ-HĐQT ngày 16/10/2025 của Hội đồng quản trị Tổng công ty.

*Quy chế bầu cử Thành viên Hội đồng quản trị, BKS nhiệm kỳ 2025–2030 tại Đại hội đồng cổ đông năm 2026 được thực hiện với các quy định sau:*

### **Điều 1. Nguyên tắc và đối tượng bầu cử:**

1. Nguyên tắc bầu cử: Việc bầu cử Thành viên HĐQT, BKS Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP (sau đây gọi tắt là Tổng công ty) được thực hiện theo nguyên tắc:

- Bầu cử công khai, trực tiếp bằng hình thức bỏ phiếu kín;
- Việc bầu cử Thành viên HĐQT, BKS Tổng công ty được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại Khoản 3, Điều 148 Luật doanh nghiệp 2020.

2. Đối tượng có quyền bầu cử: Là tất cả các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền bằng văn bản (theo mẫu) của một hoặc nhóm cổ đông có tên trong danh sách cổ đông chốt ngày 08/5/2026 của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC).

3. Chủ tọa Đại hội có trách nhiệm chủ trì bầu Thành viên HĐQT, BKS với nhiệm vụ cụ thể:

- Tổng hợp, lập danh sách những người ứng cử và đề cử vào HĐQT, BKS để thông qua tại Đại hội;
- Giám sát việc bỏ phiếu, kiểm phiếu;
- Giải quyết các khiếu nại về bầu cử Thành viên HĐQT, BKS (nếu có).

### **Điều 2. Số lượng, tiêu chuẩn Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát:**

#### **1. Số lượng Thành viên HĐQT:**

Theo quy định tại Khoản 1, Điều 26, Điều lệ Tổng công ty, số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 (năm) thành viên.

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, Tổng công ty đã bầu đủ 05 thành viên Hội đồng quản trị cho nhiệm kỳ 2025–2030. Tuy nhiên, do có 03 thành viên Hội đồng quản trị được miễn nhiệm trước thời hạn, Đại hội đồng cổ đông năm 2026 thực hiện bầu bổ sung 03 (ba) thành viên Hội đồng quản trị để thay thế, nhằm đảm bảo đủ số lượng theo quy định.

## 2. Số lượng Thành viên Ban Kiểm soát:

Theo quy định tại Khoản 1, Điều 37, Điều lệ Tổng công ty, số lượng thành viên Ban kiểm soát là 03 (ba) thành viên.

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, Tổng công ty đã bầu đủ 03 thành viên Ban kiểm soát cho nhiệm kỳ 2025–2030. Tuy nhiên, do có 01 thành viên Ban kiểm soát được miễn nhiệm trước thời hạn, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thực hiện bầu bổ sung 01 (một) thành viên Ban kiểm soát để thay thế, nhằm đảm bảo đủ số lượng theo quy định.

3. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát là 05 (năm) năm (2025-2030); Nhiệm kỳ của Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát được bầu bổ sung tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 là thời gian còn lại của nhiệm kỳ HĐQT, Ban Kiểm soát.

Các Thành viên HĐQT, BKS có thể được bầu lại với số lần không hạn chế.

4. Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật doanh nghiệp;
- b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty, trừ trường hợp Điều lệ Tổng công ty có quy định khác;
- c) Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức liêm khiết, trung thực và có ý thức chấp hành Pháp luật.
- d) Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;
- e) Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của Tổng công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ;

5. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không phải là người đang làm việc cho Tổng công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Tổng công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Tổng công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Tổng công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
- b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Tổng công ty, trừ các khoản phụ cấp mà Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
- c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Tổng công ty; là người quản lý của Tổng công ty hoặc công ty con của Tổng công ty;
- d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty;
- đ) Không phải là người đã từng làm Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Tổng công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;

6. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên theo khoản 1 Điều 169 Luật doanh nghiệp:

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;

d) Không phải là người quản lý Tổng công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Tổng công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;

đ) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Tổng công ty.

*Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 3 Điều này, Kiểm soát viên Tổng công ty không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Tổng công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Tổng công ty.*

### **Điều 3. Điều kiện ứng cử, đề cử Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát:**

1. Trước cuộc họp Đại hội, các cổ đông có quyền cùng nhau lập nhóm để đề cử ứng viên cho các vị trí Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát.

2. Việc đề cử Thành viên Hội đồng quản trị:

a) Các Thành viên của Hội đồng quản trị do các cổ đông đề cử theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông. Các cổ đông được quyền gộp tỷ lệ sở hữu cổ phần vào với nhau để bỏ phiếu đề cử các Thành viên Hội đồng quản trị.

b) Nếu cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu số cổ phần có quyền biểu quyết:

- Từ 10% đến dưới 20% thì được đề cử tối đa 01 ứng cử viên.

- Từ 20% đến dưới 50% thì được đề cử tối đa 02 ứng cử viên.

- Từ 50% đến dưới 65% thì được đề cử tối đa 03 ứng cử viên.

- Từ 65% trở lên thì được đề cử đủ số ứng cử viên.

c) Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên được công bố rõ ràng và được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành bầu cử.

Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu là Thành viên Hội đồng quản trị theo khoản 1, Điều 25 Điều lệ Tổng công ty.

3. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện theo khoản 1 Điều 36 của Điều lệ Tổng công ty:

a) Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ

từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ ba (03) ứng viên.

b) Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên được công bố rõ ràng và được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành bầu cử.

Ứng viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu là Thành viên Ban kiểm soát theo khoản 1, Điều 36 Điều lệ Tổng công ty.

#### **Điều 4. Cách thức giới thiệu, bầu Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát**

1. Danh sách, lý lịch và các thông tin có liên quan của các ứng viên được đề cử hoặc ứng cử để bầu vào HĐQT, BKS phải được gửi về cho HĐQT, BKS đương nhiệm chậm nhất mười (10) ngày trước khi Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức.

2. Danh sách ứng viên được đề cử hoặc ứng cử vào HĐQT, BKS (kèm theo lý lịch, thông tin) phải được niêm yết công khai tại trụ sở chính của Tổng công ty, địa điểm nơi tổ chức Đại hội và đăng trên website Tổng công ty.

3. Việc bầu Thành viên HĐQT, BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu/đại diện nhân với số thành viên được bầu của HĐQT, BKS và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên hoặc phân bố đồng đều.

3. Phiếu bầu do Ban tổ chức in sẵn, có danh sách các ứng viên, sắp xếp theo thứ tự theo bảng chữ cái tiếng Việt, có ghi giá trị hoặc số cổ phiếu, có đóng dấu Tổng công ty.

5. Cổ đông có quyền bầu cho chính mình nếu họ có tên trong danh sách ứng cử viên ghi trong phiếu bầu cử.

6. Phiếu bầu được phát tại buổi họp Đại hội đồng cổ đông. Trên mỗi phiếu bầu có ghi tên những người ứng cử vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, thông tin về cổ đông và tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà họ đại diện. Cổ đông phải kiểm tra số cổ phần ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo lại ngay tại thời điểm nhận phiếu.

7. Phiếu bầu không hợp lệ là phiếu thuộc một hoặc nhiều trường hợp sau:

- Phiếu không phải của Ban kiểm phiếu phát hành;
- Phiếu bầu cho nhiều người hơn số lượng đã được quy định;
- Phiếu có tẩy xóa, sửa chữa nội dung;
- Phiếu bầu có tên những người ngoài danh sách đề cử và ứng cử đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi bầu cử;
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật hoặc quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

8. Căn cứ vào số lượng thành viên quy định cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm

soát, Đại hội đồng cổ đông sẽ dựa vào tỷ lệ phiếu bầu có số cổ phần cao nhất từ trên xuống để chọn cho đủ số lượng Thành viên HĐQT, BKS.

9. Nếu bầu vòng thứ nhất mà không đủ số Thành viên HĐQT, BKS thì Đại hội đồng cổ đông tiếp tục bầu vòng thứ hai đối với những ứng viên còn lại cho tới khi đủ Thành viên HĐQT, BKS hoặc do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

10. Trong trường hợp phải lựa chọn một (01) trong hai (02) ứng cử viên đạt được tỷ lệ phiếu bầu có số cổ phần bằng nhau thì việc lựa chọn sẽ do Chủ tọa quyết định theo một phương thức mà Đại hội đồng cổ đông cho là phù hợp.

11. Kết quả bầu cử được công nhận sau khi biên bản bầu cử đã được Chủ tọa phê chuẩn và nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

### **Điều 5. Ghi phiếu bầu cử và kiểm phiếu:**

1. Cách ghi phiếu bầu cử: Bầu bằng phương pháp ghi số cổ phần cho số ứng cử viên mà mình lựa chọn. Cổ đông/đại diện ủy quyền cổ đông tiến hành chọn ứng cử viên bằng cách ghi trực tiếp số phiếu bầu của mình cho từng ứng cử viên tại cột "Số phiếu biểu quyết". Tổng số phiếu bầu cho các ứng viên không vượt quá tổng số phiếu được quyền bầu ghi ở phần thông tin cổ đông. Số phiếu bầu cho từng ứng cử viên có thể khác nhau tùy thuộc vào sự tín nhiệm của cổ đông/đại diện cổ đông đối với mỗi ứng cử viên.

#### **Ví dụ:**

##### **1. Bầu Thành viên HĐQT:**

Cổ đông Nguyễn Văn A sở hữu/đại diện sở hữu tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội là 1.000 cổ phần thực hiện bầu bổ sung 03 thành viên HĐQT thì tổng số phiếu bầu của cổ đông là:  $1.000 \times 3 = 3.000$  phiếu bầu.

- Trường hợp 1: Cổ đông Nguyễn Văn A chia đều số phiếu bầu của mình cho 03 ứng viên (tương đương mỗi ứng cử viên nhận được 1.000 phiếu bầu)

| Stt | Danh sách ứng viên | Số phiếu biểu quyết |
|-----|--------------------|---------------------|
| 1   | Ứng viên A         | 1.000               |
| 2   | Ứng viên B         | 1.000               |
| 3   | Ứng viên C         | 1.000               |
|     | <b>Tổng cộng</b>   | <b>3.000</b>        |

- Trường hợp 2: Cổ đông Nguyễn Văn A dồn hết số phiếu bầu của mình cho 01 ứng viên (trường hợp dồn hết cho ứng viên B)

| Stt | Danh sách ứng viên | Số phiếu biểu quyết |
|-----|--------------------|---------------------|
| 1   | Ứng viên A         | 0                   |
| 2   | Ứng viên B         | 3.000               |
| 3   | Ứng viên C         | 0                   |
|     | <b>Tổng cộng</b>   | <b>3.000</b>        |

- Trường hợp 3: Cổ đông Nguyễn Văn A bỏ phiếu bầu của mình cho 03 ứng viên (nhưng không đều nhau)

| Stt | Danh sách ứng viên | Số phiếu biểu quyết |
|-----|--------------------|---------------------|
| 1   | Ứng viên A         | 1.000               |
| 2   | Ứng viên B         | 700                 |

| Stt | Danh sách ứng viên | Số phiếu biểu quyết |
|-----|--------------------|---------------------|
| 3   | Ứng viên C         | 1.300               |
|     | <b>Tổng cộng</b>   | <b>3.000</b>        |

- Trường hợp 4: Cổ đông Nguyễn Văn A chia phiếu bầu của mình cho vài ứng viên (chia phiếu bầu cho ứng viên A và ứng viên B)

| Stt | Danh sách ứng viên | Số phiếu biểu quyết |
|-----|--------------------|---------------------|
| 1   | Ứng viên A         | 2.000               |
| 2   | Ứng viên B         | 1.000               |
| 3   | Ứng viên C         | 0                   |
|     | <b>Tổng cộng</b>   | <b>3.000</b>        |

## 2. Bầu Thành viên Ban kiểm soát:

Cổ đông Nguyễn Văn A sở hữu/đại diện sở hữu tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội là 1.000 cổ phần thực hiện bầu bổ sung 01 thành viên Ban kiểm soát thì tổng số phiếu bầu của cổ đông là:  $1.000 \times 1 = 1.000$  phiếu bầu.

- Trường hợp 1: Cổ đông Nguyễn Văn A dồn hết số phiếu bầu của mình cho ứng viên.

| Stt | Danh sách ứng viên | Số phiếu biểu quyết |
|-----|--------------------|---------------------|
| 1   | Ứng viên A         | 1.000               |
|     | <b>Tổng cộng</b>   | <b>1.000</b>        |

- Trường hợp 2: Cổ đông Nguyễn Văn A bỏ một phần số phiếu bầu của mình cho ứng viên.

| Stt | Danh sách ứng viên | Số phiếu biểu quyết |
|-----|--------------------|---------------------|
| 1   | Ứng viên A         | 600                 |
|     | <b>Tổng cộng</b>   | <b>600</b>          |

- Trường hợp 3: Cổ đông Nguyễn Văn A không bỏ phiếu bầu của mình cho ứng viên.

| Stt | Danh sách ứng viên | Số phiếu biểu quyết |
|-----|--------------------|---------------------|
| 1   | Ứng viên A         | 0                   |
|     | <b>Tổng cộng</b>   | <b>0</b>            |

- Cổ đông/đại diện ủy quyền cổ đông có thể lựa chọn một trong các phương thức trên và phương thức khác phù hợp theo quy định để thực hiện bầu.

- Trên mỗi phiếu bầu đều có danh sách các ứng cử viên. Cổ đông/đại diện ủy quyền cổ đông sẽ lựa chọn các ứng cử viên mà mình tín nhiệm để bầu. Trong trường hợp viết sai Cổ đông/đại diện ủy quyền cổ đông không được tẩy xóa mà phải yêu cầu Ban bầu cử kiêm Ban kiểm phiếu đổi lại phiếu mới.

2. Ban bầu cử kiêm Ban kiểm phiếu thực hiện việc kiểm phiếu theo quy định sau:

- Việc kiểm phiếu được Ban bầu cử kiêm Ban kiểm phiếu tiến hành ngay sau khi cuộc bỏ phiếu kết thúc và được tiến hành ở phòng riêng có sự giám sát của đại diện cổ đông và/hoặc Chủ tọa Đại hội;

- Kiểm tra tính hợp lệ của các Phiếu bầu cử và ghi kết quả kiểm phiếu;

- Niêm phong toàn bộ các Phiếu bầu cử, bàn giao lại cho Ban kiểm soát Tổng công ty ngay sau khi Đại hội bế mạc.

### 3. Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu:

- Ban bầu cử kiêm Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập Biên bản kiểm phiếu. Trưởng Ban bầu cử đọc Biên bản kiểm phiếu trước Đại hội.

- Mọi công việc kiểm tra, lập Biên bản và công bố kết quả kiểm phiếu phải được Ban bầu cử làm việc trung thực, chính xác và chịu trách nhiệm về kết quả đó.

### Điều 6. Bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị:

1. Sau khi có kết quả bầu cử Thành viên Hội đồng quản trị của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên của mình để bầu ra một (01) Chủ tịch theo khoản 1 Điều 29 của Điều lệ.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc điều hành của Tổng công ty.

### Điều 7. Khiếu nại về bầu cử và kiểm phiếu:

1. Mọi cổ đông dự họp Đại hội đều có quyền chất vấn trước Đại hội về các vấn đề liên quan đến việc bầu Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

Mọi khiếu nại và bầu kết quả bổ sung đều phải được xem xét và giải quyết ngay tại Đại hội. Trường hợp có khiếu nại, Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra lại và xin ý kiến Đại hội quyết định.

2. Mọi khiếu nại về bầu cử, kiểm phiếu sẽ do Chủ tọa Đại hội giải quyết và được ghi vào Biên bản cuộc họp Đại hội.

### Điều 8. Hiệu lực quy chế:

Quy chế này có hiệu lực thi hành đối với tất cả cổ đông tham dự Đại hội cổ đông thường niên năm 2026 và Ban tổ chức Đại hội kể từ thời điểm Đại hội thông qua.

#### Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- HĐQT, BKS (e-copy);
- TGD, PTGD, KTT (e-copy);
- Website Tcty (e-copy);
- Lưu: VT, TCNS, HĐQT (H.02)

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**



**Lê Quang Bình**

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP  
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM  
TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP  
MỎ VIỆT BẮC TKV- CTCP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 148 /TTr – HĐQT

Hà Nội, ngày 07 tháng 5 năm 2026

## TỜ TRÌNH

Về việc bầu bổ sung thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2025-2030

### Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 14 thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Quyết định số 302/QĐ-HĐQT ngày 16 tháng 5 năm 2025 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP về việc ban hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động (sửa đổi) của Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV- CTCP;

Căn cứ Quyết định số 497/QĐ-TKV ngày tháng 26/3/2026 của cổ đông Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV) về việc thay đổi Người đại diện phần vốn và Người đại diện của TKV tham gia Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP.

Hội đồng quản trị Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 xem xét thông qua nội dung sau:

1. Thông qua việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát:

(i) Thông qua việc ông Lê Quang Bình – Người quản lý phần vốn TKV thôi tham gia Hội đồng quản trị Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP và từ nhiệm các chức vụ trong Hội đồng quản trị Tổng công ty nhiệm kỳ 2025-2030 theo đề nghị của cổ đông Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

(ii) Thông qua việc ông Đặng Văn Tùng thôi tham gia Hội đồng quản trị Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP và từ nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty nhiệm kỳ 2025-2030 theo đề nghị của cổ đông Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

(iii) Thông qua việc bà Nguyễn Thị Lịch – Trưởng Ban Kiểm soát nội bộ Tập đoàn thôi tham gia Ban Kiểm soát Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP và từ nhiệm Thành viên Ban Kiểm soát Tổng công ty nhiệm kỳ 2025-2030 theo đề nghị của cổ đông Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

2. Đại hội bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát:

(i) Bầu ông Bùi Trần Đông – Trưởng Ban quản lý vốn TKV tham gia Hội đồng quản trị Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP nhiệm kỳ 2025–2030, thay thế ông Lê Quang Bình.

(ii) Bầu ông Hoàng Kiều Hưng – Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty tham gia Hội đồng quản trị Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP và giữ chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty nhiệm kỳ 2025–2030.

(iii) Bầu bà Lê Thị Thu Trang – Người kiểm soát phần vốn, Ban Kiểm soát nội bộ TKV tham gia Ban Kiểm soát Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP và giữ chức vụ Thành viên Ban Kiểm soát Tổng công ty.

Lý lịch trích ngang của ông Bùi Trần Đông, ông Hoàng Kiều Hưng và bà Lê Thị Thu Trang được gửi kèm theo Tờ trình này.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Các cổ đông;
- Thành viên HĐQT, TGD, PTGD (e-copy);
- Ban Kiểm soát (e-copy);
- Lưu: VT, TCNS, Thư ký TCT



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**  
  
**Lê Quang Bình**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

### SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Họ và tên: Bùi Trần Đông
2. Giới tính: Nam
3. Ngày sinh: 31/12/1966
4. Nơi sinh: Xã Hải Hưng, Tỉnh Ninh Bình
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: số 63 Trung Liệt - Phường Đồng Đa - Thành phố Hà Nội.
7. Thẻ căn cước số: 036066027855; Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH; Ngày cấp: 18/12/20218.  
Điện thoại liên hệ: Di động: 091.308.1233
9. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế mỏ, Cử nhân Tin học, Kỹ sư khai thác mỏ
10. Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng ban Quản lý vốn - Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam
11. Chức vụ đang nắm giữ tại Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP: Không
12. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Địa chất Việt Bắc - TKV và Công ty cổ phần sắt Thạch Khê
13. Số cổ phần MVB nắm giữ: 2.500 cổ phần
14. Quá trình công tác

| Thời gian       | Đơn vị công tác         | Chức vụ  |
|-----------------|-------------------------|--|
| 01/1989-11/1992 | Mỏ Than Núi Hồng        | Nhân viên phòng tổ chức lao động, nhân viên phân xưởng khai thác, phòng kế hoạch |
| 12/1992-04/1993 | Mỏ than Núi Hồng        | Phó phòng Tổ chức lao động   |
| 05/1993-07/1997 | Xí nghiệp Than Núi Hồng | Phó phòng kế toán  |

| Thời gian             | Đơn vị công tác                                     | Chức vụ                |
|-----------------------|---|------------------------|
| 08/1997-10/1998       | Xí nghiệp Than Núi Hồng                             | Trưởng phòng kế toán   |
| 11/1998- 08/2003      | Xí nghiệp Than Núi Hồng                             | Kế toán trưởng         |
| 09/2003-12/2008       | Xí nghiệp Than Núi Hồng                             | Giám đốc               |
| 01/2009- 04/2012      | Tổng công ty Công nghiệp mỏ<br>Việt Bắc - Vinacomin | Phó Tổng giám đốc      |
| 05/2012- 04/2015      | Tổng công ty Công nghiệp mỏ<br>Việt Bắc - Vinacomin | Tổng giám đốc          |
| 05/2015-<br>29/3/2026 | Tập đoàn Công nghiệp Than-<br>Khoáng sản Việt Nam   | Trưởng ban Kế hoạch    |
| 30/3/2026- nay        | Tập đoàn Công nghiệp Than-<br>Khoáng sản Việt Nam   | Trưởng ban Quản lý vốn |



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

- Họ và tên: Hoàng Kiều Hưng
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 06/4/1982
- Nơi sinh: Xã Bình Định, Tỉnh Hưng Yên
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Số nhà 19 ngõ 21 đường Giáp Bát, phường Tương Mai, Thành phố Hà Nội
- Thẻ căn cước số: 034082003608; Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Ngày cấp: 31/12/2021  
Điện thoại liên hệ: Di động: 0987.302.509
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Khai thác mỏ, kỹ sư khai thác mỏ
- Chức vụ đang nắm giữ tại Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP: Phó Tổng giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần MVB nắm giữ: 900 cổ phần
- Quá trình công tác

| Thời gian         | Đơn vị công tác                                    | Chức vụ                                |
|-------------------|--|--|
| 09/2005 - 04/2006 | Công ty Than Thống Nhất -TKV                       | Công nhân lò CT Khai thác 3            |
| 5/2006 - 4/2008   | Công ty Than Thống Nhất -TKV                       | Kỹ sư phòng Kỹ thuật mỏ                |
| 5/2008 - 4/2009   | Công ty Than Thống Nhất -TKV                       | Phó Trưởng phòng KTM                   |
| 05/2009 - 02/2010 | Công ty Than Thống Nhất -TKV                       | Phó Quản đốc CT Khai thác 3            |
| 03/2010 - 02/2012 | Công ty NHHMTV Than Khánh Hòa - VVMI               | Phó trưởng phòng KTSX                  |
| 03/2012 -02/2013  | Công ty TNHH MTV Than Khánh Hòa - VVMI.            | Quyền Trưởng phòng KTSX                |
| 3/2013 - 10/2014  | Công ty TNHH một thành viên Than Khánh Hòa - VVMI. | Quản đốc phân xưởng Khai thác lộ thiên |

| Thời gian          | Đơn vị công tác                                 | Chức vụ  |
|--------------------|---|--|
| 11/2014 - 12/2015  | Công ty Than Khánh Hòa - VVMI                   | Quản đốc phân xưởng Bốc xúc đất đá                 |
| 01/2016 - 5/2017   | Công ty Than Khánh Hòa - VVMI                   | Trợ lý Giám đốc - Trưởng phòng Điều khiển sản xuất |
| 06/2017 - 9/2017   | Công ty Than Khánh Hòa - VVMI                   | Trưởng phòng Điều khiển SX                         |
| 10/2017-09/2020    | Công ty Than Khánh Hòa - VVMI                   | Phó Giám đốc                                       |
| 10/2020- 18/1/2026 | Công ty Than Na Dương -VVMI                     | Giám đốc   |
| 19/1/2026 - nay    | Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP | Phó Tổng giám đốc                                  |



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Họ và tên: Lê Thị Thu Trang
2. Giới tính: Nữ
3. Ngày sinh: 24 /07/1978
4. Nơi sinh: Hà Nội
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Số 47 Ngõ 164 Đê La Thành, Phường Văn Miếu Quốc Tử Giám, Thành phố Hà Nội
7. Thẻ căn cước số: 001178038742; Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH; Ngày cấp: 10/07/2021
8. Điện thoại liên hệ: Di động: 091.2171718
9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán - Cử nhân ngoại ngữ
10. Chức vụ công tác hiện nay: Người kiểm soát phần vốn Ban Kiểm soát nội bộ - Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam.
11. Chức vụ đang nắm giữ tại Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP: Không
12. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
  - Trưởng ban kiểm soát Công ty cổ phần Công nghiệp ô tô - Vinacomin
  - Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần cơ khí Hòn Gai - Vinacomin
13. Số cổ phần MVB nắm giữ: 0 cổ phần
14. Quá trình công tác

| Thời gian        | Đơn vị công tác                                      | Chức vụ                              |
|------------------|--|--------------------------------------|
| 08/2000 -11/2003 | Công ty Xuất nhập khẩu và Hợp tác Quốc tế (Coalimex) | Chuyên viên Phòng Tổ chức hành chính |
| 12/2003 -08/2005 | Công ty Xuất nhập khẩu và Hợp tác Quốc tế (Coalimex) | Chuyên viên Phòng KTTKTC             |

| Thời gian         | Đơn vị công tác  | Chức vụ  |
|-------------------|--|--|
| 09/2005 - 06/2006 | Công ty Xuất nhập khẩu và Hợp tác Quốc tế (Coalimex)       | Phó trưởng phòng Kế toán tài chính               |
| 07/2006 - 11/2009 | Công ty cổ phần xuất nhập khẩu than - TKV (Coalimex)       | Trưởng phòng Kế toán tài chính                   |
| 12/2009 - 11/2019 | Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu than - Vinacomin (Coalimex) | Kế toán trưởng                                   |
| 12/2019 - 03/2026 | Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu than - Vinacomin (Coalimex) | Phó Giám đốc                                     |
| 04/2026 - nay     | Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam              | Người kiểm soát phần vốn<br>Ban Kiểm soát nội bộ |

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP  
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM  
TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP  
MỎ VIỆT BẮC TKV- CTCP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 154 /TTr – HĐQT

Hà Nội, ngày 07 tháng 5 năm 2026

## TỜ TRÌNH

Về việc đề cử thành viên độc lập HĐQT nhiệm kỳ 2025-2030

### Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 14 thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Quyết định số 302/QĐ-HĐQT ngày 16 tháng 5 năm 2025 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP về việc ban hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động (sửa đổi) của Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV- CTCP;

Căn cứ Nghị quyết số 144/NQ-HĐQT ngày 05/5/2026 của Hội đồng quản trị Tổng công ty.

Hội đồng quản trị Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 xem xét như sau:

Hiện nay, Hội đồng quản trị Tổng công ty có 04 thành viên là Người đại diện của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam. Tập đoàn nắm giữ 98,19% cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty và không đề cử thành viên độc lập Hội đồng quản trị; Số cổ đông còn lại sở hữu không đủ 10% tổng số cổ phần phổ thông nên không đủ điều kiện để đề cử thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty. Như vậy, theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty, quyền đề cử ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị Tổng công ty đề cử.

Căn cứ quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và Quy chế bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP thống nhất đề cử ông Ngô Ngọc Sơn ứng cử thành viên độc lập HĐQT Tổng công ty nhiệm kỳ 2025-2030 tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

Lý lịch trích ngang của ông Ngô Ngọc Sơn như sau:

- Sinh ngày: 19/8/1961
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ điện mỏ, Kỹ sư kinh tế (Quản trị doanh nghiệp), Cử nhân Luật.
- Lý luận chính trị: Cao cấp
- Công việc trước khi nghỉ hưu: Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP

- Nơi cư trú: Số nhà 22, ngõ 45, phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội

- Quá trình công tác:

Từ tháng 04/1984 đến ngày 10/7/1988: Kỹ sư cơ điện phân xưởng khai thác Mỏ than Núi Hồng;

Từ ngày 11/7/1988 đến ngày 14/9/1992: Phó phòng cơ điện vận tải, phó phòng vật tư cơ điện, trưởng phòng cơ điện vật tư - Mỏ than Núi Hồng;

Từ ngày 15/09/1992 đến tháng 03/1996: Kỹ sư chính - Nhóm cơ điện trưởng Công ty Than III;

Từ tháng 03/1996 đến tháng 08/1996: Phó phòng KTKH Công ty Than Nội Địa;

Từ tháng 09/1996 đến tháng 09/1997: Trưởng phòng KTKH Công ty Than Nội Địa;

Từ tháng 10/1997 đến ngày 04/3/1999: Trưởng phòng Vật tư Công ty Than Nội Địa;

Từ ngày 05/3/1999 đến tháng 10/2009: Trưởng phòng cơ điện Công ty Than Nội Địa;

Từ tháng 11/2009 đến tháng 11/2021: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP.

Từ tháng 12/2021 đến nay: Nghỉ chế độ hưu trí

Hội đồng quản trị Tổng công ty cam đoan ông Ngô Ngọc Sơn có đủ điều kiện được đề cử vào vị trí thành viên độc lập Hội đồng quản trị Tổng công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và Quy chế bầu cử thành viên Hội đồng quản trị của Tổng công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Các cổ đông;
- Thành viên HĐQT, TGD, PTGD, KTT (e-copy);
- Ban Kiểm soát (e-copy);
- Lưu: VT, TCNS, Thư ký TCT







CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

- Họ và tên: Ngô Ngọc Sơn
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 19/8/1961
- Nơi sinh: Bắc Ninh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Số nhà 22 ngõ 45 Hào Nam, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội
- Thẻ căn cước số: 027061002736; Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Ngày cấp: 10/7/2021  
Điện thoại liên hệ: Di động: 0913.346.966
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ điện Mỏ, Kỹ sư Quản trị doanh nghiệp, Cử nhân Luật.
- Chức vụ đang nắm giữ tại Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP: Không
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần MVB nắm giữ: 3.000 cổ phần
- Quá trình công tác

| Thời gian         | Đơn vị công tác      | Chức vụ                            |
|-------------------|----------------------|------------------------------------|
| 04/1984 - 6/1988  | Mỏ than Núi Hồng     | Kỹ sư cơ điện phân xưởng khai thác |
| 7/1988 - 08/1992  | Mỏ than Núi Hồng     | Cán bộ phòng cơ điện - Vật tư      |
| 09/1992 - 03/1996 | Công ty Than III     | Kỹ sư - Nhóm cơ điện trưởng        |
| 04/1996 - 08/1996 | Công ty Than Nội Địa | Phó phòng KTKH                     |
| 09/1996 - 09/1997 | Công ty Than Nội Địa | Trưởng phòng KTKH                  |
| 10/1997 - 02/1999 | Công ty Than Nội Địa | Trưởng phòng Vật tư                |
| 03/1999 - 10/2009 | Công ty Than Nội Địa | Trưởng phòng cơ điện               |

| Thời gian         | Đơn vị công tác                                 | Chức vụ           |
|-------------------|---|-------------------|
| 11/2009 - 9/2015  | Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc-Vinacomin; | Phó Tổng giám đốc |
| 10/2015 - 11/2021 | Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP | Phó Tổng giám đốc |
| 12/2021 đến nay   | Nghỉ chế độ hưu trí                             |                   |

Số: 147/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 07 tháng 5 năm 2026

## TỜ TRÌNH

Về việc phê duyệt quyết toán tài chính và phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 Công ty mẹ - Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 14 thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV- CTCP (sửa đổi) ban hành theo quyết định số 302/QĐ-HĐQT ngày 16/10/2025 của Hội đồng quản trị Tổng công ty;

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty mẹ - Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP;

Căn cứ báo cáo quyết toán tài chính năm 2025 của Công ty mẹ - Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO.

HĐQT Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 phê duyệt quyết toán tài chính và phương án PPLN năm 2025 Công ty mẹ - Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP như sau:

### 1. Kết quả hoạt động kinh doanh:

| TT | Nội dung   | Số tiền (đồng)        |
|----|--|-----------------------|
| 1  | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ                     | 2.550.969.598.058     |
| 2  | Các khoản giảm trừ   |                       |
| 3  | Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ            | 2.550.969.598.058     |
| 4  | Giá vốn hàng bán   | 2.073.437.238.655     |
| 5  | Lợi nhuận gộp về bán hàng cung cấp dịch vụ                 | 477.532.359.403       |
| 6  | Doanh thu hoạt động tài chính                              | 54.428.935.341        |
| 7  | Chi phí tài chính  | 9.938.647.580         |
|    | <i>Trong đó: Lãi vay phải trả</i>                          | <i>10.141.375.063</i> |
| 8  | Chi phí bán hàng   | 36.917.317.448        |
| 9  | Chi phí quản lý doanh nghiệp                               | 240.498.870.819       |
| 10 | Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD (30=20+(21-22)+24-(25+26)) | 244.606.458.897       |
| 11 | Thu nhập khác  | 8.045.203.085         |
| 12 | Chi phí khác   | 2.084.954.130         |

| TT | Nội dung                                     | Số tiền (đồng)  |
|----|--|-----------------|
| 13 | Lợi nhuận khác (40=31-32)                    | 5.960.248.955   |
| 14 | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40) | 250.566.707.852 |
| 15 | Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 41.412.681.058  |
| 16 | Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại  | 4.327.426.426   |
| 17 | Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp     | 204.826.600.368 |

## 2. Phương án phân phối lợi nhuận:

|            |   |             |                        |
|------------|---|-------------|------------------------|
| 1          | <b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>  | Đồng        | <b>265.003.141.913</b> |
|            | Trong đó: + Lợi nhuận năm trước chuyển sang   | Đồng        | 60.176.541.545         |
|            | + Lợi nhuận năm nay   | Đồng        | 204.826.600.368        |
| 2          | <b>Lợi nhuận để lại chưa phân phối năm nay</b>  | Đồng        | <b>55.849.115.119</b>  |
| 3          | <b>Phương án trả cổ tức năm 2025</b>  |             |                        |
| 3.1        | Tỷ lệ trả cổ tức theo NQ ĐHCĐ đầu năm   | %           | >=9                    |
| 3.2        | Tỷ lệ trả cổ tức năm 2025   | %           | 10,5                   |
| 3.3        | Số tiền trả cổ tức  | Đồng        | 110.250.000.000        |
| 4          | <b>Bù đắp các khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế( Nếu có)</b> |             |                        |
| 5          | <b>Lợi nhuận còn lại ( 5=1-2-3.3-4)</b>   | <b>Đồng</b> | <b>98.904.026.794</b>  |
| a          | Trích quỹ đầu tư phát triển   | Đồng        | 61.447.980.110         |
| b          | Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi   | Đồng        | 37.456.046.684         |
| b.1        | Quỹ lương thực hiện năm 2025 của công ty  | Đồng        | 245.708.383.562        |
| b.2        | Quỹ lương thực hiện bình quân 1 tháng của công ty   | Đồng        | 20.475.698.630         |
| +          | Số lao động bình quân năm 2025  | Người       | 1.670                  |
| +          | Tiền lương bình quân năm 2025   | đ/ng/th     | 12.260.897             |
| b.3        | Số tháng lương được trích   | Tháng       | 2,73                   |
| <b>b.4</b> | <b>Mức trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (b4=b2*b3)</b>   | <b>Đồng</b> | <b>37.456.046.684</b>  |
| +          | Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi/tháng lương bình quân  | Tháng       | 1,83                   |
| +          | Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi/lao động bình quân   | Đ/ng        | 22.428.770             |

## 3. Tài sản và nguồn vốn đến 31/12/2025:

Đơn vị: Đồng

| TÀI SẢN  | Mã số | TM   | Số cuối kỳ             | Số đầu năm             |
|--|-------|------|------------------------|------------------------|
| <b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN<br/>(100=110+120+130+140+150)</b> | 100   |      | <b>685.244.277.686</b> | <b>738.964.062.709</b> |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>             | 110   |      | <b>97.263.813.620</b>  | <b>135.468.454.588</b> |
| 1. Tiền  | 111   | V.01 | 17.263.813.620         | 25.468.454.588         |
| 2. Các khoản tương đương tiền                            | 112   |      | 80.000.000.000         | 110.000.000.000        |
| <b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>           | 120   | V.02 | <b>60.000.000.000</b>  | <b>30.000.000.000</b>  |
| 1. Đầu tư ngắn hạn                                       | 121   |      | -                      | -                      |
| 2. Dự phòng giảm giá CK kinh doanh (*) (2)               | 122   |      | -                      | -                      |

| TÀI SẢN   | Mã số      | TM   | Số cuối kỳ               | Số đầu năm               |
|---|------------|------|--------------------------|--------------------------|
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn                      | 123        |      | 60.000.000.000           | 30.000.000.000           |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>                 | <b>130</b> |      | <b>191.550.616.148</b>   | <b>337.523.342.232</b>   |
| 1. Phải thu ngắn hạn khách hàng                         | 131        |      | 119.670.981.836          | 321.296.966.349          |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn                     | 132        |      | 57.448.857.449           | 2.159.381.136            |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn                             | 133        |      | -                        | -                        |
| 4. Phải thu theo tiến độ KH hợp đồng XD                 | 134        |      | -                        | -                        |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn                         | 135        | V.03 | -                        | -                        |
| 6. Các khoản phải thu khác                              | 136        |      | 14.430.776.863           | 14.066.994.747           |
| 7. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)              | 137        |      | -                        | -                        |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý                              | 139        |      | -                        | -                        |
| <b>IV. Hàng tồn kho</b>                                 | <b>140</b> |      | <b>310.992.552.625</b>   | <b>223.888.221.922</b>   |
| 1. Hàng tồn kho   | 141        | V.04 | 310.992.552.625          | 223.888.221.922          |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)                   | 149        |      | -                        | -                        |
| <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>                         | <b>150</b> |      | <b>25.437.295.293</b>    | <b>12.084.043.967</b>    |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                           | 151        |      | 1.470.160.260            | 1.022.695.923            |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ                              | 152        |      | 12.911.020.566           | 7.949.973.720            |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu NN                   | 153        | V.05 | 11.056.114.467           | 3.111.374.324            |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ           | 154        |      | -                        | -                        |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác                                | 155        |      | -                        | -                        |
| <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN<br/>(200=210+220+240+250+260)</b> | <b>200</b> |      | <b>1.559.126.164.389</b> | <b>1.359.338.978.413</b> |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>                    | <b>210</b> |      | <b>140.181.634.440</b>   | <b>118.592.840.903</b>   |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng                      | 211        |      | -                        | -                        |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn                      | 212        |      | -                        | -                        |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc                   | 213        | V.06 | -                        | -                        |
| 4. Phải thu dài hạn nội bộ                              | 214        | V.07 | -                        | -                        |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn                          | 215        |      | -                        | -                        |
| 6. Phải thu dài hạn khác                                | 216        |      | 140.181.634.440          | 118.592.840.903          |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)                | 219        |      | -                        | -                        |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                              | <b>220</b> |      | <b>450.393.232.185</b>   | <b>242.493.640.009</b>   |
| 1. TSCĐ hữu hình  | 221        | V.08 | 446.142.499.193          | 237.860.109.424          |
| - Nguyên giá  | 222        |      | 2.049.131.683.727        | 1.966.557.924.506        |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*)                            | 223        |      | (1.602.989.184.534)      | (1.728.697.815.082)      |
| 2. TSCĐ thuê tài chính                                  | 224        | V.09 | -                        | -                        |
| - Nguyên giá  | 225        |      | -                        | -                        |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*)                            | 226        |      | -                        | -                        |
| 3. TSCĐ vô hình   | 227        | V.10 | 4.250.732.992            | 4.633.530.585            |
| - Nguyên giá  | 228        |      | 8.695.847.586            | 8.695.847.586            |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*)                            | 229        |      | (4.445.114.594)          | (4.062.317.001)          |
| <b>III. Bất động sản đầu tư</b>                         | <b>230</b> | V.12 | <b>77.186.818.217</b>    | <b>80.985.682.817</b>    |
| - Nguyên giá  | 231        |      | 107.725.874.427          | 107.725.874.427          |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*)                            | 232        |      | (30.539.056.210)         | (26.740.191.610)         |

| TÀI SẢN                                       | Mã số | TM   | Số cuối kỳ               | Số đầu năm               |
|---|-------|------|--------------------------|--------------------------|
| <b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>            | 240   |      | <b>22.348.042.913</b>    | <b>16.227.949.600</b>    |
| 1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn               | 241   |      | -                        | -                        |
| 2. Chi phí XD CB dở dang                      | 242   |      | 22.348.042.913           | 16.227.949.600           |
| <b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b> | 250   | V.13 | <b>510.614.861.945</b>   | <b>510.412.134.462</b>   |
| 1. Đầu tư vào công ty con                     | 251   |      | 492.941.236.296          | 492.941.236.296          |
| 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh    | 252   |      | 1.740.000.000            | 1.740.000.000            |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác             | 253   |      | 16.607.900.000           | 16.607.900.000           |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)      | 254   |      | (674.274.351)            | (877.001.834)            |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn            | 255   |      | -                        | -                        |
| <b>V. Tài sản dài hạn khác</b>                | 260   |      | <b>358.401.574.689</b>   | <b>390.626.730.622</b>   |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                  | 261   | V.14 | 338.262.260.582          | 366.159.990.089          |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại             | 262   | V.21 | 20.139.314.107           | 24.466.740.533           |
| 3. Thiết bị, vật tư phụ tùng thay thế dài hạn | 263   |      | -                        | -                        |
| 4. Tài sản dài hạn khác                       | 268   |      | -                        | -                        |
| 5. Lợi thế thương mại                         | 269   |      | -                        | -                        |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>        | 270   |      | <b>2.244.370.442.075</b> | <b>2.098.303.041.122</b> |

| NGUỒN VỐN                                    | Mã số | TM   | Số cuối kỳ             | Số đầu năm             |
|--|-------|------|------------------------|------------------------|
| <b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>          | 300   |      | <b>568.633.203.582</b> | <b>489.742.418.441</b> |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                        | 310   |      | <b>330.768.817.774</b> | <b>406.808.209.375</b> |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn               | 311   | V.15 | 74.889.571.443         | 109.375.136.860        |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn         | 312   |      | -                      | 200                    |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp NN             | 313   |      | 24.675.437.232         | 59.672.207.342         |
| 4. Phải trả người lao động                   | 314   | V.16 | 119.903.528.992        | 139.739.521.672        |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                 | 315   |      | 4.305.387.909          | 4.057.307.483          |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn                  | 316   | V.17 | -                      | -                      |
| 7. Phải trả theo tiến độ KH hợp đồng XD      | 317   |      | -                      | -                      |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn         | 318   |      | -                      | 15.909.091             |
| 9. Các khoản phải trả ngắn hạn khác          | 319   | V.18 | 7.612.591.260          | 9.933.876.817          |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn        | 320   |      | 25.526.709.090         | 12.334.476.182         |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn               | 321   |      | -                      | -                      |
| 12. Quỹ khen thưởng phúc lợi                 | 322   |      | 73.855.591.848         | 71.679.773.728         |
| 13. Quỹ bình ổn giá                          | 323   |      | -                      | -                      |
| 14. G. dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324   |      | -                      | -                      |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                        | 330   |      | <b>237.864.385.808</b> | <b>82.934.209.066</b>  |
| 1. Phải trả dài hạn người bán                | 331   |      | -                      | -                      |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn          | 332   | V.19 | -                      | -                      |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn                  | 333   |      | -                      | -                      |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh         | 334   | V.20 | -                      | -                      |
| 5. Phải trả dài hạn nội bộ                   | 335   |      | -                      | -                      |

| NGUỒN VỐN                                   | Mã số      | TM   | Số cuối kỳ               | Số đầu năm               |
|---|------------|------|--------------------------|--------------------------|
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn         | 336        |      | -                        | -                        |
| 7. Phải trả dài hạn khác                    | 337        |      | -                        | -                        |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn         | 338        |      | 237.864.385.808          | 82.934.209.066           |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi                    | 339        |      | -                        | -                        |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi                         | 340        |      | -                        | -                        |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả         | 341        |      | -                        | -                        |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn               | 342        |      | -                        | -                        |
| 13. Quỹ phát triển khoa học công nghệ       | 343        |      | -                        | -                        |
| <b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)</b>      | <b>400</b> |      | <b>1.675.737.238.493</b> | <b>1.608.560.622.681</b> |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                    | <b>410</b> | V.22 | <b>1.675.737.238.493</b> | <b>1.608.560.622.681</b> |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu                   | 411        |      | 1.050.000.000.000        | 1.050.000.000.000        |
| - CP phổ thông có quyền biểu quyết          | 411a       |      | 1.050.000.000.000        | 1.050.000.000.000        |
| - Cổ phiếu ưu đãi                           | 411b       |      | -                        | -                        |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần                     | 412        |      | -                        | -                        |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu         | 413        |      | -                        | -                        |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu                  | 414        |      | -                        | -                        |
| 5. Cổ phiếu quỹ (*)                         | 415        |      | -                        | -                        |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản          | 416        |      | -                        | -                        |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái               | 417        |      | -                        | -                        |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển                    | 418        |      | 360.734.096.580          | 294.999.372.424          |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp          | 419        |      | -                        | -                        |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu           | 420        |      | -                        | -                        |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối       | 421        |      | 265.003.141.913          | 263.561.250.257          |
| - LNST chưa p.phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a       |      | 60.176.541.545           | 44.445.503.070           |
| - LNST chưa phân phối kỳ này                | 421b       |      | 204.826.600.368          | 219.115.747.187          |
| 12. Nguồn vốn đầu tư XDCB                   | 422        |      | -                        | -                        |
| 13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát         | 429        |      | -                        | -                        |
| <b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>       | <b>430</b> |      | -                        | -                        |
| 1. Nguồn kinh phí                           | 432        | V.23 | -                        | -                        |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ        | 433        |      | -                        | -                        |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN(440=300+400)</b>     | <b>440</b> |      | <b>2.244.370.442.075</b> | <b>2.098.303.041.122</b> |

#### 4. Tiền lương chi trả của Tổng giám đốc người quản lý khác:

| TT | Họ và tên       | Chức danh         | Tổng số tiền lương được hưởng năm 2025 (đồng) | Tiền lương bq tháng năm 2025 (đồng) |
|----|-----------------|-------------------|---|-------------------------------------|
| 1  | Trịnh Hồng Ngân | Tổng giám đốc     | 720.000.000                                   | 60.000.000                          |
| 2  | Vũ Minh Tân     | Phó Tổng giám đốc | 648.000.000                                   | 54.000.000                          |
| 3  | Đặng Văn Tùng   | Thành viên HĐQT   | 648.000.000                                   | 54.000.000                          |
| 4  | Nguyễn Văn Dũng | Phó Tổng giám đốc | 648.000.000                                   | 54.000.000                          |

|   |                  |                   |                      |            |
|---|------------------|-------------------|----------------------|------------|
| 5 | Phạm Thanh Hải   | Phó Tổng giám đốc | 648.000.000          | 54.000.000 |
| 6 | Nguyễn Thạc Tân  | Phó Tổng giám đốc | 648.000.000          | 54.000.000 |
| 7 | Lê Thị Thu Hiền  | Trưởng Ban KS     | 672.000.000          | 56.000.000 |
| 8 | Lê Minh Hiền     | Kế toán trưởng    | 600.000.000          | 50.000.000 |
|   | <b>Tổng cộng</b> |                   | <b>5.232.000.000</b> |            |

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Các cổ đông;
- Thành viên HĐQT. Ban KS (e-coppy);
- Tổng GD. các Phó TGD (e-coppy);
- Các đơn vị. các phòng Tcty (e-coppy);
- Lưu: VT. KTTKTC. Thư ký TCT. (H.03)

*[Handwritten signature]*

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

*[Handwritten signature]*

**Lê Quang Bình**



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP  
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM  
TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP  
MỎ VIỆT BẮC TKV- CTCP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 152/Tr- HĐQT

Hà Nội, ngày 07 tháng 5 năm 2026

### TỜ TRÌNH

Về việc chi trả thù lao, phụ cấp cho HĐQT, Ban kiểm soát năm 2025  
và kế hoạch chi trả thù lao, phụ cấp cho HĐQT, Ban kiểm soát năm 2026

#### Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 14 thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV- CTCP (sửa đổi) ban hành theo quyết định số 302/QĐ – HĐQT ngày 16/10/2025 của Hội đồng quản trị Tổng công ty;

Căn cứ nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 của Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV- CTCP ngày 23/4/2025.

Hội đồng quản trị Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 thông qua mức thù lao, phụ cấp của HĐQT, BKS như sau:

#### 1. Thực hiện chi trả thù lao HĐQT, Ban kiểm soát năm 2025:

| TT        | Chức danh                | Số người | Mức trả 01 tháng theo NQ ĐHĐCĐ | Số tháng | Tổng số tiền thù lao năm 2025 (đ) |
|-----------|--------------------------|----------|--------------------------------|----------|-----------------------------------|
| <b>I</b>  | <b>Hội đồng quản trị</b> |          |                                |          |                                   |
| 1         | Chủ tịch HĐQT            | 1        | 6 200 000                      | 12       | 74 400 000                        |
| 2         | Thành viên HĐQT          | 1        | 5 400 000                      | 12       | 64 800 000                        |
|           |                          | 1        | 5 400 000                      | 10.5     | 56 700 000                        |
| <b>II</b> | <b>Ban kiểm soát</b>     |          |                                |          |                                   |
| 1         | Kiểm soát viên           | 2        | 5 000 000                      | 12       | 120 000 000                       |
|           | <b>Tổng cộng</b>         |          |                                |          | <b>315 900 000</b>                |

#### 2. Thực hiện chi trả phụ cấp cho thành viên độc lập HĐQT năm 2025:

| TT | Chức danh               | Số người | Tổng số tiền phụ cấp chi trả năm 2025 (đ) | Mức trả thực tế 01 tháng | Ghi chú   |
|----|-------------------------|----------|---|--------------------------|---|
| 1  | Thành viên độc lập HĐQT | 1        | 260 100 000                               | 27 000 000               | Thành viên HĐQT độc lập từ nhiệm từ ngày 15/10/2025 |

### 3. Kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2026:

| TT        | Chức danh                | Số người | Mức trả 01 tháng theo NQ ĐHĐCĐ | Số tháng | Tổng số tiền thù lao năm 2026 (đ) |
|-----------|--------------------------|----------|--------------------------------|----------|-----------------------------------|
| <b>I</b>  | <b>Hội đồng quản trị</b> |          |                                |          |                                   |
| 1         | Chủ tịch HĐQT            | 1        | 6 200 000                      | 12       | 74 400 000                        |
| 2         | Thành viên HĐQT          | 1        | 5 400 000                      | 12       | 64 800 000                        |
|           |                          | 1        | 5 400 000                      | 7        | 37 800 000                        |
| <b>II</b> | <b>Ban kiểm soát</b>     |          |                                |          |                                   |
| 1         | Kiểm soát viên           | 2        | 5 000 000                      | 12       | 120 000 000                       |
|           | <b>Tổng cộng</b>         |          |                                |          | <b>297 000 000</b>                |

### 4. Kế hoạch chi trả phụ cấp cho thành viên độc lập HĐQT năm 2026:

Kế hoạch chi trả phụ cấp cho thành viên độc lập HĐQT năm 2026 là 27.000.000 đồng/tháng.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định./.

#### Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Thành viên HĐQT, TGĐ, PTGD (e-copy);
- Ban Kiểm soát (e-copy);
- Lưu: VT, TCNS, Thư ký TCT



Số 20 /TTr-BKS

Hà Nội, ngày 06 tháng 5 năm 2026

**TỜ TRÌNH**  
**Về việc lựa chọn Công ty Kiểm toán độc lập**  
**kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026**

*Kính trình:* Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

*Cơ sở căn cứ:*

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Công nghiệp Mỏ Việt Bắc - TKV - CTCP ban hành kèm theo Quyết định số 302/QĐ-HDQT ngày 16/10/2025;
- Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát.

Ban Kiểm soát Tổng công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của Tổng công ty, với các nội dung cụ thể như sau:

**1. Đề xuất danh sách công ty kiểm toán**

Nhằm đảm bảo việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập có uy tín, năng lực và đáp ứng yêu cầu về phạm vi, tiến độ kiểm toán, Ban Kiểm soát đề xuất danh sách các công ty kiểm toán sau:

- ① Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC
- ② Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam
- ③ Công ty TNHH kiểm toán BDO
- ④ Công ty TNHH kiểm toán VACO
- ⑤ Công ty TNHH kiểm toán và kế toán AAC

**2. Tiêu chí lựa chọn**

Các công ty kiểm toán nêu trên đáp ứng các tiêu chí chủ yếu sau:

- ✓ Là tổ chức kiểm toán hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, được Bộ Tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán báo cáo tài chính cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2026;
- ✓ Có kinh nghiệm kiểm toán các doanh nghiệp quy mô lớn, công ty đại chúng;
- ✓ Có uy tín, thương hiệu và chất lượng dịch vụ kiểm toán;

- ✓ Đội ngũ kiểm toán viên có trình độ chuyên môn cao, kinh nghiệm thực tiễn;
- ✓ Đáp ứng yêu cầu của Tổng công ty về phạm vi công việc, chất lượng và tiến độ thực hiện.

### 3. Đề xuất phương án lựa chọn

Để đảm bảo tính chủ động, linh hoạt và phù hợp với quy định của pháp luật trong việc lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ kiểm toán, Ban Kiểm soát thống nhất trình Đại hội đồng cổ đông:

- ❖ Thông qua danh sách các công ty kiểm toán nêu trên;
- ❖ Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Tổng công ty quyết định lựa chọn một trong các công ty kiểm toán trong danh sách để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của Tổng công ty theo quy định.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thảo luận và biểu quyết thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

#### Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- HĐQT, BKS (e-copy);
- TGD, các P.TGD (e-copy);
- Các đơn vị, phòng TCT (e-copy);
- Lưu: VT, Thư ký TCT, BKS (H.03).





**Lê Thị Thu Hiền**

Số: 155 /TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 07 tháng 5 năm 2026

## TỜ TRÌNH

### Về việc thông qua các hợp đồng giao dịch giữa Tổng công ty với doanh nghiệp và người có liên quan năm 2026

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026  
Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV – CTCP.

Căn cứ Điều 167 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Khoản 3 điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về việc “Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán”;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV – CTCP (sửa đổi) được ban hành theo Quyết định số 302/QĐ - HĐQT ngày 16/10/2025.

Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam (TKV) hiện đang là cổ đông lớn của Tổng công ty. Trong năm 2026, để phục vụ sản xuất kinh doanh Tổng công ty dự kiến ký hợp đồng có giá trị lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty mẹ được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất và những hợp đồng có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất với Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam và người có liên quan, cụ thể:

| STT | Tên doanh nghiệp/<br>Người có liên quan         | Mối quan hệ | Địa chỉ                                 | Lĩnh vực giao kết   |
|-----|---|-------------|---|---|
| 1   | Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam | Cổ đông lớn | Số 3 Dương Đình Nghệ - Yên Hòa - Hà Nội | Hợp đồng nguyên tắc về khai thác, sàng tuyển chế biến than (dự kiến giá trị là 2.500 tỷ đồng) |
|     |   |             |   | Hợp đồng nguyên tắc về mua bán than phục vụ sản xuất  |

| STT | Tên doanh nghiệp/<br>Người có liên quan              | Mối quan hệ                        | Địa chỉ                                      | Lĩnh vực giao kết  |
|-----|--|------------------------------------|--|--|
|     |  |                                    |  | xi măng (dự kiến giá trị là 388 tỉ đồng)   |
| 2   | Công ty kho vận và cảng Cẩm phá - Vinacomin          | Người có liên quan của cổ đông     | Tổ 93, khu 9B, phường Cửa Ông, T. Quảng Ninh | Hợp đồng nguyên tắc về mua bán than (dự kiến giá trị là 2.500 tỷ đồng)                                       |
| 3   | Công ty cổ phần Kinh doanh than miền Bắc - Vinacomin | Người có liên quan của cổ đông lớn | Số 5 Phan Đình Giót, Phương Liệt, Hà Nội     | Hợp đồng mua bán than phục vụ pha trộn (Công ty than Na Dương- VVMI ký kết) (dự kiến giá trị là 229 tỷ đồng) |

Căn cứ theo các quy định pháp luật, Hội đồng quản trị đề nghị các Quý vị Cổ đông xem xét chấp thuận các hợp đồng, giao dịch nói trên và các hợp đồng, giao dịch giữa Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP với các doanh nghiệp và người có liên quan theo quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức, hoạt động của Tổng công ty như sau:

| STT | Tên doanh nghiệp/<br>Người có liên quan   | Mối quan hệ | Địa chỉ                                  | Lĩnh vực giao kết hợp đồng, giao dịch   |
|-----|---|-------------|--|---|
| 1   | Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam và người có liên quan, bao gồm nhưng không giới hạn các đơn vị sau: | Cổ đông lớn | Số 03 Dương Đình Nghệ, P.Yên Hòa, Hà Nội | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hợp đồng khai thác, sàng tuyển chế biến than</li> <li>- Hợp đồng dịch vụ giao nhận than</li> <li>- Hợp đồng mua bán than</li> <li>- Lĩnh vực phục vụ sản xuất kinh doanh khác</li> </ul> |

| STT | Tên doanh nghiệp/<br>Người có liên quan   | Mối<br>quan hệ                              | Địa chỉ   | Lĩnh vực giao kết hợp<br>đồng, giao dịch  |
|-----|---|---|---|---|
| 1.1 | Công ty kho vận<br>và cảng Cẩm Phả -<br>Vinacomin   | Người có<br>liên quan<br>của cổ<br>đồng     | Tổ 93, khu 9B,<br>phường Cửa<br>Ông, T. Quảng<br>Ninh               | - Hợp đồng mua bán<br>than  |
| 1.2 | Trung tâm cấp cứu<br>mỏ - Vinacomin –<br>Chi nhánh Tập<br>đoàn Công nghiệp<br>Than – Khoáng<br>sản Việt Nam | Người có<br>liên quan<br>của cổ<br>đồng lớn | Km8 - Phường<br>Hà Tu, Quảng<br>Ninh                                | Hợp đồng dịch vụ<br>huấn luyện thường<br>xuyên, thường trực<br>giải quyết sự cố;<br>kiểm tra phòng ngừa<br>sự cố trong khai thác<br>Than – Khoáng sản |
| 1.3 | Công ty cổ phần<br>giám định -<br>Vinacomin   | Người có<br>liên quan<br>của cổ<br>đồng lớn | Số 55 Lê Thánh<br>Tông, P. Hồng<br>Gai, Tỉnh Quảng<br>Ninh          | Hợp đồng giám định<br>than  |
| 1.4 | Viện khoa học<br>công nghệ Mỏ -<br>Vinacomin  | Người có<br>liên quan<br>của cổ<br>đồng lớn | Số 3 Phan Đình<br>Giót, Phường<br>Liệt, Hà Nội                      | Hợp đồng tư vấn, trắc<br>địa, địa chất và các<br>lĩnh vực phục vụ sản<br>xuất kinh doanh khác   |
| 1.5 | Công ty TNHH 1<br>TV Môi trường<br>TKV  | Người có<br>liên quan<br>của cổ<br>đồng lớn | Km 4 đường<br>Trần Phú,<br>Phường Quang<br>Hanh, Tỉnh<br>Quảng Ninh | - Hợp đồng xử lý<br>nước thải (Hợp đồng<br>do các đơn vị sản<br>xuất than kí kết) và<br>các lĩnh vực phục vụ<br>sản xuất kinh doanh<br>khác.          |
| 1.6 | Công ty cổ phần<br>tín học, công<br>nghệ, môi trường -<br>Vinacomin   | Người có<br>liên quan<br>của cổ<br>đồng lớn | Tòa nhà B15,<br>KĐT mới Đại<br>Kim, P. Định<br>Công, TP. Hà<br>Nội  | Hợp đồng tư vấn, trắc<br>địa, địa chất và các<br>lĩnh vực phục vụ sản<br>xuất kinh doanh khác   |
| 1.7 | Công ty cổ phần<br>Tư vấn đầu tư mỏ<br>và công nghiệp -<br>Vinacomin  | Người có<br>liên quan<br>của cổ<br>đồng lớn | Số 565 Nguyễn<br>Trãi, P. Thanh<br>Liệt, Hà Nội.                    | Hợp đồng tư vấn và<br>các lĩnh vực phục vụ<br>sản xuất kinh doanh<br>khác   |

| STT  | Tên doanh nghiệp/<br>Người có liên quan   | Mối<br>quan hệ                                | Địa chỉ  | Lĩnh vực giao kết hợp<br>đồng, giao dịch  |
|------|---|---|--|---|
| 1.8  | Tổng công ty<br>Công nghiệp Hóa<br>chất mỏ -<br>Vinacomin và các<br>chi nhánh     | Người có<br>liên quan<br>của cổ<br>đông lớn   | Phó Phan Đình<br>Giót, Phường<br>Phương Liệt,<br>Thành phố Hà<br>Nội | - Hợp đồng nổ mìn<br>(Hợp đồng do các<br>đơn vị sản xuất than<br>kí kết)  |
| 1.9  | Công ty cổ phần<br>Kinh doanh than<br>miền Bắc -<br>Vinacomin và các<br>chi nhánh | Người có<br>liên quan<br>của cổ<br>đông lớn   | Số 5 Phan Đình<br>Giót, Phường<br>Liệt, Hà Nội                       | Hợp đồng mua bán<br>than (Công ty than<br>Na Dương- VVMI ký<br>kết)   |
| 1.10 | Công ty cổ phần<br>Vật tư -TKV  | Người có<br>liên quan<br>của cổ<br>đông lớn   | Tổ 1, Khu 2,<br>P.Hạ Long, Tỉnh<br>Quảng Ninh                        | Hợp đồng mua bán<br>dầu mỡ phụ (Hợp<br>đồng do các đơn vị<br>sản xuất than kí kết)<br>và các lĩnh vực phục<br>vụ sản xuất kinh<br>doanh |
| 1.11 | Công ty CP Địa<br>chất Việt Bắc -<br>TKV  | Người<br>liên quan<br>của Chủ<br>tịch<br>HDQT | 30B Đoàn Thị<br>Điểm, P. Ô Chợ<br>Dừa, TP.Hà Nội                     | Hợp đồng khoan<br>thăm dò khai thác,<br>công tác trắc địa, địa<br>chất và các lĩnh vực<br>phục vụ sản xuất kinh<br>doanh khác           |
| 1.12 | Trường Cao đẳng<br>Than – Khoáng<br>sản Việt Nam                                  | Người có<br>liên quan<br>của cổ<br>đông lớn   | Số 8 Chu Văn<br>An, P.Hạ Long,<br>T.Quảng Ninh                       | - Hợp đồng đào tạo<br>- Lĩnh vực phục vụ<br>sản xuất kinh doanh<br>khác   |
| 1.13 | Trường quản trị<br>kinh doanh -<br>Vinacomin                                      | Người có<br>liên quan<br>của cổ<br>đông lớn   | Số 25, Ngõ 46,<br>Phố An Hòa, P.<br>Đại Mỗ, Hà Nội                   | - Hợp đồng đào tạo<br>- Lĩnh vực phục vụ<br>sản xuất kinh doanh<br>khác   |
| 1.14 | Công ty cổ phần<br>du lịch và thương<br>mại - Vinacomin                           | Người có<br>liên quan<br>của cổ<br>đông lớn   | Tầng 8, Tòa nhà<br>Việt Á, phố Duy<br>Tân,P.Cầu Giấy,<br>Hà Nội      | - Hợp đồng mua bán<br>vật tư, lớp, thăm quan<br>du lịch<br>- Lĩnh vực phục vụ   |

| STT  | Tên doanh nghiệp/<br>Người có liên quan                      | Mối<br>quan hệ                              | Địa chỉ   | Lĩnh vực giao kết hợp<br>đồng, giao dịch  |
|------|--|---|---|---|
|      |  |   |   | sản xuất kinh doanh<br>khác   |
| 1.15 | Viện cơ khí Năng<br>lượng và Mỏ -<br>Vinacomin               | Người có<br>liên quan<br>của cổ<br>đông lớn | Số 565 Nguyễn<br>Trãi, Phường<br>Thanh Liệt, Hà<br>Nội                      | - Hợp đồng dịch vụ<br>kiểm định an toàn,<br>mua bán vật tư (Hợp<br>đồng do các đơn vị<br>sản xuất than kí kết)<br>- Lĩnh vực phục vụ<br>sản xuất kinh doanh<br>khác         |
| 1.16 | Công ty cổ phần<br>phát triển công<br>nghệ và thiết bị<br>mỏ | Người có<br>liên quan<br>của cổ<br>đông lớn | Số 3 phố Phan<br>Đình Giót,<br>Phường Phương<br>Liệt, Thành phố<br>Hà Nội   | - Hợp đồng dịch vụ<br>thí nghiệm và hiệu<br>chỉnh thiết bị điện<br>(Hợp đồng do các<br>đơn vị sản xuất than<br>kí kết)<br>- Lĩnh vực phục vụ<br>sản xuất kinh doanh<br>khác |
| 1.17 | Bệnh viện Than<br>Khoáng sản                                 | Người có<br>liên quan<br>của cổ<br>đông lớn | Ngõ 1, Phố Phan<br>Đình Giót-<br>Phường Phương<br>Liệt, Thành phố<br>Hà Nội | - Hợp đồng khám sức<br>khỏe.<br>- Lĩnh vực phục vụ<br>sản xuất kinh doanh<br>khác   |
| 1.18 | Công ty cổ phần<br>Công nghiệp Ô tô<br>- Vinacomin           | Người có<br>liên quan<br>của cổ<br>đông lớn | Số 370 đường<br>Trần Quốc<br>Tảng, Phường<br>Cửa Ông, Tỉnh<br>Quảng Ninh    | - Hợp đồng mua bán<br>vật tư<br>- Lĩnh vực phục vụ<br>sản xuất kinh doanh<br>khác   |
| 1.19 | Tổng công ty<br>khoáng sản -TKV<br>và các chi nhánh          | Người có<br>liên quan<br>của cổ<br>đông lớn | 193 Đường<br>Nguyễn Huy<br>Tường, Phường<br>Thanh Xuân<br>Trung, Quận       | - Lĩnh vực phục vụ<br>sản xuất kinh doanh<br>khác<br>- Hợp đồng điều<br>dưỡng   |

| STT  | Tên doanh nghiệp/<br>Người có liên quan               | Mối<br>quan hệ                              | Địa chỉ  | Lĩnh vực giao kết hợp<br>đồng, giao dịch   |
|------|---|---|--|--|
|      |   |   | Thanh Xuân, Hà<br>Nội  |  |
| 1.20 | Tổng công ty Điện<br>lực TKV-CTCP<br>và các chi nhánh | Người có<br>liên quan<br>của cổ<br>đông lớn | Số 3 Dương<br>Đình Nghệ,<br>Phường Yên<br>Hòa, Thành Phố<br>Hà Nội | - Lĩnh vực phục vụ<br>sản xuất kinh doanh<br>khác<br>- Hợp đồng mua bán<br>điện tiêu dùng (Công<br>ty than Na Dương-<br>VVMI kí kết)   |
| 2    | Công ty cổ phần<br>xi măng La Hiên -<br>VVMI          | Công ty<br>con                              | Xóm Cây Bòng,<br>Xã La Hiên,<br>Tỉnh Thái<br>Nguyên                | Hợp đồng mua bán<br>đá thải sau sàng<br>(Công ty Than Khánh<br>Hòa- VVMI ký kết)<br>và các lĩnh vực phục<br>vụ sản xuất kinh<br>doanh  |
| 3    | Công ty Cổ phần<br>xi măng Quán<br>Triều -VVMI        | Công ty<br>con                              | Xã An Khánh,<br>Tỉnh Thái<br>Nguyên                                | Hợp đồng mua bán<br>than; hợp đồng mua<br>bán đá vôi, Hợp đồng<br>mua bán đá thải sau<br>sàng (Công ty Than<br>Khánh Hòa- VVMI<br>ký kết), Hợp đồng<br>mua vỏ bao xi măng,<br>vận chuyển than bằng<br>đường sắt (Công ty<br>Than Núi Hồng-<br>VVMI ký kết) và các<br>lĩnh vực phục vụ sản<br>xuất kinh doanh |
| 4    | Công ty Cổ phần<br>xi măng Tân<br>Quang -VVMI         | Công ty<br>con                              | Xóm 5, Phường<br>Nông Tiến, Tỉnh<br>Tuyên Quang                    | Hợp đồng mua bán<br>than, Hợp đồng mua<br>vỏ bao xi măng<br>(Công ty Than Núi<br>Hồng- VVMI ký kết)  |

| STT | Tên doanh nghiệp/<br>Người có liên quan                         | Mối<br>quan hệ | Địa chỉ  | Lĩnh vực giao kết hợp<br>đồng, giao dịch  |
|-----|---|----------------|--|---|
|     |   |                |  | và các lĩnh vực phục vụ sản xuất kinh doanh   |
| 5   | Công ty cổ phần Cơ khí mỏ Việt Bắc VVMI                         | Công ty con    | Xóm 2, Xã An Khánh, Tỉnh Thái Nguyên                         | Hợp đồng sửa chữa thiết bị (các công ty sản xuất than ký kết) và các lĩnh vực phục vụ sản xuất kinh doanh |
| 6   | Công ty cổ phần cơ khí và thiết bị áp lực – VVMI                | Công ty con    | Số 506, Hà Huy Tập, xã Phù Đổng, TP Hà Nội                   | Hợp đồng sửa chữa thiết bị (các công ty sản xuất than ký kết) và các lĩnh vực phục vụ sản xuất kinh doanh |
| 7   | Công ty cổ phần vật liệu xây dựng và kinh doanh tổng hợp - VVMI | Công ty con    | Thôn Tà Lại, Xã Hoàng Văn Thụ, T. Lạng Sơn                   | - HĐ phục vụ các lĩnh vực sản xuất kinh doanh   |
| 8   | Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI   | Công ty con    | Tổ 12, Xã Thu Lâm, TP.Hà Nội                                 | - HĐ thuê tài sản và các lĩnh vực phục vụ sản xuất kinh doanh   |
| 9   | Công ty cổ phần khách sạn Thái Nguyên                           | Công ty con    | Số 2 đường Hoàng Văn Thụ, P. Hoàng Văn Thụ, Tỉnh Thái Nguyên | HĐ cho thuê phòng nghỉ, tổ chức hội nghị và các lĩnh vực phục vụ sản xuất kinh doanh                      |

Và các đơn vị liên quan trong Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam.

Hội đồng quản trị Tổng công ty kính đề nghị các Quý vị cổ đông của Tổng công ty xem xét chấp thuận và giao cho Tổng giám đốc Tổng công ty ký kết, tổ chức thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa Tổng công ty với các doanh nghiệp và người có liên quan nêu trên theo đúng quy định pháp luật với thời gian thực hiện các hợp đồng, giao dịch kể từ ngày 01/01/2026 đến khi có thay đổi khác.

Hội đồng quản trị Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV – CTCP trân trọng đề nghị Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty xem xét thông qua các nội dung trên để Tổng công ty thực hiện theo đúng quy định./.

**Nơi nhận:**

- Các cổ đông;
- Thành viên HĐQT, BKS (e-copy);
- Lưu: VT, Thư ký Tổng công ty.

*sl*



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Lê Quang Bình**

Số: 179 /TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 29 tháng 5 năm 2026

**TỜ TRÌNH**  
**Về việc sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh và sửa đổi**  
**Điều lệ Tổng công ty**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Quyết định số 302/QĐ-HĐQT ngày 16/10/2025 của Hội đồng quản trị Tổng công ty về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP.

Hội đồng quản trị Tổng công ty trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét thông qua nội dung như sau:

I. Thông qua sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty:

1. Bổ sung ngành nghề đăng ký kinh doanh:

| STT | Tên ngành   | Mã ngành | Lý do bổ sung   |
|-----|---|----------|---|
| 1   | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>(Chi tiết: Hoạt động đo đạc và bản đồ) | 7110     | Theo quy định tại Luật Đo đạc và bản đồ số 27/2018/QH14 ngày 14/6/2018 và các văn bản hướng dẫn, thi hành |

2. Sửa đổi “Ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty” theo Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam được quy định tại Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025: Chi tiết như phụ lục 1 kèm theo.

II. Thông qua sửa đổi, bổ sung “Ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty” tại khoản 2 Điều 4 Điều lệ của Tổng công ty như Phụ lục 2 kèm theo.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Các cổ đông;
- Thành viên HĐQT, TGD, PTGD (e);
- Ban Kiểm soát (e);
- Các đơn vị trực thuộc, các phòng Tcty (e);
- Lưu: VT, TCNS, Thư ký TCT

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



Lê Quang Bình

**Phụ lục 1**  
**Sửa đổi ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty Công nghiệp**  
**mỏ Việt Bắc TKVN-CTCP theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg**  
 (Kèm theo Thông tư số 179/TT-HQDT ngày 29 tháng 5 năm 2026)

**1. Danh mục ngành nghề kinh doanh không có thay đổi so với Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg: 38 ngành nghề**

| Ngành nghề kinh doanh hiện tại của Tổng công ty |                 |  | Ngành nghề kinh doanh cập nhật theo Quyết định 36/2025/QĐ-TTg |  |
|---|-----------------|--|---|--|
| Stt   | Mã ngành        | Tên ngành  | Mã ngành  | Tên ngành  |
| 1   | 0510<br>(Chính) | Khai thác và thu gom than cứng   | 0510<br>(Chính)   | Khai thác và thu gom than cứng   |
| 2   | 0520            | Khai thác và thu gom than non  | 0520  | Khai thác và thu gom than non  |
| 3   | 0810            | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét<br>Chi tiết: Khai thác đất đá, đá, cát, sỏi, đất sét từ nguồn đất đá đổ thải trong khai thác mỏ; Khai thác đá; Khai thác cát; Khai thác sỏi; Khai thác đất sét | 0810  | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét<br>Chi tiết: Khai thác đất đá, đá, cát, sỏi, đất sét từ nguồn đất đá đổ thải trong khai thác mỏ; Khai thác đá; Khai thác cát; Khai thác sỏi; Khai thác đất sét |
| 4   | 0892            | Khai thác và thu gom than bùn  | 0892  | Khai thác và thu gom than bùn  |
| 5   | 1702            | Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì  | 1702  | Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì  |
| 6   | 2392            | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét  | 2392  | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét  |
| 7   | 2394            | Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao   | 2394  | Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao   |
| 8   | 2395            | Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao  | 2395  | Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao  |
| 9   | 2431            | Đúc sắt, thép  | 2431  | Đúc sắt, thép  |
| 10  | 2511            | Sản xuất các cấu kiện kim loại   | 2511  | Sản xuất các cấu kiện kim loại   |
| 11  | 2512            | Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại   | 2512  | Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại   |
| 12  | 2513            | Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)   | 2513  | Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)   |
| 13  | 2591            | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại   | 2591  | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại   |
| 14  | 2592            | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại   | 2592  | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại   |
| 15  | 2813            | Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác   | 2813  | Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác   |
| 16  | 2814            | Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động   | 2814  | Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động   |
| 17  | 2815            | Sản xuất lò nung, lò luyện, lò nung  | 2815  | Sản xuất lò nung, lò luyện và lò nung  |
| 18  | 2816            | Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp  | 2816  | Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp  |

| Ngành nghề kinh doanh hiện tại của Tổng công ty |          |   | Ngành nghề kinh doanh cập nhật theo Quyết định 36/2025/QĐ-TTg |   |
|---|----------|---|---|---|
| Stt   | Mã ngành | Tên ngành   | Mã ngành  | Tên ngành   |
| 19  | 2819     | Sản xuất máy thông dụng khác  | 2819  | Sản xuất máy thông dụng khác  |
| 20  | 2824     | Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng   | 2824  | Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng   |
| 21  | 2829     | Sản xuất máy chuyên dụng khác   | 2829  | Sản xuất máy chuyên dụng khác   |
| 22  | 2910     | Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác   | 2910  | Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác   |
| 23  | 2930     | Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác  | 2930  | Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác  |
| 24  | 3290     | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu  | 3290  | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu  |
| 25  | 3320     | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp   | 3320  | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp   |
| 26  | 3600     | Khai thác, xử lý và cung cấp nước   | 3600  | Khai thác, xử lý và cung cấp nước   |
| 27  | 3700     | Thoát nước và xử lý nước thải   | 3700  | Thoát nước và xử lý nước thải   |
| 28  | 4101     | Xây dựng nhà để ở   | 4101  | Xây dựng nhà để ở   |
| 29  | 4102     | Xây dựng nhà không để ở   | 4102  | Xây dựng nhà không để ở   |
| 30  | 4211     | Xây dựng công trình đường sắt   | 4211  | Xây dựng công trình đường sắt   |
| 31  | 4212     | Xây dựng công trình đường bộ  | 4212  | Xây dựng công trình đường bộ  |
| 32  | 4390     | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác.  | 4390  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác.  |
| 33  | 4659     | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.  | 4659  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.  |
| 34  | 4912     | Vận tải hàng hóa đường sắt  | 4912  | Vận tải hàng hóa đường sắt  |
| 35  | 4932     | Vận tải hành khách đường bộ khác  | 4932  | Vận tải hành khách đường bộ khác  |
| 36  | 4933     | Vận tải hàng hoá bằng đường bộ  | 4933  | Vận tải hàng hoá bằng đường bộ  |
| 37  | 5610     | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động  | 5610  | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động  |
| 38  | 6810     | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất không để ở | 6810  | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: Cho thuê và vận hành nhà và đất không để ở |
| 39  | 8710     | Hoạt động của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng  | 8710  | Hoạt động của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng  |

**2. Danh mục ngành nghề kinh doanh có sự thay đổi tên ngành (không thay đổi mã ngành): 07 ngành nghề.**

| Ngành nghề kinh doanh hiện tại của Tổng công ty |          |   | Ngành nghề kinh doanh cập nhật theo Quyết định 36/2025/QĐ-TTg |  |
|---|----------|---|---|--|
| TT  | Mã ngành | Tên ngành   | Mã ngành  | Tên ngành  |
| 1   | 3020     | Sản xuất đầu máy xe lửa, xe điện, toa xe  | 3020  | Sản xuất đầu máy xe lửa, xe điện, toa xe và phương tiện, thiết bị chuyên dùng trên đường ray |
| 2   | 3312     | Sửa chữa máy móc, thiết bị  | 3312  | Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị  |
| 3   | 3313     | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học  | 3313  | Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị điện tử và quang học  |
| 4   | 3314     | Sửa chữa thiết bị điện  | 3314  | Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị điện  |
| 5   | 3315     | Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác) | 3315  | Sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)      |
| 6   | 3319     | Sửa chữa thiết bị khác  | 3319  | Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị khác  |
| 7   | 5510     | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày   | 5510  | Khách sạn và dịch vụ lưu trú tương tự  |

**3. Danh mục ngành nghề kinh doanh có sự thay đổi mã ngành (không thay đổi tên ngành): 03 ngành nghề.**

| Ngành nghề kinh doanh hiện tại của Tổng công ty |          |  | Ngành nghề kinh doanh cập nhật theo Quyết định 36/2025/QĐ-TTg |  |
|---|----------|--|---|--|
| TT  | Mã ngành | Tên ngành  | Mã ngành  | Tên ngành  |
|   | 4511     | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác  | 4661  | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác  |
|   | 4661     | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan   | 4671  | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan   |
|   | 4663     | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Bổ sung: Bán buôn đất đá, đá, cát, sỏi, đất sét được khai thác và/hoặc được sản xuất từ nguồn đất đá đồ thải trong khai thác mỏ | 4673  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Bổ sung: Bán buôn đất đá, đá, cát, sỏi, đất sét được khai thác và/hoặc được sản xuất từ nguồn đất đá đồ thải trong khai thác mỏ |

**4. Danh mục ngành nghề kinh doanh có sự thay đổi cả tên ngành, mã ngành: 02 ngành nghề.**

| Ngành nghề kinh doanh hiện tại của Tổng công ty |          |  | Ngành nghề kinh doanh cập nhật theo Quyết định 36/2025/QĐ-TTg |  |
|---|----------|--|---|--|
| TT  | Mã ngành | Tên ngành                                      | Mã ngành  | Tên ngành  |
|   | 4513     | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác              | 4610  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Chi tiết: Đại lý ô tô và xe có động cơ khác) |
|   | 4520     | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác | 9531  | Sửa chữa, bảo dưỡng ô tô và xe có động cơ khác                                   |

**5. Danh mục ngành nghề kinh doanh được chia tách: 01 ngành nghề.**

| Ngành nghề kinh doanh hiện tại của Tổng công ty |          |  | Ngành nghề kinh doanh cập nhật theo Quyết định 36/2025/QĐ-TTg |   |
|---|----------|--|---|---|
| TT  | Mã ngành | Tên ngành  | Mã ngành  | Tên ngành   |
| 1   | 4530     | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác | 4662  | Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác |
| 2   |          |  | 4782  | Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác   |

**6. Danh mục ngành nghề kinh doanh được bổ sung: 01 ngành nghề.**

| TT | Mã ngành | Tên ngành nghề  |
|----|----------|---|
| 1  | 7110     | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.<br>Chi tiết: Hoạt động đo đạc và bản đồ. |

**Phụ lục 2**

**SỬA ĐỔI KHOẢN 2, ĐIỀU 4 ĐIỀU LỆ CỦA TỔNG CÔNG TY**

(Kèm theo Tờ trình số: **CAT9 TT-ĐDQT** ngày 29 tháng 5 năm 2026)

| Stt | Mã ngành        | Tên ngành nghề   |
|-----|-----------------|--|
| 1   | 0510<br>(Chính) | Khai thác và thu gom than cứng   |
| 2   | 0520            | Khai thác và thu gom than non  |
| 3   | 0810            | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét<br>Chi tiết: Khai thác đất đá, đá, cát, sỏi, đất sét từ nguồn đất đá đổ thải trong khai thác mỏ; Khai thác đá; Khai thác cát; Khai thác sỏi; Khai thác đất sét |
| 4   | 0892            | Khai thác và thu gom than bùn  |
| 5   | 1702            | Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa  |
| 6   | 2392            | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét  |
| 7   | 2394            | Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao   |
| 8   | 2395            | Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao  |
| 9   | 2431            | Đúc sắt, thép  |
| 10  | 2511            | Sản xuất các cấu kiện kim loại   |
| 11  | 2512            | Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại   |
| 12  | 2513            | Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)   |
| 13  | 2591            | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại   |
| 14  | 2592            | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại   |
| 15  | 2813            | Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác   |
| 16  | 2814            | Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động   |
| 17  | 2815            | Sản xuất lò nung, lò luyện và lò nung  |
| 18  | 2816            | Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp  |
| 19  | 2819            | Sản xuất máy thông dụng khác   |
| 20  | 2824            | Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng  |
| 21  | 2829            | Sản xuất máy chuyên dụng khác  |
| 22  | 2910            | Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác  |
| 23  | 2930            | Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác   |
| 24  | 3020            | Sản xuất đầu máy xe lửa, xe điện, toa xe và phương tiện, thiết bị chuyên dùng trên đường ray   |
| 25  | 3290            | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu   |
| 26  | 3312            | Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị  |
| 27  | 3313            | Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị điện tử và quang học  |

| Stt | Mã ngành | Tên ngành nghề   |
|-----|----------|--|
| 28  | 3314     | Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị điện  |
| 29  | 3315     | Sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)  |
| 30  | 3319     | Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị khác  |
| 31  | 3320     | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp  |
| 32  | 3600     | Khai thác, xử lý và cung cấp nước  |
| 33  | 3700     | Thoát nước và xử lý nước thải  |
| 34  | 4101     | Xây dựng nhà để ở  |
| 35  | 4102     | Xây dựng nhà không để ở  |
| 36  | 4211     | Xây dựng công trình đường sắt  |
| 37  | 4212     | Xây dựng công trình đường bộ   |
| 38  | 4390     | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác.   |
| 39  | 4610     | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>(Chi tiết: Đại lý ô tô và xe có động cơ khác)  |
| 40  | 4659     | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.   |
| 41  | 4661     | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác  |
| 42  | 4662     | Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác  |
| 43  | 4671     | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan.  |
| 44  | 4673     | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Bán buôn đất đá, đá, cát, sỏi, đất sét được khai thác và/hoặc được sản xuất từ nguồn đất đá đồ thải trong khai thác mỏ; Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến |
| 45  | 4782     | Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác  |
| 46  | 4912     | Vận tải hàng hóa đường sắt   |
| 47  | 4932     | Vận tải hành khách đường bộ khác   |
| 48  | 4933     | Vận tải hàng hoá bằng đường bộ   |
| 49  | 5510     | Khách sạn và dịch vụ lưu trú tương tự  |
| 50  | 5610     | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động   |
| 51  | 6810     | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: Cho thuê và vận hành nhà và đất không để ở  |
| 52  | 7110     | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.<br>Chi tiết: Hoạt động đo đạc và bản đồ.  |
| 53  | 8710     | Hoạt động của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng   |
| 54  | 9531     | Sửa chữa, bảo dưỡng ô tô và xe có động cơ khác   |

- Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với quy định của pháp luật.

Hà Nội, ngày 31 tháng 5 năm 2026

**DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**  
**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV-CTCP**

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 14, thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP (sửa đổi) ban hành theo quyết định số 302/QĐ-HĐQT ngày 16/10/2025 của Hội đồng quản trị Tổng công ty;

Căn cứ vào Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Tổng công ty ngày 31/5/2026.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua báo cáo số 1361/BC-CMV ngày 06/5/2026 về tình hình thực hiện SXKD năm 2025 và phương hướng nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2026 của Công ty mẹ-Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP với các nội dung chính như sau:

1.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chính so với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty mẹ (Số liệu theo BCTC đã kiểm toán):

| TT | Chỉ tiêu                     | ĐVT                 | NQ ĐHĐCĐ năm 2025 | Thực hiện năm 2025 | Tỷ lệ (%) |
|----|------------------------------|---------------------|-------------------|--------------------|-----------|
| 1  | Các chỉ tiêu hiện vật        |                     |                   |                    |           |
|    | - Than nguyên khai           | 1000 Tấn            | 930               | 785,429            | 84,45     |
|    | - Bóc đất đá                 | 1000 m <sup>3</sup> | 10.766            | 8.478,396          | 78,75     |
|    | - Than sạch tự sản xuất      | 1000 Tấn            | 1.070             | 1.093,447          | 102,19    |
|    | - Than tiêu thụ              | 1000 Tấn            | 1.257             | 1.236,990          | 98,41     |
| 2  | Vốn điều lệ                  | Triệu đồng          | 1.050.000         | 1.050.000          | 100,00    |
| 3  | Tổng doanh thu               | "                   | 2.400.771         | 2.550.970          | 106,25    |
| 4  | Lợi nhuận trước thuế         | "                   | 282.293           | 250.567            | 88,76     |
| 5  | Nộp thuế TNDN                | "                   | 56.198            | 45.740             | 81,39     |
| 6  | Lợi nhuận sau thuế           | "                   | 226.695           | 204.827            | 90,35     |
| 7  | Tỷ lệ trả cổ tức/Vốn điều lệ | %                   | ≥ 9%              | DK 10,5 %          | 116,67    |
| 8  | Đầu tư xây dựng              | Triệu đồng          | 187.899           | 310.461            | 165,23    |

1.2. Chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ năm 2026:

| TT | Tên chỉ tiêu            | ĐVT                 | KH năm 2026 |
|----|-------------------------|---------------------|-------------|
| 1  | Các chỉ tiêu hiện vật   |                     |             |
|    | - Than nguyên khai      | 1000 Tấn            | 1.350       |
|    | - Bóc đất đá            | 1000 m <sup>3</sup> | 17.360      |
|    | - Than sạch tự sản xuất | 1000 Tấn            | 1.559       |

| TT | Tên chỉ tiêu                 | ĐVT        | KH năm 2026 |
|----|------------------------------|------------|-------------|
|    | - Than tiêu thụ              | 1000 Tấn   | 1.664       |
| 2  | Vốn điều lệ                  | Triệu đồng | 1.050.000   |
| 3  | Tổng doanh thu               | "          | 2.680.956   |
| 4  | Lợi nhuận trước thuế         | "          | 153.887     |
| 5  | Nộp thuế TNDN                | "          | 30.777      |
| 6  | Lợi nhuận sau thuế           | "          | 123.110     |
| 7  | Tỷ lệ trả cổ tức/Vốn điều lệ | %          | ≥ 8%        |
| 8  | Đầu tư xây dựng              | Triệu đồng | 381.026     |

**Điều 2.** Thông qua Báo cáo số 151/BC-HĐQT ngày 07/5/2026 về hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP năm 2025 và phương hướng hoạt động năm 2026.

*Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 ủy quyền cho Hội đồng quản trị chủ động điều chỉnh một số chỉ tiêu trong kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch ĐTXD thuộc thẩm quyền của Đại hội, sau khi có ý kiến của Tập đoàn Công nghiệp than Khoáng sản Việt nam, nhưng phải đảm bảo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2026 không lỗ.*

**Điều 3.** Thông qua báo cáo số 019/BC-BKS ngày 06 /5/2026 của Ban kiểm soát Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP năm 2025, phương hướng hoạt động năm 2026.

**Điều 4.** Thông qua Tờ trình số 147/TTr-HĐQT ngày 07/5/2026 về việc phê duyệt quyết toán tài chính của Công ty mẹ-Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP đã được kiểm toán và tiền lương chi trả cho Tổng giám đốc và người quản lý khác năm 2025.

Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 với tỷ lệ chi trả cổ tức/Vốn điều lệ năm 2025 là: 10,5% như sau:

|          |   |             |                        |
|----------|---|-------------|------------------------|
| <b>1</b> | <b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>  | Đồng        | <b>265.003.141.913</b> |
|          | Trong đó: + Lợi nhuận năm trước chuyển sang   | Đồng        | 60.176.541.545         |
|          | + Lợi nhuận năm nay   | Đồng        | 204.826.600.368        |
| <b>2</b> | <b>Lợi nhuận để lại chưa phân phối năm nay</b>  | Đồng        | <b>55.849.115.119</b>  |
| <b>3</b> | <b>Phương án trả cổ tức năm 2025</b>  |             |                        |
| 3.1      | Tỷ lệ trả cổ tức theo NQ ĐHCĐ đầu năm   | %           | ≥ 9%                   |
| 3.2      | Tỷ lệ trả cổ tức năm 2025   | %           | 10,5                   |
| 3.3      | Số tiền trả cổ tức  | Đồng        | 110.250.000.000        |
| <b>4</b> | <b>Bù đắp các khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế( Nếu có)</b> |             |                        |
| <b>5</b> | <b>Lợi nhuận còn lại ( 5=1-2-3.3-4)</b>   | <b>Đồng</b> | <b>98.904.026.794</b>  |
| a        | Trích quỹ đầu tư phát triển   | Đồng        | 61.447.980.110         |
| b        | Trích quỹ khen thưởng. phúc lợi   | Đồng        | 37.456.046.684         |
| b.1      | Quỹ lương thực hiện năm 2025 của công ty  | Đồng        | 245.708.383.562        |
| b.2      | Quỹ lương thực hiện bình quân 1 tháng của công ty   | Đồng        | 20.475.698.630         |

|            |  |             |                       |
|------------|--|-------------|-----------------------|
| +          | Số lao động bình quân năm 2025                           | Người       | 1.670                 |
| +          | Tiền lương bình quân năm 2025                            | đ/ng/th     | 12.260.897            |
| b.3        | Số tháng lương được trích                                | Tháng       | 2,73                  |
| <b>b.4</b> | <b>Mức trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (b4=b2*b3)</b>    | <b>Đồng</b> | <b>37.456.046.684</b> |
| +          | Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi/tháng lương bình quân | Tháng       | 1,83                  |
| +          | Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi/lao động bình quân    | Đ/ng        | 22.428.770            |

**Điều 5.** Thông qua việc chi trả thù lao Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát năm 2025 và kế hoạch chi trả năm 2026:

**5.1. Thực hiện chi trả thù lao HĐQT, Ban kiểm soát năm 2025:**

| TT        | Chức danh                | Số người | Mức trả 01 tháng theo NQ ĐHCĐ | Số tháng | Tổng số tiền thù lao năm 2025 (đ) |
|-----------|--------------------------|----------|-------------------------------|----------|-----------------------------------|
| <b>I</b>  | <b>Hội đồng quản trị</b> |          |                               |          |                                   |
| 1         | Chủ tịch HĐQT            | 1        | 6 200 000                     | 12       | 74 400 000                        |
| 2         | Thành viên HĐQT          | 1        | 5 400 000                     | 12       | 64 800 000                        |
|           |                          | 1        | 5 400 000                     | 10,5     | 56 700 000                        |
| <b>II</b> | <b>Ban kiểm soát</b>     |          |                               |          |                                   |
| 1         | Kiểm soát viên           | 2        | 5 000 000                     | 12       | 120 000 000                       |
|           | <b>Tổng cộng</b>         |          |                               |          | <b>315 900 000</b>                |

**5.2. Thực hiện chi trả phụ cấp cho thành viên độc lập HĐQT năm 2025:**

| TT | Chức danh               | Số người | Tổng số tiền phụ cấp chi trả năm 2025 (đ) | Mức trả thực tế 01 tháng | Ghi chú   |
|----|-------------------------|----------|---|--------------------------|---|
| 1  | Thành viên độc lập HĐQT | 1        | 260 100 000                               | 27 000 000               | Thành viên HĐQT độc lập từ nhiệm từ ngày 15/10/2025 |

**5.3. Kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2026:**

| TT        | Chức danh                | Số người | Mức trả 01 tháng theo NQ ĐHCĐ | Số tháng | Tổng số tiền thù lao năm 2025 (đ) |
|-----------|--------------------------|----------|-------------------------------|----------|-----------------------------------|
| <b>I</b>  | <b>Hội đồng quản trị</b> |          |                               |          |                                   |
| 1         | Chủ tịch HĐQT            | 1        | 6 200 000                     | 12       | 74 400 000                        |
| 2         | Thành viên HĐQT          | 1        | 5 400 000                     | 12       | 64 800 000                        |
|           |                          | 1        | 5 400 000                     | 7        | 37 800 000                        |
| <b>II</b> | <b>Ban kiểm soát</b>     |          |                               |          |                                   |
| 1         | Kiểm soát viên           | 2        | 5 000 000                     | 12       | 120 000 000                       |
|           | <b>Tổng cộng</b>         |          |                               |          | <b>297 000 000</b>                |

**5.4. Kế hoạch chi trả phụ cấp cho thành viên độc lập HĐQT năm 2026:**

Kế hoạch chi trả phụ cấp cho thành viên độc lập HĐQT năm 2026 là 27.000.000 đồng/tháng.

**Điều 6.** Thông qua Tờ trình số 020/TTr-BKS ngày 06/5/2026 lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán BCTC năm 2026 của Tổng công ty.

DHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT Tổng công ty tiến hành lựa chọn công ty kiểm toán theo đúng quy định của pháp luật.

**Điều 7.** Chấp thuận và thông qua giao cho Tổng giám đốc Tổng công ty ký kết, tổ chức thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP với các doanh nghiệp và người có liên quan năm 2026 theo tờ trình số 155 /TTr-HĐQT ngày 07/5/2026 theo đúng quy định của pháp luật.

**Điều 8.** Thông qua Tờ trình số 179/TTr-HĐQT ngày 29/5/2026 về việc sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh và sửa đổi Điều lệ Tổng công ty.

**Điều 9.** Thông qua kết quả bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2025-2030:

- Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2025–2030:

1. Ông: **Bùi Trần Đông**

2. Ông: **Hoàng Kiều Hưng**

3. Ông: **Ngô Ngọc Sơn** -Thành viên độc lập HĐQT

- Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2025–2030:

1. Bà: **Lê Thị Thu Trang**

**Điều 10.** Điều khoản thi hành

- Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt bắc TKV - CTCP biểu quyết thông qua toàn văn tại Đại hội.

- Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ sau khi kết thúc Đại hội.

- Các Ông (Bà) Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này và tổ chức triển khai theo chức năng hoạt động của mình phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP.

**Nơi nhận:**

- Các cổ đông;
- Như điều 10 (e-copy);
- Các phòng Tổng công ty (e-copy);
- Các đơn vị trực thuộc (e-copy);
- Website Tổng công ty;
- Lưu:VT, HĐQT, Thư ký TCT (H.08).

**TM.ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA**

**Lê Quang Bình**